

TRẦN ĐĂNG KHOA

đảo chìm

TẬP TRUYỆN



LAD ĐỘNG

Table of Contents

LỜI NÓI ĐẦU

MAN ĐAM QUANH ĐẢO CHÌM

Nhà thơ Trần Đăng Khoa

Nhà văn Nguyễn Khắc Trường

Nhà văn Lê Lưu

Nhà văn Phạm Ngọc Tiến

Nhà phê bình Ngô Vĩnh Bình

Phần thứ nhất

ĐẢO CHÌM

01 – VỊ TƯỚNG GIÀ VÀ CHÀNG LÍNH TRẺ

02 – HỒN ĐẢO KỶ LẠ

03 – CHIM BIỂN

04 – MỘT XỨ SỞ TỰ DO

05 – NHÀ THƠ CỦA ĐẢO

06 – BỮA YÊN TIỆC KHÔNG THÀNH

07 – CÔ TIÊN TRÊN ĐẢO

08 – NGƯỜI LÍNH GÁC ĐẢO CHÌM

09 – TIẾNG CÒI TÀU ĐỘT NGỘT

10 – NÀNG A TARA MÈ NA

11 – CUỘC BIỂU DIỄN KHÔNG SÂN KHẤU

12 – SÓNG GIÓ KHÔNG TỪ BIỂN

13 – CHUYỆN TRÊN BOONG

14 – BÃO BIỂN

15 – BIỂN MẶN

Phần thứ hai

THỜI SỰ VÀ KÝ ỨC

THỜI SỰ LÃNG TÔI

NỘI KHỔ TÂM CỦA MỘT ÔNG CHỦ TỊCH HUYỆN

NÔNG DÂN

KÝ ỨC THẮNG TỰ

CHUYỆN CỦA NGƯỜI THU MUA GIẤY VỤN

BÓNG ĐÁ

BI KỊCH CỦA MỘT NGƯỜI NỔI TIẾNG

CHUYỆN Ở QUẢNG BÌNH

NGƯỜI CỦA THẾ KỶ TRƯỚC

HUYỀN THOẠI CHỢ TÌNH

THẦY CŨ

LẠI CHUYỆN Ê-KÍP

CƠN NUÔI CON ĐÈ

NGƯỜI KHÔNG QUEN Ở NHÀ MÌNH

CHỈ TẠI CÁI CHÙA XUÂN

LÃO CHỘP

KÊ TIẾP CHUYỆN LÃO CHỘP

LÃO CHỘP VÀ NGÀI PETER PETERSON

CUỘC CHIA TAY THÁNG BẢY

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LỜI NÓI ĐẦU

Bạn đọc đã từng biết một thần đồng thơ: Trần Đăng Khoa – mà tên tuổi và sáng tác của anh đã được nhiều người yêu thích từ khi anh 8 tuổi (1966).

Năm 2001 anh đã được trao tặng Giải thưởng Nhà nước đợt I cho ba tập thơ: Góc sân và khoảng trời, Bên cửa sổ máy bay, Tuyển thơ Trần Đăng Khoa (1966 - 2000).

Tuy thế, đông đảo bạn đọc không chỉ yêu thích thơ của Trần Đăng Khoa mà còn nồng nhiệt đón đọc hàng loạt tập văn xuôi, đặc biệt là tản văn, bút ký, tiểu luận của anh. Nhiều tập văn xuôi của anh đã gây tiếng vang trong dư luận bạn đọc và được in lại nhiều lần.

Để đáp ứng nhu cầu của bạn đọc và được sự đồng ý của tác giả, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin sẽ in lại và giới thiệu với bạn đọc các tác phẩm mới của anh bao gồm nhiều thể loại. Cuốn “Đảo Chìm” (đã được Điện ảnh Quân đội dựng phim) được in lại lần này là một tác phẩm nằm trong kế hoạch xuất bản đó.

Nhà xuất bản
Văn hoá Thông tin

MẠN ĐÀM QUANH ĐẢO CHÌM

Nhà thơ Trần Đăng Khoa:

Đảo chìm là cuốn văn xuôi thứ hai của tôi, sau Chân dung và đối thoại. Thực tình, đây chỉ là cuốn truyện người thật việc thật. Hay nói cách khác, là truyện của một anh nhà báo, thấy gì thì ghi thế. Truyện đã có sẵn ở trong đời sống. Nhân vật đều là người thật. Nhiều người hiện vẫn đang còn sống. Khi đời sống tự nó đã là một vẻ đẹp rồi thì người viết không cần phải thêm thắt, hư cấu. Tôi chỉ có một cố gắng nhỏ, là vun vén lại cho gọn, kể sao cho thật hấp dẫn. Bởi thế, tôi cố gắng viết cho thật đa dạng và sinh động. Mỗi truyện một kiểu. Không cái nào giống cái nào, để bạn đọc có thể vừa cười vừa khóc, đọc một mạch hết hơn hai trăm trang sách.

Đó là ý đồ của tôi. Còn tôi có làm được điều ấy hay không, lại là chuyện khác. Phần một của cuốn sách, tôi dành kể về một hòn đảo kỳ lạ, nằm trong dải Trường Sa. Hòn đảo này luôn ám ảnh tôi. Tôi đã viết hàng chục bài thơ về nó mà cảm giác vẫn chưa nói được gì cả: Đồng đội tôi trên đảo Thuyền Chài, Ghi ở Đảo chìm, Lính Đảo chìm, Đoạn văn xuôi chép ở Đảo chìm, Hát về một hòn đảo, v.v. và v.v. Năm 1978, tôi cũng đã viết một cuốn tiểu thuyết dài, dày hơn 300 trang về nó. Nhưng rồi tôi lại ném cuốn sách vào đồng giấy lộn. Vì đọc cứ thấy giả. Truyện thật mà hoá giả. Không thể chấp nhận được.

Nhưng mà khốn khổ. Cái hòn đảo quái quỷ ấy vẫn không chịu buông tha tôi. Tôi lại viết lại. Lần này tôi co cái truyện chỉ còn chừng 80 trang, lại tách tiếp ra thành 15 truyện. Mỗi truyện một tình huống. Có truyện chỉ ba, bốn trăm âm tiết. Truyện dài nhất cũng chỉ bốn, năm trang. Tách ra, nó thành truyện độc lập, gộp lại trong một chuỗi thì nó là cuốn tiểu thuyết 15 chương. Mỗi chương là một truyện. Mỗi truyện đều liên quan đến nhau.

Tôi rất mừng là cuốn sách cũng được bạn đọc ưu ái để mắt đến. Chỉ sau hơn hai tháng ra đời, cuốn sách đã được nổi bản. Trong lần in thứ hai ở Nhà xuất bản Thanh niên, tôi có chỉnh một số chữ và chi tiết theo sự góp ý của bạn đọc mà tôi thấy đúng. Tôi cũng bổ sung thêm vài truyện cực ngắn và in thêm ảnh tư liệu, ảnh các nhân vật trong truyện, cả ảnh hạ sĩ Trần Văn Hai, một anh chàng quanh năm cưỡi truồng, lính gọi là thi sĩ Hai ùm. Trong ảnh là chàng Hai ùm tập bơi cho cô nàng An Ta Ra Mê Na, là tên một con lợn được lính ta tây hoá. Bức ảnh rất hiếm hoi này đã được nghệ sĩ nhiếp ảnh Lê Đức Do chớp được, khi anh có dịp ghé qua xứ đảo chìm...

Nhà văn Nguyễn Khắc Trường:

Đây là tập sách hay, được viết trong một thời gian khá dài. Qua tập sách này càng chứng tỏ thêm về khả năng văn xuôi của Trần Đăng Khoa, mà năm ngoái, “Chân dung và đối thoại” đã nói lên điều đó. Hóm và sắc sảo - có thể nói ngắn gọn về văn xuôi của Trần Đăng Khoa như vậy.

Đảo chìm chia làm hai phần. Phần hai là những chuyện trên cạn thì “Thời sự làng tôi” viết từ năm 1986 vẫn là truyện hay nhất của phần này, bởi sự thông thuộc người và cảnh và cả tình cảm của người viết, rồi đến “Lão Chộp”, “Bóng đá”. Phần một là những chuyện dưới nước với nhiều bài nhỏ ghép lại được viết trong nhiều năm. Với phần này, Trần Đăng Khoa đã trả được món nợ tinh thần với đồng chí, đồng đội trong những năm anh ở Hải quân, ở đảo với các chiến sĩ. Mỗi bài của phần này đều có thể đứng riêng biệt một cách độc lập. Cách sắp xếp, bố cục ở phần này rất có ý thức. Điều này người đọc cũng nên suy ngẫm...

Nhà văn Lê Lưu:

Tất cả những truyện viết trong Đảo chìm, Khoa đã kể cho tôi nghe không dưới 10 lần (!), nhưng đến khi đọc văn vẫn thấy có cái gì như mình mới khám phá, như mới bắt gặp, như mới đột nhiên ngỡ ngàng và cứ như thần. Mà chuyện thì rõ ràng là đã nghe kể đến thuộc lòng rồi.

Theo tôi, phần Đảo chìm là phần thần bút, vì những chuyện thông thường, ai ra đảo cũng thấy thế hoặc không thấy thế mà tự nhiên có và vẫn thấy như là có thật. Ví dụ như chuyện ông tướng ngồi gác, mổ ruột thừa bằng panh sa lam có thể là Khoa bịa, nhưng vẫn chấp nhận được. Ý tưởng của tác phẩm đã vượt ra ngoài những chuyện cụ thể, tưởng như rất vụn vặt. Chính vì thế, nó có sức hấp dẫn đối với bạn đọc.

Phần Thời sự và ký ức viết hóm, có chuyện. Những chuyện như ông chủ tịch xã bỏ con dấu vào túi và đi thả diều đọc bật cười. Đây là phần thể hiện cái Tài của Trần Đăng Khoa. Tuy nhiên theo tôi, một số truyện trộn vào cho dày sách làm giảm sức thu hút. Tôi đề nghị Khoa chỉ nên lấy chuyện Từ làng ra đảo. Nhưng dù khe khắt thế nào, tôi vẫn phải đánh giá đây là những trang văn tuyệt vời...

Nhà văn Phạm Ngọc Tiến:

“Chuyện nhật ở Đảo Chìm” (theo cách nói của Trần Đăng Khoa) là những chuyện mà người khác đã làm, đã viết nhưng trong “Đảo Chìm” nó vẫn hấp dẫn bởi chính phong cách của Trần Đăng Khoa. Cách thể hiện tếu táo của một người hiểu biết, có Tài, có Tâm đã lôi cuốn độc giả. Những chuyện ngỡ như vụn vặt, vô bổ, tầm phào, nhưng thực ra đều có chủ đích của tác giả, và bằng cảm xúc thực sự của một người lính, một người có tài văn chương đã biến “chuyện tầm phào” ấy thành những trang viết sinh động, hấp dẫn, không dứt ra được.

“Thời sự và ký ức” nổi được phong cách của “Chân dung và đối thoại”. Viết hoạt, láu lỉnh và không kém phần sâu sắc, có sức công phá lớn. Qua những câu chuyện đời thường có thể bóc tách ra được một làng quê với đầy đủ các vấn đề của ngày hôm qua và cả ngày hôm nay bằng một thái độ chân thành. Đặc biệt “Ký ức tháng Tư” là một bài ký điển hình với lối viết giàu hình ảnh, có thể thành kịch bản phim hoàn chỉnh. Chỉ tiếc tác phẩm ấy chưa lọt vào “cặp mắt xanh” của những người làm phim tài liệu. Không cần phải bom đạn mù trời, chính những số phận của các thế hệ tham gia chiến tranh, sự trưởng thành của người con trai sinh vào ngày mất cha... tất cả đã thể hiện được những vấn đề lớn của chiến tranh và hoàn toàn mới mẻ. Nếu thực hiện thành công việc chuyển thể phim, nó sẽ thành tác phẩm tâm đắc của bất kỳ đạo diễn nào và nó cũng sẽ thành bộ phim tài liệu hay hơn bất kỳ bộ phim tài liệu nào từ trước đến nay về ngày 30 tháng Tư.

Viết về bóng đá, Khoa lại tỏ ra sành điệu và đáng yêu hơn tất cả những nhà bình luận bóng đá tài năng.

Còn khi viết về lính, anh đã chứng tỏ mình là một người lính thực sự. Anh khai thác đời sống những người lính đảo một cách tài tình, giúp người đọc hiểu được những nỗi khó khăn vất vả nơi đây, đồng thời biết yêu thương, kính trọng họ một cách tự nhiên, chân thành.

Tôi đã đọc “Đảo chìm” liền một mạch và không nhận thấy bất kỳ khiếm khuyết nào trong tập sách này. Nếu tôi tỉnh táo hơn một chút, bớt Yêu, bớt Phục, bớt Tin Khoa đi một chút chắc sẽ nhận ra khuyết điểm trong văn của anh.

Lâu nay, chúng ta cứ nghĩ ký và phê bình là thể loại khô khan, nhưng với cách viết của Trần Đăng Khoa (có thể anh chưa phải là nhà phê bình, mà chỉ là một nhà thơ, một người làm văn chương) ta có thể thấy không có thể loại nào là khô, là khó, mà điều khó nhất là viết như thế nào.

Nhà phê bình Ngô Vĩnh Bình:

Trần Đăng Khoa là một trong số rất ít những nhà văn có quan hệ gắn bó mật thiết với Trường Sa. Trước, anh tham gia Hải quân với vai trò của chú lính binh nhì. Sau này, khi hoàn thành khoá học đào tạo cơ bản ở Nga, anh tiếp tục quay lại với Trường Sa. Vì vậy, Khoa có lợi thế hiểu Trường Sa rất rõ. Nhưng điều đáng nói là Khoa biết tìm cho mình một cách khai thác riêng, khác hẳn với các bài thông tấn, phóng sự thường thấy trên các báo phản ánh đời sống khó khăn vất vả của người lính đảo. Anh đã chọn cách tiếp cận với đời thực, với những tâm sự riêng tư trong sâu thẳm tâm hồn người lính Trường Sa, không cần phải súng đạn ì ùng... nhưng thật thuyết phục và hấp dẫn. Lối viết hoạt, tươi trẻ là một trong những nguyên nhân giúp Khoa thành công.

Có thể nói, Khoa có cái nhìn khác người, và đặc biệt là rất sâu sắc. Chính vì thế phần lớn các truyện trong “Đảo chìm” viết từ trước đây rất lâu (thậm chí 15-20 năm) nhưng đến nay vẫn mang được tính thời sự của nó. Cho rằng Khoa may mắn hơn người khác bởi được sinh ra ở một làng quê “hay” như thế, được gặp lão Chộp thú vị như thế... cũng không sai. Nhưng nếu không có tài năng văn chương thì tất cả tư liệu quý giá ấy cũng không thể thành “thời sự” được và không thể cuốn hút được người đọc đến như thế...

Phong Điệp thực hiện

ĐẢO CHÌM

(Tiểu thuyết mi-ni)

01 – VỊ TƯỚNG GIÀ VÀ CHÀNG LÍNH TRẺ

Gọi tiểu thuyết, nhưng đây lại là truyện thật mà tôi không hề hư cấu, bịa đặt. Chuyện xảy ra ở Đảo Chìm. Nhưng trước khi đến xứ Đảo Chìm, tôi muốn mời bạn đọc ghé qua một hòn đảo nổi. Lính Đảo Chìm gọi là Thủ đô Trường Sa. Thủ đô Trường Sa là một hòn đảo rất bé. Nó bé tới mức, người đời khó mà tưởng tượng được. Đến nổi, một nhà thơ đã phải thốt lên: “Đảo nhỏ quá, nói một câu là hết” (*).

Tôi đã tới cái hòn đảo “Nói một chữ là hết” ấy. Nó chỉ là một vũng cát lơ phờ, to chừng một cái nong phoi thóc, vừa đủ chỗ để dựng một cái lều bạt dã chiến. Tư lệnh Hải quân Giáp Văn Cương cũng đã đến đây, đã ngủ một đêm trên hòn đảo này trong một chuyến đi tuần biển.

– Vất vả không, các cậu?

Tư lệnh hỏi một cậu lính trẻ, tóc đỏ quạch như tôm luộc, da đen cháy, người chắc nịch như một thỏi sắt đã tôi qua lửa. Cậu lính trẻ cười khì khì:

– Báo cáo bố, cũng tạm tạm thôi ạ!

– Ở đây thì mọi thứ đều thiếu thốn rồi. – Giọng Tư lệnh bùi ngùi – Nhưng cái gì cần nhất, cấp thiết nhất, các cậu cứ nói thẳng với mình. Bộ tư lệnh sẽ tạo mọi điều kiện giúp đỡ các cậu.

– Thế bố cho con được nói thật nhé!

– Ừ, thì phải nói thật chứ! – Tư lệnh mỉm cười. – Chả lẽ tở già thế này, còn lặn lội vượt sóng gió ra đây với các cậu, để rồi rớt cuộc, lại nghe các cậu nói dối à?

– Nhưng bố không được phê phán con lẳng mạn cơ...

– Cái thằng! Tao còn lẳng mạn hơn mày ấy!

Anh lính trẻ nhìn mái đầu bạc trắng của Tư lệnh, cười hờn nhiên:

– Thế thì, con đề nghị bố thế này nhé! Bạn sau, nếu bố ra đảo, bố chịu khó giặt lưng cho chúng con vài cô gái...

Anh lính trẻ bỗng bối rối trước cái nhìn ngơ ngàng của Tư lệnh. “Thì con đã vòì bố trước rồi, là bố phải tha thứ cho con, không được phê phán con lẳng mạn”.

– Chúng mày muốn nghe hát hả? Muốn xem văn công hả?

– Không, không! – Anh lính bỗng luống cuống. – Con đâu dám có voi đòi tiên! Văn công xem ra xa vòì quá! Chúng con chỉ muốn bố mang ra đây vài cô nuôi quân thôi! Các cô ấy chẳng phải hát hò gì. Chỉ mặc tấm áo phin trắng, cái quần lụa đen, đi phơ phất trên đảo, để chúng con ngắm, chúng con “chỉnh” mắt. Chứ mắt mũi chúng con, bố thấy đấy, sang vành hết cả rồi!..

Tư lệnh cười ha hả. Anh lính trẻ cũng cười. Chưa bao giờ tôi được nghe cuộc đối thoại kỳ lạ như thế. Sau đó, quả như niềm ao ước của anh lính trẻ, các cô gái lần lượt ra thăm đảo. Không phải cánh nuôi quân mà các cô văn công mặt hoa da phấn hân hoi. Trông cô nào cũng đẹp,

cũng thơm phức và lòng lầy như những nàng tiên cá. Các cô múa hát và khâu vá cho chiến sĩ. Nhiều anh áo quần còn mới nguyên, cũng bí mật xé ra, rồi nhờ các cô vá. Thế là từ đấy, lần nào Tư lệnh ra đảo, các chiến sĩ cũng được dự những bữa tiệc mắt linh đình. Nhưng đó là chuyện sau này, còn chiều ấy, ngồi bên Tư lệnh trên mặt cát nóng bỏng như rang, mặc dù mặt trời đã lặn xuống biển lâu rồi, anh lính trẻ quê xứ Nghệ thực sự coi Tư lệnh như một người đồng đội thân thiết. Anh lắc lắc đầu gối Tư lệnh:

– Bố thấy Vương quốc của chúng con thế nào?

Tư lệnh đưa mắt nhìn suốt rẻo cát trống trơn, rồi lại nhìn cái lều bạt dã chiến cứ học lên trong gió tựa hồ một con ngựa bất kham, đang lồng lộn như muốn rút tung mấy sợi xích sắt căng ghì xuống đảo mà phóng đi cùng bầy gió hoang dã.

– Đẹp, nền nếp. Đúng quân phong quân kỷ. ở đây mà giữ được như thế này là tốt lắm rồi. – Giọng Tư lệnh bỗng bùi ngùi. – Tất nhiên là vất vả! Chúng mày rất vất vả! Tao biết! Nhưng khổ nổi đây lại là Tổ quốc, là đất đai hương hỏa của ông cha, thì dù chỉ có đá sỏi gió cát thế này, ta cũng phải canh giữ, một tấc không đi, một ly không rời, dầu có phải đổi bằng xương máu...

– Vâng, con hiểu! Con hiểu, bố ạ!

Tư lệnh ôm lấy đôi vai trần cháy khét nắng gió của người lính trẻ xứ Nghệ. Đôi mắt ông bỗng cay xè, ầng ậng nước. Anh lính trẻ cũng nắm chặt bàn tay xù xì thô ráp của Tư lệnh:

– Bố đừng lo! Chúng con ở đây quen rồi! Khổ mấy chúng con cũng chịu được! Nhưng đúng như bố nói đấy. Rất vất vả, cực nhọc. Nhiều lúc mệt quá, con liều nghĩ, hay là ta cứ tạm giấu quách đảo đi!

Tư lệnh ngạc nhiên:

– Giấu đảo à? Mày nói gì lạ thế? Giấu thế nào?

Anh lính trẻ vui vẻ:

– Bố cứ cho con mượn tạm cái xẻng. Chỉ ba tiếng là con giấu xong đảo thôi! Mà không đến ba tiếng đâu. Chỉ tiếng rưỡi đồng hồ là con xúc xong chỗ cát này cho xuống biển, đổ kẻ thù nào nhìn thấy đảo, có muốn cướp đảo cũng chịu!

Tư lệnh cười vang, cười đến giàn giụa nước mắt. Rồi ông lóp nhóp đánh xuống về tàu. Con tàu bấy giờ đang bập bênh buông neo ngay bên ngoài mép san hô. Và thật bất ngờ, lát sau, ông trở lại với chiếc xẻng còn mới coóng.

– Đây! Xẻng đây! Không phải mượn đâu. Tớ tặng luôn cậu đấy để cậu giấu đảo!

Cứ tưởng anh lính trẻ sẽ lắc đầu quày quặt. Nào ngờ anh vồ vập đón chiếc xẻng từ tay Tư lệnh. Và sáng sớm hôm sau, khi Tư lệnh đánh xuống trở lại đảo thì thấy anh chàng đang cời trần, sì sụp lặn ngụp cùng với chiếc xẻng của Tư lệnh. Nhưng anh không xúc cát đổ xuống biển, mà lấy cán xẻng khê bầy từng tảng đá san hô chìm sâu dưới mấy mét nước, rồi lụi cụi khuôn lên, đắp quanh chân đảo, giữ cho cát khỏi bay

– Mày làm cái gì thế mày? Giấu đảo à?

– Dạ, báo cáo bố, con mở mang bờ cõi ạ! – Anh lính cười khục khục, gương mặt nhấp nhóa nước. – Mà, mà, đúng ra, đúng ra con chỉ “buông neo” cho Tổ quốc khỏi bị trôi dạt thôi!

()Thơ Hữu Thỉnh.*

02 – HÒN ĐẢO KỲ LẠ

Cậu lính trẻ vỗ vai tôi, nói nhỏ:

– Tới đảo rồi. Anh chuẩn bị vào đảo nhé!

Tôi cuộn vội võng bạt. Rồi thì ớ ra, cứ ngỡ mình nghe nhầm. Nhưng con tàu đã quá quen sóng gió, luồng lạch biển cả này thì không thể nhầm được. Nó đang òng ọc buông neo. Sau lưng tôi, trên mặt boong ướt nhoẹt, ngổn ngang những xích sắt, thùng chảo, mấy cậu lính trẻ đang nhí nhóp bươm cái xuống cao-su. Tôi đưa mắt lục lợi bốn phía trời, vẫn chẳng thấy gì hết ngoài một đại dương nước đen ngầu, chảy vật vã dưới vòm mây hoang vu, khô héo. Đảo đâu?

– Kia kìa. Nó đấy! Chính cu cậu đấy!

Cậu lính nói khào khào, rồi vung tay, chỉ lên... lưng chừng giời. Ở đó, một đàn chim bay loạn xạ. Những con chim đen kít, trông như những nắm giẻ rách mà một gã tàng hình quái quỷ nào đó, cứ nhắm tịt mắt, rồi ném loạn xạ lên thình không. Dưới bầy chim, biển đen sẫm ánh lên một dải nước xanh ệnh như màu lá mạ. Trên quầng xanh ròn rợn ấy, xập xoè một lều bạt. Cái lều hoang sơ, ngơ ngẩn như lều vệt mà ông chủ đăng trí nào đó đã bỏ quên trên cánh đồng đang cày vỡ. Mái lều trũng xuống vì phân chim. Những vệt phân lâu ngày trắng xoá. Những vệt phân tươi nâu sậm, lác đác có cả những vệt đỏ nhòe, trang điểm cho mái lều một vẻ đẹp sắc sảo đến quái đản. Đảo đấy! Nó là cái dải nước xanh phơn phớt nằm dưới chân lều bạt. Thế mà trong sách báo, cả sách khoa học, sách địa lý dành cho giới học đường, người ta lại định nghĩa: Đảo là một khoảng đất nhô lên giữa biển khơi, bốn xung quanh là sóng gió, mây nước. Bịa! Toàn là bịa! Làm gì có chuyện hoang đường như thế, hả các nhà khoa học? Xin các ngài hãy nhìn một sự thật đang lồ lộ hiện ra ở phía trước mặt kia kìa! Cứ tưởng các vị lúc nào cũng chính xác, cũng tỉnh queo như sáo tằm. Ai dè các bố cũng mơ mộng, cũng nói rặt những chuyện tưởng tượng. Đã thế lại còn đàn sáo văn thơ...

03 – CHIM BIỂN

Khi tôi lập cập bám thang dây leo được lên lều bạt, người mừng nhất, mừng ra mặt là một cậu lính trẻ mà sau này tôi mới biết là Hai. Trần Văn Hai, một thi sĩ lừng danh ở xứ đảo chìm. Hai trở con mắt thạch sùng nhìn tôi:

– Đúng ông anh thật à? Kinh nhĩ! Em không thể tưởng tượng được! Em cứ ngỡ ông anh khác kia. Ai ngờ lại xù xì thế này. Kinh thật!

– Kinh à?

– Vâng! Em nói ông anh đừng tự ái nhé! Trông ông anh cứ ùng ục như cái lão đào huyết. Kinh bỏ bà! Thế mà trước đây, em cứ tưởng thi sĩ bao giờ người cũng mảnh mai, đôi mắt lúc nào cũng mơ màng, trầm uất và buồn thăm thẳm!

– Thì cậu cũng là thi sĩ mà cậu cũng có mảnh mai đâu nào?

– Em là thi sĩ đều! Chúng nó gọi thi sĩ là gọi đều đấy!

Hai bỗng đỏ bừng mặt. Cậu ta quăng cái ba-lô của tôi lên tầng giường cao nhất, rồi khẽ xuýt xoa như húp phải bát cháo nóng:

– Anh nằm giường này nhé. Đây là cái giường của thằng Thiêm. Đồ đạc của nó kia. Anh quản luôn cho nó. Cứ coi như cái giường này của anh.

– Thiêm nó về phép à?

– Không! – Hai bùi ngùi. – Nó mất rồi anh ạ! Chắc chắn là mất rồi. Vì chúng em đã lẫn lộn tìm nó rong rã hơn tháng trời mà vẫn chẳng thấy. Tội quá, vừa rồi cu cậu lại có thư mẹ. Bức thư nó mong mãi hôm qua mới đến. Nó cứ sợ bà cụ làm sao. Người già như ngọn đèn trước gió, chả biết thế nào. Chúng em vẫn chưa báo tin về gia đình. Bà cụ cứ mong nó về lấy vợ. Thiêm ơi, u đã rấm cho mày một đám rồi đấy. Nhà cũng có sẵn con lợn trong chuồng rồi. Mày cứ về là cưới thôi. Con đừng lo gì cho u. Ở nhà, u cũng còn mớ rau, nải chuối, cũng có đồng ra đồng vào. Con đừng gửi tiền cho u nữa. Nếu chính phủ có cho đồng nào thì con cứ bỏ vào cái hổng cột, tích lại mà cưới vợ, đừng gửi cho u nữa... Khổ, ở đây, tiền như giấy lộn, có dùng được vào việc gì đâu. Mà anh thấy đấy, làm gì có hổng cột...

Giọng Hai nghẹn lại. Đêm ấy, tôi không sao ngủ được, mắt cứ trôn trôn nhìn lên nóc bạt. Trên đó, chiếc ba-lô của Thiêm cứ đong đưa trong gió. Thỉnh thoảng, đôi đũa tre lại khua leng keng vào cái bát sắt sứt men. Vào những lúc như thế, Hai thường múc một bát nước ngọt đặt lên đầu giường, rồi lặng lẽ chấp tay, vái lên nóc bạt.

– Ông anh ra được đây là rất hay rồi. – Hai nói tuế toá, như muốn phá bầu không khí trầm lắng đang trùm khắp căn lều. – Cần gì, chúng em xin phục vụ đầy đủ. Bây giờ, ông anh là đại ca. Em chỉ là con tép. Có nhu cầu gì, xin đại ca cứ “quát” nhé! Em chiều tất! Chỉ cần đại ca sản xuất cho em một trăm bài thơ. Em sẽ bán dần cho chúng nó. Cứ là treo báo tường một nghỉ!

Chiều xuống dần. Mặt trời đã chìm khuất hẳn sau một bầu nước rùng rùng tím ngắt. Nhưng những đám mây vẫn còn bắt nắng, di lừng lững trên đầu, rùng rục như những đám cháy lớn. Bầy chim biển đi kiếm ăn về. Chúng kêu oang oác quanh lều. Tiếng kêu hoang vu và tanh lợm

mùi cá. Hai lẩm bẩm:

– Đêm nay lại mất ngủ vì bọn giặc trời này đây. Cứ là điếc tai nhức óc!

– Sao vậy? – Tôi ngạc nhiên.

– Vì ông anh mới ra, còn hơi người, nên chúng mới nhao đến làm tình làm tội. Mai, chúng sẽ “khinh” ông anh thôi!

Tôi bàng hoàng. Chẳng lẽ ngày mai, mình không còn hơi người nữa ư?

Thế rồi đúng như lời tiên tri của Hai, hôm sau, bầy chim lảng xa dần, chúng bay chao chát ở phía cuối biển, nơi bãi đá ngằm ánh lên một dải nước xanh nõn. Nhưng đấy là chuyện của ngày hôm sau. Còn bây giờ, lũ chim nhao đến như dã thú. Chúng đánh võng quanh lều, cánh đập loạn xạ và kêu như xé vải. Những con chim cũng lạ. Mỏ khoằm. Chân có màng như chân vịt. Chúng có thể bay trên không như mây và bơi dưới nước như vịt. Hai cái chân thành hai cái bai chèo. Chúng chui vào lều, để cả vào chần lính. Những quả trứng to hơn trứng ngỗng, vỏ xanh nhò, lấm tẩm những chấm đen. Lính ta thu gom trứng lại, cho vào thùng phuy. Nếu không kịp ăn, chừng ngót tháng sau, những quả trứng đó sẽ tự nở. Chim con tự mổ vỏ trứng mà chui ra, không cần mẹ phải ấp.

Chim ở đây tỏ ra rất khinh người. Hình như chúng tưởng người cũng là một loại chim nào đó. Chúng đứng ngay trên giường người mà chải lông, tĩa tốt trang điểm nhan sắc. Có con còn gườm gườm nhìn người thương cảm, như nhìn bầy chim cánh cụt đã già khú ra rồi mà vẫn chưa biết bay.

– Tiếc ở đây, chẳng có hải âu. – Hai tỏ vẻ tiếc rẻ. – Trước đây đọc thơ văn, sách báo, nghe các nhà văn đàn sáo, em cứ tưởng hải âu là bạn của thủy thủ. Hoá nhảm! Hải âu chỉ là bạn của dân thuyền chài thôi. Ngoài khơi xa này, làm gì có hải âu. Hải âu chỉ bay ven bờ, cách bờ chừng trăm cây số là cùng. Vì thế, đối với cánh lính biển chúng em, hải âu là ngọn hải đăng báo hiệu đất liền. Nhìn thấy hải âu là nghĩ thấy “mùi” đất liền rồi. Nếu không may, có phải hy sinh trên biển, được thấy bóng hải âu chớp qua mắt trước khi nước khép mặt thì mừng lắm, vì có thể hy vọng những mẫu xương tàn của mình sẽ được sóng tấp vào đất liền...

Tôi thoáng rung mình, chợt nghĩ đến Thiêm. Quả là ghê gớm thật! Có lẽ chẳng có cái chết nào dữ dội như cái chết của người lính biển. Chết rồi mà vẫn chẳng được yên. Cho dù chỉ còn một mẫu xương tàn thì mẫu xương ấy vẫn phải giằng co, vật lộn với sóng gió.

Tôi nhìn mống ra cửa lều bạt. Biển mù mịt sóng. Đúng là ở đây không có hải âu, chỉ toàn ó biển, một loại chim rất dữ tợn. Chúng có thể bay ngược chiều bão. Sợ nhất là khi mót đẻ, có con đồ ếch cả xuống mái lều. Tắm bạt thùng xuống từng đám lồm chồm, nom quái dị như những nhũ đá trong các vòm hang cổ.

– Biển ngay! Đổ lều của các bố bây giờ!

Hai giậm chân bành bịch trên sàn lều, rồi quất lên nóc bạt. Mấy “nhũ đá” bỗng rung rinh. Một quả trứng to cộ còn dính những vết máu, trượt lông lốc qua mái bạt, rồi rơi bốp xuống nước.

– Đú đờn lằm vào! Cút!

Hai lại quất lên mái bạt. Rồi cu cậu co tay, thụi tới tấp vào những cái bướu kỳ dị treo lủng

lẳng trên đầu. Bị cú đánh bất ngờ, bầy chim kêu ré lên. Có con không kịp bay, rơi tuệt xuống biển. Chúng đập cánh quàng quác trên mặt nước, rồi bay chéo qua cửa lều, phả vào mặt tôi một luồng gió hôi mù như hơi chó đẻ...

04 – MỘT XỨ SỞ TỰ DO

Ở hòn đảo này quanh năm bì bọp sóng gió. Ngày hai lần nước ộc cả vào lều. Bởi vậy, ở lều đảo này, lại còn có đảo trong đảo nữa. Đó là những khối giường sắt quét sơn trắng chống gỉ. Mỗi người lính “cố thủ” một khối giường. Có đến ba, bốn tầng giường xếp chồng lên nhau. Tầng cuối cùng chọc lên tận nóc bạt. Lính quen gọi là tháp Epphen. Đó là những kỳ quan thế giới vẫn chìm khuất trong bóng tối bí mật mà loài người còn chưa kịp phát hiện. Thoạt đầu, tôi ngạc nhiên. Sao lắm giường thế? Sau mới hiểu những tầng giường đó dùng cho một người lính chẳng nhiều nhận gì. Bởi đó là giường chống sóng. Bình thường, sóng bạc đầu lao vèo vèo ngay dưới chân sàn. Thế rồi thủy triều lên. Thoạt tiên là tiếng sóng vỗ chóp chếp vào các tấm thanh sắt găm sàn như bầy lợn bú. Rồi ào một cái, nước ngập mặt sàn. Rồi tầng giường thứ nhất chìm ngấm trong nước. Lính ôm chần chiếu lên tầng hai, rồi tầng ba. Nước rút lại tụt xuống. Ai lười, ngại vận động thì cứ ngự luôn trên tận đỉnh giường. Tha hồ ngắm trăng sao mây nước. Nhưng ở đây, ít ngai ngự được ở trên đó lắm. Trên đó tưởng tĩnh, hoá ra lại động. Động bởi mùi phân chim đâu có chịu yên. Thế nên lính cứ trèo lên, tụt xuống hoài hoài. Quanh năm, da thịt ăm sì. Bởi thế lính ít khi đóng bộ. Thường chỉ vận roong rỗng một cái quần đùi, có khi cứ không nhênh như thể bà mẹ vừa mới nặn. Quần áo lại dính nhóp nháp, ăm ướt suốt đêm ngày, hoá vương vís, khó chịu. Mà quần áo là cái quái gì nhỉ? Hai bảo tôi:

– Quần áo là vật xa xỉ phẩm của xã hội, ông anh ạ! – Nói rồi, cu cậu cười tít mắt. – Mình “quần” trong một đồng vải là vì thiên hạ, chứ có phải vì mình quái đâu. Cứ tưởng quần áo là vật trang sức của riêng mình. Nhầm! Nó là đồ đặc của thiên hạ cả. Mà tức nhất đồ đặc của thiên hạ, nhưng thiên hạ lại bắt mình cứ phải suốt ngày đeo vác lĩnh kính, nom ti tiện như cái gã bủn xỉn, lúc nào cũng lo sợ mất trộm. Ở đây, chẳng có thiên hạ nào hết, nên mình lại nhẹ nhõm, lại hoá anh tự do.

Hai gườm gườm nhìn tôi, như nhìn một người ở ngoài hành tinh:

– Trông ông anh đại nịt lĩnh kính, nom rất lạ mắt và buồn cười. Thật, trông ông anh buồn cười lắm ý. Cứ như người trung cổ. Hình như đại ca có khuyết tật gì đó, nên cứ phải che che đây đây, giấu giấu giếm giếm. Chứ văn minh hoàn thiện như chúng em đây, có ai khổ sở, rúm ró như thế bao giờ...

05 – NHÀ THƠ CỦA ĐẢO

Nhàn cư vi bất thiện. Người xưa nói thế. Mà người xưa đã nói là cấm có sai bao giờ! Chính trị viên Thuận cũng có tầm nhìn và cách nghĩ sâu rộng chẳng thua kém người xưa. Chính anh cũng thấy ngại cái nhàn cư của lính, nhất là trong cái giang sơn Tổ quốc chỉ vồn vồn có mấy mét vuông lều này. Thế là anh nghĩ ra một việc để lính lúc nào cũng có cái mà bận rộn. ấy là làm báo tường. Cứ ba ngày một tờ báo. Lính chẳng sợ gì. Sóng gió. Cá mập. Bão biển. Rồi cả những âm mưu thôn tính của kẻ thù. Chấp tất! Chơi tất! Không có ngán đâu nhé! Lính chỉ sợ làm thơ thôi. Đối với cánh lính đảo đây mới thật là một việc hãi hùng. Nhưng thói thường, giờ đã sinh voi thì giờ tất sẽ sinh cỏ!

Thì đây, tự dưng ở hòn đảo này, lại nảy sinh một gã thi sĩ. Đó là Hai. Trần Văn Hai, một anh chàng bơi lặn như rái cá. Quê cu cậu nghe đâu ở cầu tôm Hà Nam, cái vùng quê quanh năm lụt lội. Cánh lính đồn rằng, Hai để rơi dưới nước, nên cậu ta biết bơi trước khi biết bò. Chẳng biết hư thực thế nào. Chỉ thấy suốt ngày, Hai lặn ngụp bì bọp trong nước, dường như không ngâm nước không chịu được. Bởi thế, quanh năm, cậu ta cứ thông thênh như thể bà mẹ vừa mới nặn. Tên cúng cơm là Hai. Ra đảo, cánh lính nổi thêm cái đuôi thành thằng Hai ừm. Ở đây, ai tắm, nhảy xuống đảo cũng chỉ ừm một cái gọn nhẹ. Cậu ta lại làm luôn hai phát ừm ừm. Có điều, cái ừm sau lại to hơn cái ừm trước. Hãi thế!

Ấy là nói cái thời cậu ta vẫn còn hàn vi kia. Nghĩa là dạo còn chưa phát tiết thơ phú. Chứ bây giờ, nhờ có thơ, Hai phát lên thành chúa đảo rồi. Suốt ngày, cậu ngự trong cung cấm, là cái lều bạt bông lai tiên cảnh này. Mọi việc tắm rửa đã có lính hầu hạ, việc chi phải nhảy ừm xuống đảo tắm như lũ trẻ trâu.

Số là, ba ngày phải có một tờ báo tường. Đây là chiếu chỉ của chính trị viên Thuận. Nghĩa là cứ ba ngày, phải có chục bài thơ dán kín quanh cái thùng phuy neo ở cột lều. Mà thơ phú lại là công việc của tài năng. Mà tài thơ thì ở đây, giờ lại chỉ dồn cho chàng Hai ừm. Hai có thể xuất khẩu thành chương, đọc vanh vách ra vắn ra điệu. Hai có đến hàng trăm bài thơ lâm li về cái hòn đảo chẳng có gì này. Nói như Tư Xồm, anh chàng quản lý nước ngọt kiêm nhà bình luận thơ phú thì bài nào cũng tuyệt tác, nghe hay đến chảy nước tai.

Cũng vì có tài thơ như thế, nên thần dân của đảo cứ phải đến khấu đầu trước Hai, xin ngài Hai ừm nhón tay làm phúc, ban cho một bài thơ để dán lên báo tường. Tất nhiên đi xin chữ là phải có lễ. Khi tàu ra, nhu yếu phẩm tràn ngập lỉnh thối, tha hồ ẩm chân răng, để nhận một bài thơ, người đi cầu chữ quý phải cúng cho Hai ừm một bao thuốc đầu lọc. Khi của nả cạn dần, thời tiết có cơ thất bát thì cũng phải một điếu thuốc một bài thơ. Tất nhiên Hai ừm chẳng ăn riêng cái gì bao giờ. Cậu ta đưa hết của nả, châu ngọc vào kho, là cái ba-lô bạc phách gió biển, treo bưng biêng trên nóc lều. Thi thoảng Hai lại ban lộc cho dân chúng. Thì thế mới là vua chúa chứ! Ấy, cũng nhờ có ông vua Hai ừm mà châu báu, ngọc ngà luôn được điều tiết, không bị rơi vào thảm cảnh: Lúc no xôi chán chè, lúc mồm miệng trống huếch trống hoác như hang ếch mùa hạn. Tuy vậy ăn chơi vẫn phải tốn kém. Chỉ khổ cho những cậu đến xin chữ mà trong tay lại trắng lố, chẳng có gì. Nhưng được cái, mấy cha đó cũng lấu. Không ít cha còn vác cả chị gái, em gái ra để cầm cố cho Hai.

– Thật, tớ thề là em gái tớ xinh lắm. Tớ sẽ bảo nó thư cho cậu. Nhất định lần sau tàu ra, cậu sẽ có thư nó. Bao nhiêu vệ tinh vo ve quanh nó, tớ sẽ cho đi tàu ngầm hết. Nó là á hậu thanh lịch ở huyện tớ đấy!

Hai chỉ ị ị cười. Con mắt đỏ kè như mắt thạch sùng liếc chéo cái hàm răng vầu của Tư Xồm đang dẩu ra quảng cáo nhan sắc cô em ruột á hậu.

– Không! Không! – Tư Xồm vội đưa một tay che miệng, còn tay kia xua rồi rít như đuổi ruồi.
– Em gái tớ không giống tớ! Tớ thề là nó không hề giống tớ một tí tẹo nào!

Nhưng ai mà tin được những nhan sắc mơ hồ lại còn xa khuất mấy tầng mây nước ấy. Thế là a lê... hấp! Không có của nả thì lấy mồ hôi, lấy sức lực cơ bắp ra mà đổi lấy vẻ đẹp tinh thần. Cánh lính trẻ lể mể, bì bộp lội xuống đảo, xách nước lên tắm cho Hai. Hai cứ việc nằm chềnh ềnh trên sàn lều, thậm chí cậu ta còn thượng cả cái thân hình kền càng như một con vích lên tận đỉnh giời, là cái tầng giường cao nhất, cho lính gội nước, kỳ cọ. Có tài sướng thế chứ! Lính cứ thi nhau thở phì phò như kéo bể. Còn Hai thì vừa nghenh đầu, ghềnh hết cả tứ chi của cái ngọc thể cho lính lau khô, vừa cảm râm cứ như bị oan ức lắm:

– Khổ! Thơ phú bây giờ rẻ rúng thế đấy! Ới cụ Tản Đà ơi là cụ Tản Đà! Chẳng phải ngày xưa chỉ có cụ khổ đâu! Nhà thơ chúng con bây giờ cũng hoàn cảnh lắm! Văn chương hạ giới đúng là rẻ như bèo...

06 – BỮA YẾN TIỆC KHÔNG THÀNH

Gọi yến tiệc, nghe có vẻ linh đình, to tát quá. Thực tình đó chỉ là bữa trứng chim rán mà Hai ồm nhả ý chiêu đãi tôi, gọi là mừng “Đại ca ra đảo”, và cũng muốn đại ca hưởng chút đặc sản, là hương vị đặc biệt của xứ đảo chìm. Hai đập đến chục quả trứng, cho vào xoong quân dụng ngoáy tít như nấu bánh đúc, rồi đổ thêm nửa bát ớt, gọi là để khử tanh. Nhưng rốt cuộc, tôi vẫn không thể nuốt nổi những miếng trứng ram ráp, khô khốc. Nếu không có mùi tanh sắc ỏi lên đến tận óc, có lẽ tôi đã tưởng mình xơi nhầm phải món... mùng cưa trộn với bột mỳ.

– Thôi được, “quên” món trứng chim đi, đại ca ạ! Em sẽ đãi đại ca một bữa cháo cá! Ông anh chén được cháo cá chứ?

Nói vậy, nhưng Hai lại tót lên tầng giường cao nhất, chọc một chân ra cửa sổ bật, rồi véo von ca cải lương. Lời ca là cải dự báo thời tiết. Thì ở đây vẫn vậy. Hàng mấy tháng trời, báo chí mới đến nơi. Lĩnh truyền nhau đọc. Đọc đi đọc lại đến thuộc lòng cả tờ báo, rồi lúc buồn lại mang xã luận, mang cả cái dự báo thời tiết ra ca cải lương. Cái miệng Hai bành ra, giọng nhèn nhẹt:

– Hôm (ý) nay

Trời nhiều mây

Thỉnh (a) thoảng (a) có mưa

Tầm nhìn xa(ư) trên mười cây số

Tôi vỗ vào cột giường:

– Sao đã rên rẩm sớm thế. Đói à? Cho tớ hóng mát với nhé!

– Hóng mát thế nào? - Hai chỗ đầu xuống. – Người ta đang lao động vất vả đây này! Lên đi, đại ca! Giúp em một tay với nhé!

Tôi đu thành giường, leo lên. Hai đang nằm ngửa tênh hênh trên tấm phản gỗ. Trông rất khiếp. Tôi vội lấy cái vỏ chăn đẩy lên bụng cậu. Hai cầu nhàu:

– Ông anh chỉ khéo vẽ, chỉ được cái lịch sự rôm. Vương vúi thế này thì còn làm được gì?

Hai hất cái vỏ chăn ra. Còn tôi thì kinh ngạc. Thoạt đầu, tôi tưởng Hai hóng mát. Hoá ra cậu đang câu. Mỗi cá ném luôn xuống đảo, còn dây câu buộc vào các ngón chân. Cái chân trần chọc ra ngoài cửa sổ bật của Hai thành một chiếc cần câu rất thính nhạy. Thỉnh thoảng, Hai lại oằn người, kêu oái lên một tiếng như vừa bị ai cấu véo. Ấy là lúc cá cắn. Hai co người rất nhanh túm sợi dây câu. “Không nhanh, nó tiện đứt ngón chân như bốn đấy, đại ca ạ!” Hai xuyết xoa nói như phân bua. Sợi dây câu chạy loằng ngoằng trên mặt nước, vẽ ra những đường nét rối loạn. Hai co người giật mạnh. Rồi hắng “phụt”. Con cá đã bị mập bốp. Một cái đầu cá đỏ nhoét máu run bần bật trên sàn lều nhấp nhóa ánh đuốc. Con mắt cá trừng trừng lồi ra như vẫn còn chưa hết kinh hoàng, rồi nổ đóp một tiếng khô khốc. Cũng do sự thay đổi đột ngột của áp suất không khí, hầu như con cá nào nhô khỏi mặt nước cũng bị nổ mắt như vậy. Thế là mất toi cả món mắt cá.

– Tiên sư lũ cướp biển. Láo!

Hai đập rầm rầm vào vách bạt, rồi quất xuống đảo, vể dậm doa. Nhưng rồi suốt đêm ấy, Hai chỉ câu được một đồng đầu cá nhoe nhoét máu. Con cá nào cũng bị lũ mập thiến mất một nửa. Có khi tham quá, mập mắc câu luôn. Thế là lại phải giăng co với mập. Một cuộc giăng co quyết liệt. Gặp con mập to quá, Hai phải chặt dây câu cho con mập phóng đi, vì không thể lôi thẳng cướp biển đó lên sàn lều được. Đành phải để nó tẩu thoát. Nhưng trước khi mở lạng khoan hồng, “tha bổng” cho con mập, Hai cũng phải quần cho cu cậu một phen nhể nhại. Hai ghì sợi dây câu vào cọc sắt cột lều, nói ra cho cu cậu giãy giụa rồi lại thít chặt, kéo con mập vào thật gần, thật gần. Đoạn, Hai chống dít, sòng lưng phóng thẳng một luồng tức giận xuống biển. Mặt nước rục một quãng lân tinh xanh lét.

– Toi chưa con! Chết chưa con! Bận sau thì chưa nhé! Đừng có ghẹo bố nhé!

Hai rít lên sáng khoái. Nhưng con mập đã biến mất, để lại một khoảng nước lạnh ngắt. Sợi dây câu lao thun thút xuống biển, rồi lặn hút trong màu nước tối rợn, âm u...

07 – CÔ TIÊN TRÊN ĐẢO

Vâng, đúng như vậy đấy. Cô là Tiên giáng thế. Nghe đồn cô đẹp lắm. Mái tóc dài óng ả. Da trắng nõn. Cô đi tới đâu là ở đó xao động. Chàng trai nào nhìn thấy cô, cũng ngẩn ra, rồi sững sờ như hoá đá, còn đá lại bôn chồn, lại rạo rực, lại muốn hoá thành người, thành một chàng trai, để cô lé mắt đến. Nói tóm lại, cô đúng là một nàng Tiên, Trời giáng xuống trần. Bởi thế, cô có cái tên cũng rất trần thế - Tương. Trần Thị Tương. Nhưng một người con gái đẹp như thế không thể lại là Thị Tương được. Thị Tương có khác gì Thị Nở. Nghe cứ ghê cả răng. Thị sĩ Hai ùm quyết định đặt lại tên cho cô là Mộng Tương. Thế rồi cả đảo gọi cô là Mộng Tương. Phải vậy chứ! Người trong mộng cơ mà.

Mộng Tương là con gái đầu lòng của chính trị viên Thuận. Cũng mới chỉ lằng lằng có thể, cánh lính trẻ đã tíu tít “tranh thủ” bố Thuận, kiếm chỗ “buông neo” cho đời bớt lênh đênh rồi. Chính trị viên Thuận khoái lắm. Thế ra có con gái cũng hay. Vậy mà thằng cha nào lại bảo ở cái thời này, để con gái không bằng con trai. Rõ thật ngu như bò! Thuận tùm tùm cười. Nụ cười nửa vời, chỉ khẽ thoáng một chút ở bên mép, nhưng vẫn có sức mạnh của một ông bố vợ tương lai. Chả thế, đám lính trẻ xun xoe anh ra mặt. Rồi chẳng biết từ bao giờ, họ đã chuyển “thủ trưởng” lên ngạch “bố” một cách ngọt xớt. Cả hòn đảo tranh nhau gọi chính trị viên Thuận bằng bố. Chỉ duy nhất có một người không chịu chấp nhận. Đó là Tư Xồm. Ngay từ hôm đầu, khi Hai ùm cứ một điều “bố Thuận”, hai điều “bố Thuận”, Tư đã thấy có gì khắp khểnh. Bởi Thuận trẻ quá, trẻ đến nỗi, cứ theo lời Tư thì cái mặt vuông vức của cậu ta còn có phần “cũ” hơn gương mặt “bố” Thuận.

Nói thế, không có nghĩa Tư là anh lính già. Nếu so tuổi thì cậu ta chỉ đáng em út của đảo. Nhưng lạy gì, Tư lại được trời phú cho bộ râu sum suê giàu có. Hồi còn ở đất liền, bộ râu chỉ khẽ thoáng một vệt xanh mờ, khiến khuôn mặt cậu ta lúc nào cũng âm âm như bị ám khói. Nhưng ở đây, dưới vòm trời âm u, không tiếng gà, không bóng trẻ, người ta dần quên đi những cái dáng ong óng đầy huyền bí của các cô gái. Người ta cũng quên luôn cả vẻ trai tráng của chính mình. Bộ râu của Tư cũng bị bỏ quên, nên tha hồ bành trướng. Chúng tranh nhau mọc. Sợi xỉa ra. Sợi quặp vào, nom xum xoè nghiêng ngửa như chùm rễ đại trắng phếu cặn muối vừng ra ngoài lợi nước. Tư như trẻ, lại như già. Một bộ mặt hoang vu rất khó xác định niên đại. Bởi thế cậu ta không thể có đủ sự dũng cảm để nhún mình xưng “con” trước một người thanh mảnh, tịnh không hề có một sợi râu. Mặc dù mái tóc thừa mềm của Thuận cũng đã có sợi vẩn lên, xam xam như bột sóng. Nhưng trông anh vẫn chỉ như người trạc tuổi ba mươi. Có lẽ anh trẻ nhờ nước da mịn và mỏng. Nước da ấy dường như không bao giờ ăn nắng, cứ chín ửng lên như da con gái dậy thì. Một người như thế lại là bố tiểu thư công nương xinh đẹp, một nàng tiên giáng thế. Hừ! Cũng khó mà có thể tin được!

Nhưng dầu Tư không tin thì tiểu thư công nương Mộng Tương cũng vẫn trở thành người thân của cả hòn đảo. Chỉ tiếc chẳng có ai được chiêm ngưỡng vẻ đẹp kiều diễm của nàng. Có lẽ cũng vì thế mà nàng càng trở nên lung linh, kỳ ảo. Ngày nào cánh lính trẻ cũng nhắc đến nàng, vanh vách kể về nàng, cứ như họ đã từng quen nàng từ lâu lắm. Thoạt đầu, chính trị viên Thuận còn lắc đầu quầy quậy. Bố láo! Mấy cái thằng quỷ sứ nhà giới! Thuận tìm mọi cách lảng tránh. Nhưng cũng như thế tình yêu. Kẻ trốn chạy thường vẫn bị săn đuổi. Thuận bị “săn” tới tấp. Chỗ này “bố vợ”, chỗ kia “bố vợ”. Đảo cứ cồn lên như có đám mỗ bò. “Láo toét! Em nó còn bé lắm. Chúng mày phải để cho nó lớn đã chứ!” Thuận dუმ dუმ cười, nhưng khoé mắt lại ầng ầng nước. Anh không ngờ cô con gái rêu của mình lại trở thành niềm vui cho cả hòn đảo, nơi tưởng chẳng có gì để mà vui thú. Rồi Thuận cũng quen dần với trò chơi đó của lính.

– Thôi, chúng mày ngủ đi! Khuya rồi đấy! Đêm nay đưa nào gác? Thằng Hai à? Gác cho cẩn

thận nhé! Lớ ngớ là tao mách em Tương đấy!

Thuận trở về đài chỉ huy đảo. Anh bước oai phong như một ông bố vợ thực thụ. Sương biển xuống tề tề. Phía sau lều bạt, biển bục lên một đám cháy lớn. Trắng đang mọc. Vài con ỏ biển giật mình, kêu oang oác trên thình không mung lung mờ mịt... Cánh lính đảo không ai ngủ được. Loanh quanh thế nào lại quay về chuyện em Tương. Ngày nào cũng chuyện em Tương. Đến nỗi dần dần Tư Xồm, một anh chàng vốn đa nghi cũng đâm ra hoang mang. Hay là có cô gái như thế thật nhỉ? Mà đúng là có cô gái như thế thật. Dường như cô không còn ở trong chuyện huyền thoại của lính nữa mà đã xuất hiện thực sự trên hòn đảo này rồi. Chả thế mà tự dưng, hòn đảo bỗng như đổi khác. Nhiều anh chàng cục mịch cũng đột ngột trở thành đóm dáng. Đến cả thi sĩ Hai ùm, người quanh năm vẫn khinh trời nước bằng tấm thân tổng tềnh bà mụ nặn, giờ cũng “quàn” trong một bộ cánh diêm dúa mỗi khi có việc phải đến chỗ bố Thuận. Có chàng lính mò được con ốc nón, cũng hì hụi gọt giũa, kỳ cách làm thành cái bình hoa, rồi rón rén đến chỗ bố Thuận, nhờ bố chuyển tặng em Mộng Tương.

Thế rồi, đột ngột thư Tương tới đảo. Ôi chao! Phải nói đó là một ngày náo nhiệt, chộn rộn. Lần nào tàu ra, đảo cũng như ngày hội. Huống hồ chuyến tàu này lại có thư của tiểu thư công nương. Nhưng thật oái oăm. Bữa đó biển động. Trời tối mù mịt. Sóng nổi trắng như mây. Tàu không cập mạn được, cũng không buông nổi neo. Sóng chồm cả lên nóc đài chỉ huy. Con tàu đành cất sóng, chồm chồm lượn quanh đảo. Chẳng có cách chi chuyển được hàng vào, mà cánh lính thì không thể “nhìn” thêm được. Phải cho anh em “ngủi” chút đất liền chứ! Tư Xồm nhảy phắt ra cửa lều, cởi cái áo yếm, phất lên trên không, rồi quay tròn ba vòng. Ấy là tín hiệu để ngoài tàu mở máy hai oát.

– Thế nào hở các bố? “Đứt neo” hoàn toàn à?

– Chịu! “Đứt” trăm phần trăm rồi! “Phới” thôi. Không thể vào gần được đâu! Sóng nó dồi vào bãi san hô thì chỉ có tan xác pháo.

– Thế thì chuyển thư đi! – Tư Xồm quát vào ống nói. – Chúng tớ không “nhìn” thư được, hiểu chưa!

Đám thủy thủ trên tàu đành phải bóc từng bức thư, đọc qua máy thông tin hai oát. Đến lượt thư của bố Thuận thì cả đảo nháo nhác. Cánh lính trẻ tíu tíu châu quanh cái máy thông tin đã vận to hết cỡ.

– Cái gì? - Hai ùm gào vào ống nói. – Đọc đi! Đọc lại đi! Đọc lại xem nào! Thư em Mộng Tương phải không?

– Không phải Mộng Tương. Trần Thị Tương! Tương cà mắm muối đây nhé!

– Khỉ! Máy thằng phải gió! Đừng có láo lếu. Đọc đi!

– Bố ơi, con nhớ bố lắm. Nhưng con không khóc nhè như mẹ đâu. Hôm nào đài báo bão ở Trường Sa là mẹ lại khóc đấy. Con không khóc. Mẹ bảo, con cứ ngoan là bố sẽ về...

– Cái gì?

– Con cứ ngoan là bố sẽ về. Nghe rõ chưa? Dạo này con ngoan lắm. Con không quấy mẹ, cũng không gác chân lên cổ mẹ nữa. Hôm nào bố về, bố nhớ mua cho con ba quả bóng bay như của cái Tèo. Mí nữa đêm ngủ, con không còn đái dầm nữa đâu bố ợ...

– Ô hay, cái thằng này... Mày... mày... Bố láo! Ông thì cho một chương bây giờ... – Hai ùm vung tay tuyên bố. – Máy thằng toàn xuyên tạc. Chúng nó trêu bọn mình. Thôi, tắt máy!

– Không, không đâu. Anh em đọc đúng đấy. – Chính trị viên Thuận kêu lên. – Thư con Tương thật đấy! Nó vẫn hay đái dầm mà...

– Ơ kìa, bố Thuận! Trời ơi, bố làm sao thế? – Tư Xồm buột miệng gọi chính trị viên Thuận bằng bố. – Làm sao lại có chuyện như thế được? Không! Không!..

08 – NGƯỜI LÍNH GÁC ĐẢO CHÌM

Mãi đến sâm sẩm tối, biển mới lặng dần. Nhưng những đám mây xám đục vẫn tấp tắp bay trên nóc đài chỉ huy. Chật vật mãi, con tàu mới buông được neo. Giờ thì nó chỉ còn lảo đảo, ngật ngưỡng trên sóng như người vừa mới ốm dậy, vẫn chưa hết vằng vắt. Nhưng đám lính trẻ đã tỉnh queo như sáo tẩm. Họ ùa cả ra tàu. Xuồng chật thì lớp ngóp bơi bộ. Bức thư của tiểu thư công nương Mộng Tương lập tức được chuyền tay khắp lượt đám trai trẻ. Hoá ra tụi lính tàu không bịa. Tiểu thư vẫn còn đang đái dầm. Hai ùm cười sùng sục:

– Hay! Tha hồ là tương lai!

– Tương lai cái khỉ gì!

– Thì em Tương càng trẻ chứ sao? Cậu thích gái già à?

Rồi Hai ùm toác miệng ứng tác luôn hai câu thơ mà cu cậu rất lấy làm khoái chí:

– Tội gì mê gái đảm đang, Chúng ta chờ lấy cháu ngoan Bác Hồ. – Này! Đứa nào muốn lọt vào mắt cháu ngoan Bác Hồ thì phải có phiếu bé ngoan của bố Thuận nhé. Con xin đăng ký làm bé ngoan đây!

Thế là đám lính trẻ lại vây lấy bố Thuận. Xứ đảo chìm nhộn nhạo như một vườn trẻ. Tư Xồm có vẻ buồn. Cu cậu không tham gia cuộc vui, chỉ nhếch mép cười gượng gạo. Khi Hai đánh xuồng về lều bạt thì Tư đã lên giường nằm. Chẳng biết nghĩ ngợi gì mà cậu chàng cứ trần trọc mãi, thỉnh thoảng lại đưa tay gãi bụng sồn sột. Căn lều bạt hoang lạnh không một ánh lửa. Trong đêm, trông nó rờn rợn như hang động người tiền sử. Bầy chim biển chao chát quần lượn trên nóc lều. Không biết trở trời hay sắp có bão mà chúng lại về hành hạ thế này? Hai thấy mắt díp lại. Mấy đêm thức trắng đợi tàu. Giờ người cứ bằng lẳng. Hai chọc chọc báng súng vào tấm lưng to bè như mai vích của Tư Xồm. Cái thằng lạ thật! Có gì mà phải dai nịt lĩnh kính thế này. Tối mò còn làm đom. Chỉ tổ cho rệp chim nó rúc. Thảo nào cu cậu gãi khiếp thế. Hai cảm râm:

– Vô lý thật! Thằng được ngủ thì cóc ngủ được. Thằng không được ngủ thì lại buồn ngủ triu mắt. Này, thằng khỉ, gác hộ tao chút. Khi nào mày buồn ngủ thì trả lại tao. Tao sẽ làm cho mày hai bài báo tường. Được chưa? Bây giờ ngồi ôm súng nhớ em là tuyệt nhất đấy! Lúc nào buồn ngủ thì đánh thức tao nhé!

Hai ghêch khẩu súng lên thành giường, rồi chui luôn vào chăn. Trước khi cất tiếng ngáy như sấm, cậu ta còn dậm dọ:

– Này, nhớ gác cho cẩn thận! Tư lệnh ra đấy. Bố già rất hay chơi cái trò bất ngờ đột nhập đảo. Lần trước ông cụ đã “cạo” thằng Thiêm một mẻ toi bời đấy!

Chuyện ấy xảy ra cách đây đã mấy tháng rồi. Đêm đó đến ca Thiêm gác. Nhưng mấy ngày liền trần trọc chờ tàu ra, giờ thì mệt quá, cu cậu ghêch súng vào lan can lều bạt, rồi cứ ngồi gục thế mà ngủ. Ngủ như chưa bao giờ được ngủ. Ngoài mép san hô, tàu đang chiếu phim. Cảnh lính đảo dồn hết lên boong xem phim. Con tàu cũng không xa căn lều. ánh sáng của ngọn đèn trên nóc đài chỉ huy còn rập rờn rọi qua cửa sổ bạt soi rõ từng tấm chăn rách của lính. Làm sao có thằng địch nào dám lên vào đảo. Thiêm biết vậy nên cứ yên tâm đánh thẳng một giấc đến sáng. Khi mở mắt, thì quái lạ, khẩu súng AK của cu cậu đã không cánh mà bay. Thiêm tìm khắp không thấy. Lính mất vũ khí thì toi rồi. Kỷ luật là cái chắc. Mà không khéo còn phải ra hầu

toà án binh nữa. Bụng Thiêm cồn cào như lửa đốt. Trong lúc đang bối rối như thế thì Tư lệnh Giáp Văn Cương đánh xuống vào. Vừa thấy Thiêm, ông hỏi ngay:

– Mày mất súng phải không? Tao nhật được đấy. Súng tao cất ở ngoài tàu kia kìa! Ra đó mà nhận!

Thiêm nhảy lên mừng rỡ. Hoá ra đêm qua, Tư lệnh đột nhập đảo, thấy Thiêm ngủ khò trong lúc trực chiến, ông quyết định thu súng mang ra tàu. Phải cảnh cáo cu cậu thôi. Không thể khác được. Gương mặt Tư lệnh thoáng buồn rười.

– Lính tráng gì mà lạ. Canh gác kiểu ấy thì chỉ cần một thằng người nhái vớ vẩn cũng chiếm được đảo!

– Con mệt quá, bố ạ! Mấy hôm vừa rồi không ngủ được!

– Mệt thì sao không báo đơn vị để thằng khác gác thay cho. Có ai bắt người ốm làm việc đâu?

– Con xin lỗi bố...

– Mày cũng như con cháu tao thôi. Nỡ lòng nào mà tao dày đoạ chúng mày. Nhưng khổ nỗi đây lại là Tổ quốc. Tổ quốc thì không thể bỏ được! – Tư lệnh cười buồn. – Nếu mày thấy làm lính mệt quá thì vào đất liền làm Tư lệnh, để tao gác thay cho. Mày làm được Tư lệnh không?

Thiêm bàng hoàng trước câu hỏi đột ngột của Thượng tướng Giáp Văn Cương. Làm sao con làm được Tư lệnh? Thiêm cười gượng gạo. Thượng tướng ứa nước mắt. Giọt nước mắt của một ông già ngót bảy mươi tuổi khiến Thiêm bủn rủn chân tay.

– Con xin lỗi bố!

– Thôi, ra tàu mà nhận súng đi!

Tư lệnh bỗng quát to, như để giấu nỗi xúc động. Có lẽ thằng bé cũng chỉ bằng tuổi ông khi ông mới nhập ngũ, mới tham gia trận đánh đầu tiên ở chân đồi A1 Điện Biên Phủ. Cái tuổi ấy đang khoẻ ăn, khoẻ ngủ. Nó có vớt súng đi thì cũng chẳng có gì lạ. Ông định cứ để mặc cho thằng bé tìm kiếm bã bời ra đã rồi sẽ gặp nó sau, để ít ra cu cậu cũng thấy sợ mà chừa cái thói dểnh đoảng chết người ấy đi. Nhưng rồi ông lại lo cậu ta tưởng súng rơi xuống biển, lại lao xuống biển mò thì khổ nó mà cũng nguy hiểm nữa. Thế là không kìm được, vừa rạng sáng, ông đã đánh xuống vào.

Bây giờ thì Thiêm đã thành người thiên cổ rồi. Không biết rãnh xương tàn của cậu ta trôi dạt về đâu? Biển cả mênh mông mù mịt thế này.

Tất cả chỉ tại cái lũ ó biển chết tiệt! ở những hòn đảo lớn, bầy chim giũ xuống cát hàng triệu triệu con rệp. Ngày nóng, lũ rệp lặn sâu dưới cát. Đêm xuống, đảo nguội dần thì chúng ngoi lên, rồi cứ nhè lính mà đốt. Đốt rất ngọt, không đau đớn gì, nhưng sau đó thì ngứa. Ngứa khắp người. Da thịt mẩn đỏ, rồi mưng mủ. Lính không biết chạy đâu cho thoát rệp. Họ như bầy chim cánh cụt, không có lông bao phủ, che chắn, nên bầy rệp tha hồ mở đại tiệc trên da thịt lính. Tổng cục Hậu cần đã cử một đoàn bác sĩ ra đảo, chỉ làm mỗi một việc là tìm cách diệt rệp chim. Thuốc phun chưa tới được mặt cát thì những trận gió biển cấp 5, cấp 6 đã cuốn bay sạch. Đảo chìm không có cát, rệp lặn vào chần chiếu, biển chần chiếu thành hang ổ kiên cố. Mấy đêm liền, lính đảo không ngủ được. Thiêm đem chăn xuống biển giặt. Rồi một đợt sóng bất ngờ ào đến, cuốn chiếc chăn ra xa. Thiêm nhào theo vớt. Nước chảy rất xiết. Thấy Thiêm chơi vơi bên mép san hô, Tư Xồm vội lao ra. Rồi Tư Xồm cũng bị sóng cuốn nốt. Thế là Hai ùm nhảy xuống cứu

bạn. Nhưng rồi ngay lập tức, con cá kình ấy cũng lại bị biển nhấn chìm. Đảo khẩn cấp báo động. Tàu trực chiến rút còi, rồi tức tốc cắt sóng tìm những người bị nạn. Chật vật mãi đến gần nửa đêm, cánh thủy thủ mới tìm vớt được Hai ồm và Tư Xồm. Còn Thiêm thì chẳng thấy đâu cả. Có lẽ cậu ta bị sóng quật vào đá ngầm, rồi mắc lại ở một hốc đá nào đó. Mấy ngày sau cũng không tìm thấy xác.

Suốt một tuần liền, cái chết đột ngột của Thiêm thành bầu không khí nặng nề trùm khắp hòn đảo. Đến cả tháng sau cũng vẫn thế. Bởi ở đây, ngày dài lê thê, đêm lại ngắn choặt. Nhiều khi chưa kịp chớp mắt cho khuây thì đã sáng mất rồi. Bữa nay cũng vậy. Chưa đầy bốn giờ, mặt trời đã hắt nắng lên tận nóc bạt. Nắng rọi qua cửa sổ. Nắng toả từ dưới mặt nước lên. Chính những luồng nắng rùng rục ấy đã đánh thức Hai dậy. Hai dụi mắt nhìn ra cửa bạt. Rồi bàng hoàng. Ai như Tư lệnh Cương? Mà đúng là Thượng tướng Giáp Văn Cương. Ông già đang ôm AK ngồi trước cửa lều. Mái tóc xõ bạc trắng.

– Ối chết, sao, sao lại thế này?

Hai thẳng thốt kêu lên, rồi nhảy ào xuống sàn lều.

– Thăng Tư đâu rồi thủ trưởng?

– Tư nào?

– Tư Xồm! Cái thăng cu gác đêm qua ấy mà!

– Chẳng có Tư nào cả. Chính cậu đã trao gác cho tớ.

Hai sững sốt nhìn Tư lệnh. Chết chưa, hoá ra là bố già. Mà sao bố đột kích đảo sớm thế, lại nằm ngay trên chính cái giường của Tư Xồm. Ừ, mà quả thật lúc đó, mình cũng ngờ ngợ vì bộ quân phục nghiêm chỉnh quá, nhưng lại nghĩ chắc cậu chàng muốn làm đóm trước mặt bố Thuận nên mới “quàn” trong bộ cánh diêm dúa như thế. Ai ngờ bố già! Thảo nào đêm qua, chim biển bay loạn xạ trên nóc bạt. Vậy mà tại sao lúc ấy mình lại không nhận ra nhỉ?

– Bố tha tội cho con! Chết thật! Con cứ tưởng thăng Tư. Có lẽ đêm qua nó ngủ lại ngoài tàu mà con thì lại không để ý. Con thành thật xin bố xá tội..

– Tội lỗi khỉ gì! – Tư lệnh cười hiền hậu. – Cậu là lính. Tớ cũng là lính. Cậu gác mấy năm trời còn được. Tớ gác mỗi một đêm thì nào có bỏ bèn gì!

09 – TIẾNG CÒI TÀU ĐỘT NGỘT

Bây giờ thì chính trị viên Thuận đã chính thức trở thành ông bố vợ của cả hòn đảo. Cánh lính trẻ đều đồng loạt gọi anh bằng bố. Chỉ có Tư Xồm thì thoảng – vào những lúc tỉnh táo nhất – có tính toán chi li hạ anh xuống một bậc thành anh phó bố vợ. Bởi lẽ tiểu thư công nương Mộng Tương hiện giờ vẫn còn đang ở cái tuổi đái dầm. Nhưng cánh lính gọi anh bằng bố quen rồi. Cứ nhí nháu thể lại vui, lại gần gũi, ấm áp như trong một gia đình. Ở xứ đảo chìm mà không bố bố con con thì hoang lạnh quá, man di mọi rợ quá, còn biết lấy gì ra làm văn vẻ. Thế là chính trị viên Thuận nghiêm nhiên trở thành ông bố, mặc dù nếu tính tuổi quân, anh còn thua cả cậu lính trẻ nhất đảo có bộ râu quai nón mà đám lính ở đây vẫn quen gọi là Tư Xồm. Thuận mới nhập ngũ đầu năm 1979. Ấy là năm chiến tranh biên giới nổ ra ở cả hai đầu đất nước. Nhiều người lính đã phục viên, giờ lại tái ngũ. Thuận không phải lính cũ. Anh chuyển sang quân đội trong một đợt tổng động viên. Suốt những năm chống Mỹ, anh là thuyền trưởng tàu đánh cá Hạ Long. Bao nhiêu năm trời vật lộn với sóng gió, Thuận quen từng luồng lạch trên biển, thông thạo đến mức chỉ cần nhìn mây, anh biết được thời tiết nắng gió, ngửi mùi nước bốc lên vào lúc tỉnh mơ là phán đoán được luồng cá đi trong ngày. Một mình Thuận đã thành một cái Đài khí tượng di động. Khi người ta hiểu được biển cả thì biển cả không còn là nỗi bí hiểm đe dọa nữa. Đối với Thuận, dường như chẳng có gì bất ngờ. Mọi việc xảy ra đều đã được báo trước, đã treo sẵn trong trời mây, sóng nước kia rồi. Chỉ con người kiêu ngạo và lười nhác không thêm để ý đến thiên nhiên nên mới không biết mà thôi.

Thuận rất mừng khi vào quân đội, anh lại được về Bộ tư lệnh Hải quân, lại trở lại con tàu, ra canh giữ một hòn đảo nhỏ. Thế là người của biển vẫn không rời xa biển. Suốt một tháng ròng nằm chờ ở nhà khách Bộ tư lệnh, Thuận lần xuống thư viện, tìm những cuốn sách, những bài báo viết về Trường Sa để nghiên cứu, tìm hiểu. Anh biết Trường Sa là vùng đảo cát hoang dã. Thiên nhiên rất dữ dằn. Cát Trường Sa cũng rất đặc biệt. Nó chính là đá san hô tan ra. Bởi vậy, cát mặn và sắc. Dường như không cây nào chịu được. Ngay cả dừa và phi lao, từng quen với gió mặn, vậy mà đến Trường Sa cũng lụi dần, rồi cháy tấp, đến nỗi có cảm giác chỉ cần đánh rơi một đốm tàn thuốc là chúng có thể cháy bùng lên thành những ngọn đuốc lớn. Ở quần đảo bảo tồn này, chỉ có hai loại cây còn lay lắt sống được. Thực chất đó là loài cây dại mà lính gọi là cây Phong ba và cây Bàng quả vuông. Nhưng chả lẽ Trường Sa lại chỉ có thế thôi ư? Người ta có thể cải tạo được thiên nhiên không? Cứ có đất là sẽ có tất cả. Thuận cho khuôn xuống tàu, mang ra đảo mấy chục bao đất, một cân hạt rau và một con lợn đã có chứa sẵn. Với số đất ấy, trộn với cát và phân lợn, anh có thể nuôi được mấy vật rau. Rồi trong tương lai, Trường Sa phải có được những vườn khoai, vườn đỗ, rồi đàn lợn đàn gà. Nghĩa là có một cuộc sống bình thường, như mọi miền quê nghèo nhất trên trái đất.

Ra đến đảo, Thuận mới biết cái ước mơ giản dị ấy chỉ là chuyện hoang đường. Hòn đảo còn chưa có cả cát mặn. Nó vẫn chìm sâu trong nước. Theo cách tính của các nhà khoa học Hải Quân, phải một trăm năm nữa, dải đá san hô ấy mới nhô lên khỏi mặt nước biển để trở thành một hòn đảo bình dị. Nghĩa là phải một trăm năm nữa, hòn đảo mới chính thức ra đời. Thuyền trưởng Nguyễn Hoà nhìn Thuận, cười hô hố:

– Nay ông Thuận ạ, ta cuốc bố nó cái nóc đài chỉ huy kia ra mà gieo rau!

Thuận dუმ dუმ cười. Nụ cười như muốn bảo: “Thì hãy cứ đợi đấy”. Ba ngày sau, có tàu ra đảo Sinh Tồn, Thuận gửi tặng cánh lính biển ngoài ấy mấy bao đất và gói hạt rau. Còn con lợn chứa thì anh giữ lại. Cứ như lời anh thì chỉ non tháng nữa là cô nàng sẽ “mãn nguyệt khai hoa”. Nhưng rồi ngay hôm sau, cũng vì sóng dồi lắc dử quá, con lợn mửa mật xanh mật vàng và nửa đêm thì cô nàng chuyển dạ đẻ. Đẻ non. Chỉ có thế mà thành một sự kiện trọng đại. Cánh lính đảo ào hết lên boong. Trên đó, y sỹ Hà Huy đang lúi húi khoác áo choàng trắng, làm “bà đỡ” bắt

đắc dĩ. Còn nhớ dao thánh Mười năm ngoài, Huy đã lập được một kỳ tích mà không ai có thể ngờ được: Cậu ta đã cứu Thiêm thoát căn bệnh hiểm nghèo. Bữa đó cũng vào tầm nửa đêm như thế này, Thiêm bỗng đau bụng dữ dội. Đau đến vã mồ hôi, đến phát điên, phát dại. Thiêm nhay nát cả góc chăn mà cơn đau ở vùng thắt lưng vẫn không dịu bớt.

– Có lẽ đau ruột thừa rồi!

Huy bàng hoàng kêu lên. Nếu ở đất liền, thì chỉ cần một ca phẫu thuật đơn giản. Nhưng ở đây lại không đơn giản như thế. Bởi đảo chìm bấy giờ chưa có bác sĩ, mới chỉ biên chế đến cấp... y tá. Chính trị viên Thuận đã điện về Bộ tư lệnh, điện cả ra đảo Sinh Tồn và những hòn đảo lân cận. Nhưng nếu nhanh, bác sĩ có tới được cũng phải mất hai ngày.

– Nguy lắm! Cậu chắc chắn là chết. Ruột thừa vỡ thì đến bố bác sĩ cũng không cứu được. – Huy nói thẳng với Thiêm. – Cậu toi là cái chắc rồi. Muốn thoát chết chỉ còn duy nhất một cách là mổ. Mà mổ thì khả năng thoát chết cũng chỉ có 0,01%. Nghĩa là hoàn toàn phụ thuộc vào tó. Mà tó thì... chưa từng mổ bao giờ...

Thế rồi rốt cuộc, Thiêm đành phải bám lấy sự sống với niềm hy vọng chỉ có 0,01%. Cậu cắn răng ký vào biên bản mổ, chấp nhận mọi sự rủi ro. Cánh lính trẻ trói chặt Thiêm vào chiếc giường sắt chống sóng, lấy nước muối sát trùng và Huy đã mổ cho Thiêm bằng... lưỡi dao cạo râu. Khi tàu cập được đảo thì mọi việc đã xong, Các bác sĩ chỉ còn làm mỗi việc: Sát trùng và khâu lại bằng chỉ tự tiêu. Ca mổ đã thành công. Nếu có chút sơ suất thì lại là chuyện sơ suất thảm mỹ. Vết mổ không hề đẹp. Lẽ ra chỉ nên chích một chút thì Huy kéo ra đến... gang tay. Cậu ta đã mổ Thiêm như mổ... một con gà!

Sau ca mổ bất đắc dĩ ấy, Huy được lệnh về đất liền, theo học một lớp y sĩ cấp tốc. Bấy giờ thì cu cậu đã trở thành một thầy thuốc chính hiệu, không còn là anh y tá chỉ mới biết tiêm, biết bôi i-ốt và phát thuốc cảm cúm xuyên tâm liên, một thứ thuốc ai uống cũng được. Huy nghe tim, bắt mạch, chẩn đoán bệnh. Bệnh nào thuốc ấy. Nói như thi sĩ Hai úm, bây giờ Huy đã là người sang của thiên hạ. Người sang trông tướng mạo cũng khác. Nói năng thì đàng hoàng, đi đứng cũng ra tấc ra món. Chính trị viên Thuận rất yên tâm khi người sang của thiên hạ làm “bà đỡ” cho cơn vượt cạn của con lợn ỉ ở đảo chìm.

– Đấy, các cậu cứ ngắm mà xem. – Thuận cười – Đây không còn là chuyện vật vãnh đâu nhé! Lợn đẻ ở đảo chìm tự thân nó đã có một ý nghĩa rất sâu sắc...

– Vâng, đúng thế đấy, bố Thuận ạ! – Hai đón lấy ý chính trị viên. – Con lợn của ta đã làm được một việc phi thường, là chứng minh cho thế giới biết rằng, đảo chìm không phải là một xứ sở hoang dã, mông muội. Đảo chìm đã có sự sống.

– Hoan hô!

– Hoan hô thì phải vỗ tay đi chứ! Đề nghị đồng chí Tư Xồm mở đại tiệc bằng cách cấp thêm cho anh em mỗi người một ca nước ngọt, uống ngay tại trận...

– Không được! – Tư Xồm kêu lên. – Không thể cấp phát vô nguyên tắc như thế được! Lợn đẻ chứ có phải các cậu đẻ đâu. Tớ sẵn sàng chỉ cho con lợn hai lít nước ngọt nếu có lệnh của bố Thuận.

– Này, anh em tin cậu, bầu cậu làm quản lý, chứ không phải làm cái thằng bủn xỉn, vắt cổ chày ra nước đâu nhé!

– Thay ngay quản lý đi!

– Bầu lại quản lý đi!

– Không được đảo chính, gây lộn xộn!

– Thôi được rồi, tớ đồng ý mở đại tiệc. Nhưng đại tiệc tiết kiệm, không ảnh hưởng đến ngân sách đảo. Đề nghị chỉ cho lợn một lít rượu ngọt để nấu một nồi cháo bồi dưỡng để. Còn tất cả chúng ta mặc quân phục. Không đứa nào được cởi truồng!

– Nhất trí hoàn toàn!

– Hoan hô!

Hàng chục ngọn đuốc rần rật bùng lên. Lửa reo ù ù trong gió biển. Con tàu tức tốc được nhổ neo, lượn ba vòng xung quanh đảo chìm. Sau đuôi tàu, biển rực một vùng lân tinh sáng chói. Trong đêm, nom nó quái dị và kỳ vĩ như một dải Ngân Hà đang cháy.

Và khi con lợn con đầu tiên còn nhóp nhép ướt vừa nho nhoe tòi ra khỏi bụng mẹ thì Hai ùm đã lặng cặng chạy lên đài chỉ huy. Rồi một lúc sau, đảo chìm đột ngột vang lên một hồi còi chào nồng nhiệt:

– Ủ... ủ... oà...

– Ủ... ủ... oà... oà... oà...

– Oà... oà... ủ... oà...

10 – NÀNG A TA RA MÊ NA

Gọi nàng An Ta Ra Mê Na, có lẽ bạn đọc tưởng đó là một Hoa hậu Hoàn vũ, một diễn viên điện ảnh quốc tế hay người đẹp thời trang nào đó. Nhưng không, đây chính là công dân đảo chìm, một nàng lợn ỉ xinh đẹp ra đời vào đúng cái đêm lịch sử đáng ghi nhớ ấy. Chị em nàng đông lắm, gồm mười hai sinh linh. Tất cả đều có tên hắc hoi. Tên do Hai ume đặt. Nghe sang trọng lắm. Mà cũng phải thế thôi. Đã là công dân thì đều bình đẳng trước vàng nhật nguyệt. Dân đảo chìm cơ mà. Không thể cứ quê mùa chân đất mắt toét mà phải đằng hoàng, sang trọng, có tầm cỡ quốc tế.

Từ ngày có thêm các công dân ấy, lính đảo chìm như có con mọn. Do dễ non, lại phải chống chọi với sóng gió, bà mẹ lợn mất sữa. Thế là có bao nhiêu sữa hộp, cánh lính đều đực ra, dành hết cho lợn. Rồi sữa hết, lại hì hụi nấu cháo, nghiền cháo ra làm sữa cho lợn bú. Nhưng rồi chẳng có cái gì nằm yên được trong bụng lợn. Chúng nôn thốc nôn tháo. Khi không còn gì để nôn nữa thì chúng lả ra như những cái dãi khoai rồi theo nhau héo hàng loạt. Thoạt tiên là con lợn khoang đầu đàn, rồi đến bầy em nó và cuối cùng là bà mẹ lợn. Chỉ trong ba ngày, xứ đảo chìm đã phải chịu đến hơn chục cái tang lợn. May mà còn một sinh linh. Và cũng chỉ duy nhất có mỗi sinh linh ấy sống sót. Đó chính là con lợn cái bé bỏng, em út của cả đàn, mà Hai gọi là nàng An Ta Ra Mê Na.

Cho đến tận bây giờ, cánh lính biển vẫn không hiểu vì sao An Ta Ra Mê Na lại có một sức sống dẻo dai bền bỉ như vậy. Ngay cả những hôm động biển, sóng quật cấp 8 cấp 9, nhiều thủy thủ nằm bẹp dưới sàn tàu, hoặc vịn thành giường nôn thốc nôn tháo thì An Ta Ra Mê Na vẫn lón cón chạy chơi trên boong. Cô nàng dường như chẳng coi sóng gió ra gì. Những lúc như thế, cô nàng lại ăn khỏe. Ăn rất ngon miệng. Mà nào có phải cháo, sữa hay sơn hào hải vị gì. Toàn cơm thừa canh cặn của lính. Đến nỗi Tư Xồm dậm ngực vực: “Này, không khéo nó không phải lợn đâu. Nó là con hồ li tinh đấy. Nghĩa là lợn hoá thành tinh. Trông cứ ghê bỏ mẹ. Rồi không khéo có ngày nó ăn thịt cả chúng mình”.

Nói nghe đến phát khiếp. Nhưng chẳng ai tin. Cánh lính biển lại thấy quý An Ta Ra Mê Na. Từ ngày có cô nàng, hòn đảo luôn vui nhộn. Thỉnh thoảng lính lại bơi ra tàu, chơi với An Ta Ra Mê Na. Thì còn có việc gì để mà làm nữa cơ chứ. ở những hòn đảo cát, dầu sao còn có cát để vầy. Suốt ngày, lính đào khoét công sự. Đào sâu đến ngang bụng. Sáng hôm sau, gió lại lấp cát xuống. Rồi sau một đêm nữa, cát đã san phẳng lỳ. Chẳng còn thấy chiến hào đâu nữa. Đảo trở lại thời hoang sơ nguyên thủy của nó. Rồi lính lại hì hụi làm con dãi tràng moi vét cát lên. Cứ như thế quanh năm kéo co với gió. Một trò chơi bất tận. Không có người thắng, cũng chẳng có kẻ thua. Mệt mà vui. Vì dầu sao cũng còn có việc để làm. Còn ở đây thì có việc gì? Suốt ngày bó gối nhìn trời nước. Chán thì lại lặn ra tàu. Con tàu trực chiến thực chất cũng chỉ là một hòn đảo nổi, hòn đảo di động. Rốt cuộc cũng vẫn lại quanh quẩn thế thôi. Bởi vậy, có An Ta Ra Mê Na, hòn đảo cũng đỡ tẻ. Lính có thêm bao nhiêu việc làm. Bế cô nàng đi tắm. Dạy cô nàng tập bơi. Rồi chải lông. Rồi bắt rệp. Rồi tĩa tóc, trang điểm cho cô nàng. An Ta Ra Mê Na đã quen dần đám lính đảo, có thể đùa giỡn với bất kỳ người lính nào. Nhưng xem chừng, cô nàng có vẻ thân Hai hơn, có lẽ vì Hai thích những trò nghịch ngợm. Hai hào phóng tặng nàng cái áo mới nguyên. Anh chàng còn xẻ ra, tỉ mẩn khâu lại thành bộ cánh mới vừa khít với tám thân tròn ửng của nàng. Hai chít được cả eo lưng cho nàng. Trên cổ nàng, Hai còn đính thêm một cái dải yếm, như trang phục của một thủy thủ thực thụ. Bây giờ thì cô nàng cũng diêm dúa, cũng xúng xính quân phục Hải quân, chẳng kém gì cánh lính cụ ở đảo chìm. Hai còn tập cho nàng đi bằng hai chân sau. An Ta Ra Mê Na có vẻ rất khoái khi được Hai túm chân trước, dắt đi. Nàng dật dẹo lê từng bước theo Hai. Rồi từ đấy, hầu như chiều nào trên boong tàu, người ta cũng thấy nàng cùng Hai

lặng cặng nhảy điệu va xi lô với lời ca nghe vừa lạ tai, vừa thật là kỳ quái:

– Va - xi - lô

Cà ri cứ oà tồ tồ

Cha cha cha

ở đây có cha con ta

Này trời mây, này nước non đẹp thay

Chẳng ai biết được chúng ta đang ở đây

Va - xi - lô

Cà ri cứ oà tồ tồ

Cha cha cha

Chẳng ai hơn cha con ta...

11 – CUỘC BIỂU DIỄN KHÔNG SÂN KHẤU

Hai ùm bảo tôi:

– Anh Khoa ạ, nói thật với đại ca, em đọc không được nhiều. Ở đây làm gì có sách mà đọc. Biết được cuốn nào thì cũng là hồi còn trông đất liền. Nhưng những truyện kể về lợn mà em đọc được thì chẳng có truyện nào tử tế. Trong bộ Tây du ký, anh chàng Trư Bát Giới chỉ là gã ngu si dần dộn và phàm tục. Trong truyện dân gian của ta, có con lợn bị giết thịt, khi chết xuống âm phủ, cậu chàng tìm đến vua Diêm Vương kiện về cái chết oan ức của mình. Rồi cậu kể rất tỉ mỉ. Đầu tiên là bị chọc tiết. Rồi cạo lông. Rồi xả thịt ra, ướp hành tỏi, cho vào chảo rán, phi cho thơm lừng. Thế là vua Diêm Vương kêu ầm lên: “Thôi thôi, đừng có kể nữa nhé. Kẻo tao thấy thèm quá!” Thế có khổ cho con lợn không! Còn ngoài đời, con lợn chẳng được coi là cái quái gì cả. Mỗi khi tỏ ra khinh miệt một ai đó, người ta lại rửa: “Cái thằng ngu như lợn!”. Hoặc “Cái lão bần như lợn!”. Thế thì oan cho con lợn quá! Thực ra lợn đâu có bần, mà nó cũng chẳng ngu. Thậm chí, nó còn rất thông minh nữa kia. Nó biết tất cả mọi chuyện đấy. Chỉ mỗi tội là nó không nói được tiếng người thôi. Mà tiếng của nó thì loài người lại không thể hiểu được. Lấy ai phiên dịch bây giờ? Thế mới khổ.

Hai khẽ xuýt xoa, vẻ thương cảm. Rồi như để chứng minh cho sự thông minh, sạch sẽ của con lợn, Hai ngửa cổ gọi, giọng ngân nga như hát:

– An ta ra mế...ê...ê... na...a...a...

Có tiếng lạch cạch sau trục neo. Rồi con lợn khoang lạng cặng chạy ra. Toàn thân nó gói kín trong bộ quân phục lính thủy. Trông rất ngộ nghĩnh.

– Ra chào bác Khoa đi, con!

Hai vỗ vỗ hai bàn tay vào nhau. Tôi giã náy:

– Ối thôi thôi! Tớ là không có anh em bác cháu gì với lợn đâu nhé!

– Thế thì chào nhà thơ đi. Nào, bắt đầu nhá. Em... chào... nhà... thơ...!

Hai lại kéo dài giọng. Con lợn bỗng nhảy cõn lên, đứng chập chới bằng hai chân sau, rồi nó quay tròn nửa vòng, soài hai chân trước về phía tôi, cúi rạp đầu xuống mặt boong, điêu luyện và yếu điệu như một diễn viên xiếc trên sân khấu.

– Tuyệt vời! – Hai reo lên, rồi lại vỗ tay. – Tiếp tục biểu diễn nhé. Tiết mục thứ hai: nhào lộn. Nào bắt đầu. Một – Hai – Ba...

Con lợn lăn mấy vòng trên boong tàu. Lăn bên phải, lăn bên trái, rồi nằm ngửa trên mặt boong, giơ cả bốn chân lên trời vẫy vẫy. Cánh lính trẻ vỗ tay rôm rốp. Con lợn có vẻ càng khoái tơn. Nó nhảy cõn lên, loang choang đứng bằng hai chân sau, rồi nó ngoẹo cổ, nhếch mép. Trông rất ngộ nghĩnh và quái đản. Hai bảo đấy là nụ cười bí hiểm. Nụ cười La Giô-công.

Hai bế xốc con lợn lên, rồi quay tròn mấy vòng, vừa quay vừa nhảy lò cò. Tư Xồm lắc đầu quầy quậy:

– Diên hết rồi!

– Xem con lợn cũng vui đấy chứ!

– Vui cái khỉ gì! – Tư Xồm lăm bằm bảo tôi. – Anh hãy nhìn lại chúng đi. Rõ là một lũ rồ dại. Lợn thì loè xoè quần áo mớ bảy mớ ba. Người lại cưỡi truồng nông nổi. Thật chẳng còn ra cái thể thống gì!

12 – SÓNG GIÓ KHÔNG TỪ BIỂN

Tư Xồm thực sự khó chịu với con lợn. Khó chịu từ rất lâu rồi. Đối với Tư, chẳng có nàng An Ta Ra Mê Na nào cả. Nó chỉ là một con lợn bằng phẳng. Một con đười ươi đã hoá thành tinh, luôn quấy nhiễu, gây mất trật tự, làm lợn xộn cả đảo chìm. Muốn trở lại yên ổn, chỉ còn một cách là giết quách nó đi. Tư Xồm đã nhiều lần đề nghị chính trị viên Thuận cho anh em một bữa cải thiện. Hai ùm lại càu nhàu: “Đúng là thằng bần tiện! Việc gì mà phải thịt lợn! Không có con lợn thì còn biết lấy gì ra làm văn vẻ. Thằng cha xung khắc với lợn, vì nó cầm tinh con hùm! Hùm nào thấy lợn mà chẳng muốn vồ. Cu cậu thêm thịt lợn cũng phải!”

Nói thế thì thật oan cho Tư. Tư đâu có phạm tặc như vậy. ở đây khem khổ quen rồi. Tư cũng đã quen với sự thiếu thốn. Cậu ta sẵn sàng nhường cơm sẻ áo cho bất cứ ai. Đồ đạc, vật dụng tư trang của Tư, ai cần, cứ việc lấy dùng. Tư không hề tắt mắt, tư túi. Chính vì thế, cánh lính đảo mới tin Tư, mới bầu Tư làm quản lý, canh giữ cả một kho nước ngọt của đảo. Sáng nào Tư cũng phát nước ngọt cho lính. Mỗi người hai gáo sắt. Mỗi gáo là một lít. Tư đóng nước ngọt thiện nghệ đến mức không hề rò rỉ ra ngoài một giọt nhỏ. Thoát đầu, phi nước ngọt để ngay trên mặt boong, chỉ đẩy cái nắp sắt bình thường. Nhưng rồi có đợt, chỉ sau một đêm, thùng nước ngọt tự dung cạn đến tro cả đáy. Kiểm tra, thấy thùng không rò rỉ. Vậy thì nước ngọt biến đâu? Tư ngờ lắm. Cậu bí mật kiểm tra thì thấy trong ba-lô thằng lính nào cũng có một cái ống nhựa. Nước ngọt bay qua đấy chứ còn đâu nữa. Đêm, đợt Tư ngủ say, cánh lính bò lên boong hút trộm. Như thế có khác gì rồng cuốn. Tư chốt bệng nắp sắt bằng cả một cái khoá Việt-Tiệp to dùng. Thỉnh thoảng, cậu lại đảo qua, lấy tay vỗ vào phi nước, nghe tiếng vỗ, biết nước còn hay đã “bay hơi”. Tư ghét con lợn là ghét cái thói đỏng đảnh rởm đời của nó. Ở đây, lính còn phải tắm nước biển, uống nước biển, đun thêm nước biển để nấu cơm. Có chút muối, cơm cứ chuôi chuôi còn nguyên cả lõi gạo. Bát cơm rời rơng rỗng. Chẳng hạt nào dính với hạt nào, ăn sậm sậm, chát xít. Lính tráng còn phải sống như thế vậy mà con lợn cứ “đụng” chút nước mặn là đi ỉa tồ tồ. Rõ thật con nhà lính, tính nhà quan. Lại phải thừa một suất riêng cho lợn, quá bằng chăm người ốm. Đã vậy, mỗi ngày còn phải chi thêm cho nó bốn lít nước ngọt nguyên chất nữa để làm suất uống. Bốn lít nước bằng tiêu chuẩn của hai thằng lính biển chứ có ít đâu. Một ngày bốn lít, Mười ngày bốn mươi lít. Một tháng một trăm hai mươi lít. Một năm là tấn rưỡi nước ngọt. Ôi giờ đất ơi! Như thế nó đâu phải là lợn. Nó là con giặc cái, là cái máy ngốn nước ngọt rồi!

Phải tiêu diệt con lợn thôi. Không còn cách nào khác. Tư Xồm lại nài nỉ chính trị viên Thuận. Thuận cười đầm đìa:

– Mình hiểu thiện chí của cậu, là muốn tiết kiệm nước ngọt dành hết cho anh em. Nhưng nếu chỉ vì chuyện nước ngọt mà giết mất con lợn thì uống quá. Hay là ta giải quyết thế này: Phần nước ngọt phải chi cho lợn, cậu cứ trừ luôn vào tiêu chuẩn của mình. Thế được không?

Tư Xồm ngồi ngệt ra. Lại đến cả thế nữa! Đã loại trừ con lợn là để dành nước ngọt cho lính, bây giờ suất nước ngọt hư hao ấy lại dồn hết vào một người, mà người đó lại là bố Thuận, người đứng đầu cả hòn đảo? Ai dám làm thế cơ chứ. Rốt cuộc, chẳng có gì xảy ra. Con lợn vẫn lẳng xẵng, nhặng nhít. Mỗi ngày, bốn lít nước ngọt vẫn phải chi cho nó. Tư bức lắm mà chẳng có cách nào trừ khử được con ôn vật.

Thế rồi, thật bất ngờ, một vận may đã đến với Tư. Vâng! Phải nói đúng là một vận may, vì trước đó Tư đâu có nghĩ tới. Ấy là khi con lợn đến kỳ động dục, xứ đảo chìm mới thật sự lợn xộn. Nếu lợn dục thì thật đơn giản. Chỉ nháy mắt là Huy thiến xong. Nhưng lợn cái thì chịu. Cu cậu chẳng biết lách mũi dao vào đâu. Đêm xuống ngọt ngọt. Buồng thủy thủ nóng hầm hập như cái lò nướng bánh mì. Cánh lính trẻ đành kéo nhau lên boong, nằm ngả ngón hóng gió. Đêm,

con lợn cứ chịn cái đít ướt nhoét và tanh lờm vào mặt lính.

- Ơ cái con này, láo nhỉ! Mặt ông chứ có phải là cái bờ tường của nhà mày đâu!
- Cút ra ngay!
- Ông thì cho một chưởng bây giờ! Cút!

Nhưng con lợn còn biết gì nữa? Nó như đã hoá điên, hoá dại. Rồi nó cuống cuống nhảy bổ cả xuống biển. Thế là cả hòn đảo nháo nhác. Tàu rúc còi báo động. Bao nhiêu đèn pha trên tàu đều được huy động, rọi loà loà xuống mặt biển. Những gã bơi giỏi nhất của đảo đã được sung vào đội cứu nạn. Mãi đến nửa tiếng sau, Hai ùm mới lớp ngóp ôm con lợn leo lên mặt boong. Cả người và lợn đều run bần bật. Tảng sáng, Tư Xồm đã đập cửa buồng chính trị viên.

- Vào đây, có chuyện gì thế cậu?

Chính trị viên Thuận ôn tồn hỏi. Anh biết Tư đến vì việc gì rồi. Anh cười:

- Lại chuyện con lợn phải không? May mà còn tìm được. Đêm qua biển cũng lặng...
- Nhưng không thể nuôi được nó đâu, thủ trưởng ạ! Trước sau rồi cũng mất thôi.

– Mình nghĩ là qua kỳ động đực, con lợn sẽ trở lại trạng thái bình thường. Chẳng có gì phức tạp đâu.

– Tôi nói thực điều này, thủ trưởng đừng giận nhé. Tôi có cảm giác thủ trưởng không hề thương lính. Thậm chí thủ trưởng coi tính mạng lính chẳng còn ra cái gì, có khi không bằng cả một con lợn!

- Cậu nói gì lạ thế? Hả? Cậu vừa nói gì? – Thuận nóng bừng mặt.

– Thì đó, thủ trưởng ngẫm coi. Nếu đêm qua có cá mập thì anh em sẽ ra sao nào? Chả lẽ chỉ vì một con lợn nhép mà phải đổi đến mấy mạng lính ư?

Thuận bàng hoàng trước câu nói cứ tỉnh bơ của Tư Xồm. Biết chính trị viên đã núng thế, Tư dụi giọng:

– Tôi biết thủ trưởng quý con lợn, quyết giữ gìn con lợn cũng là vì anh em thôi. Quả thật ở hòn đảo này, có con lợn cũng vui. Nó như niềm giải trí. Nhưng lợi bất cập hại. Thủ trưởng đừng nghĩ tôi cáu bẳn với con lợn chỉ vì mấy ngụm nước ngọt. Ai đi sò đo miếng ăn với con lợn làm gì. Nhưng tôi nghĩ là ta khó mà nuôi được nó. Đến kỳ động đực nguy hiểm lắm. Cứ nghĩ đến đêm qua là tôi thấy rùng mình. Vùng biển này đâu phải không có cá mập...

– Thôi, cậu đừng nói nữa. Đủ rồi! – Thuận cắt ngang lời Tư Xồm – Để cho mình cân nhắc thêm chút nữa đã. – Thuận khẽ thở dài. – Ừ, mà không khéo đến phải thịt con lợn thật!

13 – CHUYỆN TRÊN BOONG

Thế là số phận của con lợn đã được định đoạt. Sự việc diễn ra nhanh quá. Nhanh đến nỗi ngay cả Tư Xồm, người chủ mưu bày đặt ra cái chuyện này, cũng còn thấy ngạc nhiên, không ngờ nó lại diễn ra đơn giản đến như vậy. Còn đám lính trẻ thì bàng hoàng, sửng sốt vì không thể tin bố Thuận lại có quyết định đột ngột như vậy. Hai ùm và Tư Xồm gườm gườm nhìn nhau như hai kẻ thù địch. Hai ùm biết sự việc bắt đầu từ đâu. “Chắc mày lại ton hót gì với bố Thuận, phải không?” Hai hỏi bộp Tư Xồm. Tư thủng thẳng: “Thì tốt nhất cậu cứ tìm bố Thuận mà hỏi!” Chính trị viên Thuận chỉ mỉm mỉm cười. Nụ cười có gì như là gương gao: “Thôi, cũng đừng băn khoăn nữa, Hai ạ! Tao thấy thằng Tư nó nói đúng đấy. Không thể nuôi được con lợn đâu. Tao cũng không muốn giết con lợn. Nhưng chẳng còn có cách nào!” Thế là toi rồi, An Tà Ra Mê Na ơi! Bây giờ thì không còn ai cứu được em nữa rồi! Hai bỗng ứa nước mắt. Chính cậu cũng không ngờ mình lại có lúc yếu đuối đến mức buồn cười và dớ dẩn như vậy. Không khí thật nặng nề. Hòn đảo như đang đứng trước một tai hoạ không thể tránh khỏi.

Nhưng rồi sự việc cũng chóng qua đi. Vì dẫu sao nó cũng chỉ là một con lợn như bao con lợn khác. Vậy thì có gì mà phải vân vi. Cánh lính trẻ lại háo hức trước niềm vui mới. Ấy là bữa liên hoan sẽ tổ chức vào ngày mai. Kể cũng hay. Đã lâu lắm rồi, đảo chưa có được bữa ăn tươi. Suốt đêm, hầu như cánh lính trẻ không ngủ. Họ tíu tít bàn nhau nên ngả những món gì. Thịt lợn luộc chấm muối ớt thì dễ rồi. Nhưng chả lẽ tiệc lại chỉ có mỗi món như thế? Bày đặt thêm cũng khó. Vì ở đây, chẳng có gì khác ngoài muối và ớt khô. Giả cày thì không có riêng. Tiết canh lại thiếu lạc. Hay quạt thêm tí chả nướng? Ừ phải rồi! Có lẽ phải thêm món chả nướng nữa mới xôm trò. Đấy, cánh lính cứ thế mà âm i, mà riu rít. Con lợn dường như cũng linh cảm thấy nỗi bi thảm đang đến mỗi lúc một gần, nó lạng cặng chạy hết xó này đến xó khác, cọ lưng vào chân người này, dũi mõm vào tay người kia. Hình như cô nàng đang cố tình xun xoe nịnh bợ để lấy lòng mọi người. Nhưng nịnh bợ xun xoe gì thì cũng cứ chết!

Trên mặt boong, chảo nước làm lông đã sôi sùng sục. Huy đang quعن quẹt mài dao. Hai ùm nằm liệt trong lều bạt. Cậu ta định bụng không lên boong. Hay gì cái trò thịt lợn mà phải xem. Nhưng rồi không hiểu sao, cậu ta lại thấy bứt rứt, không thể nằm yên được. Chẳng biết sự thế sẽ ra sao? Hai ùm bật dậy, lao bóp xuống biển, bơi ra tàu. Trên mặt boong, cánh lính kéo đến đông nghịt. Con lợn đã bị lột hết quần áo, bị dẫn ra sà n tàu.

- Này, phải tìm đúng tia máu hăng chọc tiết. Chọc mà nó không chết là phải tội đấy!
- Thôi! Tao hoá kiếp cho mày, để mày làm kiếp khác sướng hơn nhé!
- Đưa cái giẻ ướt đây! Thế, được rồi!

Huy lấy cái giẻ, lau đi lau lại cổ lợn cho sạch để tiết đỡ bắn. Rồi lấy mũi dao gạt lông lợn để chọn điểm thích hợp nhất kết liễu đời con vật. Nhưng khi mũi dao vừa chạm vào cổ lợn, thì con lợn lật mình nằm ngửa ra, rồi đưa cả bốn chân lên trời vẩy vẩy rồi rít. Hai ùm kêu ầm lên:

- Này, nó chọc tiết mày đấy, tưởng đùa à mà còn làm trò?

Con lợn lại ngoẹo một bên cổ, nhếch mép như là cười, một nụ cười ngô nghê và bí hiểm mà Hai vẫn quen gọi là nụ cười La Giô-công. Rõ ràng là cô nàng vẫn tưởng cánh lính đùa cợt, nên lại tiếp tục diễn trò. Rồi cô nàng lại nháy cốn lên, quay nửa vòng, rồi vục mõm xuống, choãi hai chân về phía trước như động tác chào lạy. Huy ngẩn người nhìn con lợn. Đám lính cũng bàng hoàng nhìn nhau. Con lợn vẫn biểu diễn, vẫn tiếp tục làm trò. Xưa nay, nó vẫn quen như vậy. Và

cho đến tận giây phút này, con lợn vẫn là niềm vui của cả hòn đảo. Vậy thì nó có tội tình gì mà người ta nỡ giết nó? Ngày nào, nó cũng phải chịu sóng gió như lính. Ăn cơm thừa canh cặn của lính. Có tốn chút nước ngọt thì đáng là bao? Vậy mà chỉ vì tí nước ấy, người ta nỡ giết nó ư? Huy vút toạch con dao vào đồng dây neo:

– Thôi, đưa nào chọc tiết lợn thì chọc nhé, còn tớ thì tớ chịu!

Cánh lính cứ đùn đẩy nhau. Chẳng ai cầm nổi con dao chọc vào cổ lợn, kể cả Tư Xồm. Buổi chiều, người ta lại thấy Hai ùm dặt con lợn bước lạng cạng trên mặt boong. Giọng Hai ùm sừng sộ:

– May mà bố Thuận đã ân xá. Chỉ tí teo nữa thì đời mày tàn rồi! Tàn là tàn thế nào? Là nó chọc tiết mày đấy. Chọc là chọc vào cái cổ này này. Rồi nó ăn thịt mày. Nhai tóp tép. Rồi mày sẽ thành cút. Thành cút mà đã yên được à? Mày sẽ trôi lênh bênh trên biển. Rõ chưa? Rồi mày lại nằm trong bụng cá. Mày đi lang thang khắp các gầm trời. Thế mà lại còn nhe răng ra cười à?

Hai ùm lại tung con lợn lên, quay một vòng. Rồi lại túm hai chân trước của con lợn, nhảy điệu nhảy quên thuộc với lời ca rất đời kỳ quái:

– Va - xi - lô

Cà ri cứ oà tồ tồ

Cha cha cha

ở đây có cha con ta

Này trời mây, này nước non đẹp thay

Chẳng ai biết được chúng ta đang ở đây

Va - xi - lô

Cà ri cứ oà tồ tồ

Cha cha cha

Chẳng ai hơn cha con ta...

14 – BÃO BIỂN

Buổi chiều, không hiểu sao, bầy chim biển chui cả vào lều bạt. Chúng rúc vào chần, chen lẫn với lính. Căn lều bạt trở nên chật chội, ứ đọng và hôi mùi như ổ chó đẻ. Trên tầng giường, Hai ùm nằm ngáy như sấm. Có lẽ mấy hôm liền căng thẳng vì chuyện con lợn, cu cậu mệt rã rượi. Tôi cũng thấy buồn ngủ. Hai mắt nặng trĩu, cứ luôn chực nhắm lại.

Tiếng động lịch kịch dưới chân sàn làm tôi thức giấc. Hình như có ai gõ gõ mái chèo vào cột lều. Tôi nhìn qua mặt sàn. Hoá ra là chính trị viên Thuận. Anh vừa đánh xuống vào.

– Này, ra tàu ngay! Ra tàu ngay đi!

– Có chuyện gì thế, bố Thuận?

– Không thấy gì cả à? Nhìn kia kìa!

Nói rồi, Thuận chỉ mống ra biển. Mặt biển lặng tờ như cái ao làng. Phía chân trời ập lên một tầng mây đỏ sọc như màu máu chó. Biển tanh ngắt. Chết cha. Bão rồi! Thảo nào mà lũ chim biển chui hết vào lều, rúc cả vào chần lính để ẩn nấp. Vậy mà sao mình lại không để ý nhỉ?

Cánh lính vận chuyển vũ khí, đồ đạc ra tàu. Căn lều vẫn tòng tênh, trống hoác, nhưng đến khi di chuyển mới hay lính ta cũng giàu có lắm, chứ chẳng phải ít của. Ngón ngang trăm thứ bà giần, cứ lính cà lính kính. Nhặt cái này lại thấy tiếc cái kia. Không rõ đến chuyển xuống thứ mấy thì biển đã cuộn lên những đợt sóng lớn. Mái chèo nặng trĩu, bì ra. Dường như cái xuồng không còn tuân theo mái chèo của lính nữa. Khi mũi xuồng vừa chạm thành tàu, Hai ùm chột bàng hoàng kêu lên:

– Thôi chết tôi rồi! Chết rồi!

– Có chuyện gì thế?

– Còn ba-lô và đồ đạc của thằng Thiêm!

Ừ, phải rồi! Đúng là còn “tài sản” của Thiêm. Vậy mà tại sao cả mấy thằng đều không để ý. Mà cũng phải thôi. Cái bát sắt, đôi đĩa và chiếc ba lô lại treo mãi trên nóc bạt. Trong lúc cuống cuồng vội vã, ai còn để ý đến cái nóc bạt làm gì. Tôi bảo Hai:

– Không sao đâu, Hai ạ. Mình thấy mọi thứ chẳng buộc cần thận lắm!

– Đâu có. Em ngoắc cái ba-lô lên con sỏ sắt cọc lều chứ nào có buộc chẳng gì. Thằng Thiêm chỉ có mỗi chút đồ thôi. Nếu mất, biết nói gì với mẹ nó, cực thế. Vả lại, còn một tí tư trang ấy, cũng có thể cho vào cái tiểu sành, đắp cho nó ngôi mộ. Vẫn còn chút gì của nó để có thể thấp cho nó một nén hương - Hai nói như van vãn. – Anh lên tàu đi. Em quay lại...

– Không được đâu. Không kịp nữa rồi!

– Thôi, đừng lằng nhằng nữa! Anh lên tàu đi!

– Hay để mình cùng quay lại...

– Không được! – Hai quắc mắt lên, mặt tím ngắt. – Đã bảo đừng có lằng nhằng nữa. Có ông anh chỉ nặng gánh thêm chứ béo bỏ gì. Lên tàu!

Hai nói như ra lệnh, rồi ghì xuống cao-su. Con tàu chao lắc. Chiếc xuống lại càng chao lắc dữ dội. Nhể nhại lắm, tôi mới bám được chiếc thang dây, leo lên tàu.

– Hai, lên tàu đi! – Tôi nói như khóc.

– Không được! Không thể được! Nhanh thôi mà. Em sẽ quay lại ngay. Không sao đâu!

Nói rồi, Hai chém nước lao đi. Biển đã cuộn lên những đợt sóng lừng lững như những tấm lưng trâu. Chiếc xuống cao-su của Hai mất hút trong sóng. Con tàu bắt đầu òng ọc nhổ neo. Tôi gào lên:

– Còn thằng Hai. Anh Thuận ơi, còn thằng Hai nữa!

– Còn người! Còn một người nữa!

Tiếng lính nhao nhao. Gương mặt Thuận bỗng trắng bệch như bụng cá chết. Anh khoát tay ra hiệu cho thuyền trưởng dừng lại. Nhưng con tàu không thể dừng được, vẫn phải nhổ neo, bởi chỉ chậm chút nữa, con tàu sẽ rút đứt neo và nó có thể sẽ bị sóng ném vào ghềnh đá san hô như một viên sỏi. Biển tối mù mịt. Bây giờ thì không chỉ chiếc xuống của Hai mà cả cái lều bạt cũng không còn thấy đâu nữa. Con tàu quần lượn quanh đảo để tìm Hai. Nhưng rồi vô vọng và bất lực. Với sức sóng này, làm sao Hai có thể đánh xuống đi được. Ngay cả con tàu mấy ngàn tấn này cũng chỉ như một chiếc lá tre mỏng mảnh. Loanh quanh một hồi, rồi con tàu cũng đành phải gối sóng để tránh bão. Tránh ngay trên biển bão. Thuận trực tiếp cầm lái bên cạnh thuyền trưởng Hoà. Anh vừa lái, vừa ồ ồ khóc như một đứa trẻ. Kinh nghiệm bao nhiêu năm đi biển cho anh biết số phận bi thảm của Hai ừm sẽ kết cục ra sao? Anh vừa tránh sóng, vừa cố lượn qua những vùng biển mà anh đoán cái xuống của Hai có thể trôi dạt tới. Từng đợt sóng bạc đầu đổ tràn qua mặt boong. Có trận sóng phủ lên cả nóc đài chỉ huy. Chân vịt khua reng reng trong không khí. Mặt biển tối sầm. Gió đánh thốc từng đám mây trắng đục xuống mặt nước đen sịt. Tôi lặn lông lốc trên sàn tàu. Đám lính trẻ cũng nhào lộn trong những bãi nôn tanh lợm. Rồi rầm một tiếng dữ dội. Tôi thấy mình bay vút như một viên đạn, đầu lao choác vào thành tàu tê dại. Nước biển mặn chát trùn lên người tôi. Vỡ tàu rồi! Trong đầu tôi chợt loé lên một ý nghĩ kinh hoàng như vậy. Thế là hết. Hết tất cả. Tôi thấy mình mù đi. Trong khoảnh khắc âm âm u u, tôi còn kịp nhận ra mình cùng với con tàu lao hun hút xuống đáy biển tối thẳm, trơn lầy và lạnh ngắt...

15 – BIỂN MẶN

–Ồ, anh ấy đã tỉnh rồi kìa!

– Tỉnh rồi! May quá! Chút nữa lại mang tiếng đảo chìm giết chết một thi sĩ tài năng đang hứa hẹn! – Tư Xồm cười dùm dùm. – Huy này, mày xem vết thương anh ấy có nguy hiểm không?

– Không sao. Bố ấy chỉ bị choáng khi va đập mạnh. Còn xa ruột lắm!

– Bây giờ thì ông anh có muốn chết cũng đích chết được. – Tư Xồm lại cười. – Này, mà giá như ông anh ngỏm bég luôn ở đảo chìm này có khi lại hay đấy nhé. Biết đâu có người lại thấy tiếc ông anh, lại nói ông anh là một tài năng đang phát triển rực rỡ. Còn ông anh sống ý à... em nói thật, đại ca đừng tự ái nhé, ông anh cũng nhem nhuốc lắm, hoàn cảnh lắm, chẳng hơn đích gì lính nhọ dít chúng em...

Tôi chống tay vào sàn tàu, ngồi dậy. Đầu óc cứ ong ong, váng vất. Bụng vẫn còn cào, thoáng đặc, thoáng rỗng. May mà con tàu không bị vỡ. Có lẽ chiều qua nó lao vào một vách sóng nào đó chẳng.

– Hai đâu? – Tôi hỏi.

– Tàu đang đi tìm nó mà! Đang về đảo chìm đấy.

– Thế hôm qua đi những đâu?

– Xa. Tàu tránh bão thì cứ phải gỏi sóng, chạy ngoắt ngoéo chữ chi. Chạy xa lắm, cách đảo hàng trăm dặm biển.

– Hai ơi! – Tôi thoáng kêu lên.

– Không sao đâu, anh Khoa ạ! Có lẽ nó về lều bạt rồi. Bố Thuận bảo, nếu nó tới được lều, cột chặt mình vào cọc lều thì may ra có thể thoát!

– Nhưng đã chắc gì nó vào được lều bạt?

– Thì chính anh bảo chiều qua nó đánh xuồng vào lều bạt mà...

– Không! Nó trở lại lều để cứu đồ đạc của thằng Thiêm. Ừ, mà tại sao chiều qua mình lại không kiên quyết giữ nó lại...

– Không sao đâu anh Khoa ạ. Thằng này như quỷ biển. Nó bơi bọm lắm. Giả sử chiều qua, cu cậu không vào được lều, thì cứ ôm chặt cái xuồng cao-su, quần người vào dây xuồng là cũng không thể chết được. Chúng ta sẽ tìm thấy nó...

Tôi gượng leo lên boong. Mặt biển bạc phếch. Những đám mây bị chẻ tước đuôi ngựa, bay vun vút như khói. Áp thấp nhiệt đới nảy sinh từ quần đảo bão tố này thường xảy ra bất ngờ và kết thúc cũng rất nhanh. Khi vào đến đất liền, có thể nó quấy lên thành những trận bão lớn. Còn ở đây, biển đang dần trở lại cái dáng vẻ âm u bí hiểm muôn đời của nó. Con tàu vẫn đang xé sóng lao về phía đảo chìm. ở chân trời xa, đã thấy thấp thoáng những bóng chim biển bay nháo nhác.

Mãi đến sâm sẩm tối, con tàu mới buông được neo. Chính trị viên Thuận và tôi cùng với Tư Xồm đánh xuồng diu nhau vào lều bạt. Nhể nhại lắm, chúng tôi mới vượt qua được mép san hô. Vùng đảo hoang lạnh một màu khai thiên lập địa. Chiếc lều bị gió cuốn mất tấm bạt, tua tủa giương lên nền trời xám đục những rãnh xương sắt cong queo, nom rờn rợn như một con cá voi khổng lồ đã bị rửa hết thịt.

– Có người! Thăng Hai! Đúng là thăng Hai kia rồi! Anh nhìn rõ không?

Tư Xồm reo to, hồ hởi như người bắt được của. Chúng tôi thấy nhẹ bẫng người, nhìn theo ngón tay Tư. Trong ráng chiều nhập nhoạng, một bóng đen trù trũi đang lom khom ngồi trước cửa lều. Hình như cu cậu đang ỉa. Mà ỉa bậy. Đấy có phải chỗ ỉa đâu. Phải cho thăng cha này một chường mới được. Đây là chỗ anh em vẫn thường tắm táp, vẫn thường rửa bát đĩa xoong chảo. Hừ, cái thăng! Tư quát lên:

– Này, sao lại bình ở đó, hả!

Bóng đen thoáng rùng mình quay lại. Tôi bỗng sờn tóc gáy. Có tiếng đập đánh rào một cái. Rồi bóng đen bay chéo qua đầu chúng tôi, thả xuống đảo chìm một tiếng kêu khàn đặc, khê rợn:

– Goà...goà...

Thì ra đó chỉ là một con ó biển. Tôi lập bập bám thang dây, leo lên lều. Căn lều trống hoác, ướt nhoẹt. Đũa bát của Thiêm đã bị gió ném đi. Nhưng chiếc ba-lô lép kẹp sũng nước thì vẫn lũng lảng chao lắc trên cái kèo sắt cột lều. Như thế có nghĩa là Hai không vào được lều bạt.

– Hai ơi!

Tư Xồm bỗng nấc lên. Thế là lại thêm một người lính nữa chết ở đảo chìm. Người đó tại sao không phải tôi, mà lại là Hai, con cá kình của đảo? Cầu mong trước khi nước khép mặt, Hai được nhìn thấy cánh chim hải âu. Tôi bỗng thấy chóng mặt. Chính trị viên Thuận vội chạy tới đỡ vai tôi. Tôi níu tay Tư. Còn Tư thì ôm lấy cột lều. Sóng vẫn hắt qua mấy khung giường sắt, phủ lên đầu chúng tôi từng đợt nước mặn chát. Lần đầu tiên, tôi mới hiểu vì sao nước biển lại mặn đến thế. Và có lẽ không ở đâu nước biển mặn như ở đảo chìm. Mặn như máu...

Trường Sa, tháng 7 năm 1980

Phần thứ hai

THỜI SỰ VÀ KÝ ỨC

(Truyện ngắn, ký và đoản văn)

THỜI SỰ LÀNG TÔI

Truyện ngắn

I

– Này, vừa rồi anh có nghe đài không?

Mẹ tôi hỏi với vẻ mặt nghiêm trọng. Tôi đâm hoảng. Chắc lại có ông to to nào vừa mới chết chẳng? Hay là có chuyện gì?

– À, là đài nói về làng mình. Thế mà nhà mình lại không biết để mở nghe mới tiếc chứ. Chẳng biết cô nhà báo kể những chuyện gì mà hay lắm.

– Sao u biết?

– Thì ông Chích nói mà. Ông ấy bảo chị mày cũng được nêu tên lên đài đấy. Chị mày là người đầu tiên đặt vòng cai đẻ ở cái làng này. Một con cũng cai. Ông Chích đã thực mục sở thị...

Tôi thở phào nhẹ nhõm. Thế ra ông Chích vẫn chẳng khác gì ngày xưa. Ông là chủ tịch xã. Người thông tỏ mọi chuyện. Đi đâu ông cũng đeo bên hông cái đài National mở to hết cỡ. Bây giờ ở các làng quê, không còn ai đeo đài đi họp hay đi ăn cỗ nữa. Nhưng ông vẫn không bỏ thói quen ấy. Cứ nghe tiếng nhạc bập bõm từ xa, chẳng cần ngó ra, người ta cũng biết là ông chủ tịch. Gặp chuyện gì đó lạ tai mà ông chưa biết, lập tức ông sẽ hỏi: “Thế đài có nói như vậy không?” Và nếu biết chỉ là chuyện nghe láo quá ở đâu đó, ông sẽ phẩy tay: “Coi chừng, không khéo lại tuyên truyền không công cho địch rồi!”

– Ông Chích dạo này thế nào, u?

– Mất chức rồi! – Mẹ tôi chép miệng. – Chẳng biết vừa rồi bầu bán làm sao lại không trúng chân đảng ủy. Ôi dào, quan nhất thời, dân vạn đại. Các cụ nói cấm có sai tý nào. Hôm nọ, bố mày rủ đi đóng gạch thuê cho nhà Dung. Một buổi đóng gạch thuê bằng mười buổi theo đít trâu. Ông ấy chả chịu: “Chủ tịch xã lại đi đóng gạch thuê cho cái con mẹ phe phẩy ấy à?” Thế là ông ấy giận bố mày, cho là bố mày nói kháy, nói xỏ xiên. Rõ khổ, gần hai chục năm nay, ông ấy quen làm chủ tịch rồi, bây giờ không xuống làm dân được nữa!

Rồi mẹ tôi tỉ mỉ căn dặn tôi từng cách ứng xử với bà con thôn xóm, tựa như tôi là kẻ xa lạ đâu đó mới về làm khách làng này. Chả là dạo nọ, có một cô nhà báo ở trên Trung ương về đây công tác. Cô trọ ngay trong nhà tôi. Cứ như lời mấy bà thợ cấy thì đó là một cô gái phốp pháp. Tóc ộp. Váy ngắn cùn cốn như váy búp-bê. Cặp đùi trắng nõn như ngó cần. Trông cứ rợn cả người. Giữa ban ngày mà mặt trát bụi phấn, nom cứ như con nhà thổ. Đã thế lại khinh người, coi người như cỏ rác. Ai lại đi ra đường, người qua kẻ lại nườm nượp là thế mà cấm có chịu chào hỏi ai lấy một câu. Vợ Cối nó cứ dúi đục chấm mắm cáy, nó nói bộp vào mặt: “Gớm chửa, giờ chưa mưa mà ếch nhái đã nhảy ra đường rồi!”.

Mẹ tôi quá lo xa chứ tôi đâu đã được là người hàng tỉnh như thế. Bao nhiêu năm ăn hạt gạo làng này, ngắm nắng mưa làng này, tôi khác gì hòn đất ải? Có cho vào cối đá mà trêu thì cũng vẫn là cái anh nông dân làng Cát Xuyên, chẳng thể khác được. Những năm đi xa, mỗi khi nhớ về quê nhà, trong tâm trí tôi lại thoáng hiện lên một làng quê cũ kĩ với những căn nhà gianh thấp tè, lụp xụp và ẩm mốc. Mái rạ mỏng dính rụng đầy lá tre khô. Những mảnh ao bèo xanh đặc,

sau mỗi đêm mưa rào, lại lủng lẳng treo những tổ bọ ngoáp trắng nhều. Rồi vườn rau, vườn đỗ nhấp nhô những thẳng bầu nhìn rơm, trông thật chẳng ra người mà cũng ngật ngưỡng mũ áo, tay lại còn lúc lắc cái cò tre buộc phát phơ mấy mảnh lá chuối.

Đã nhiều năm như thế trôi qua.

Về phép lần này, tôi ngạc nhiên quá. Không tìm đâu ra dấu vết quen thuộc ấy. Một cái làng khác hẳn. Nếu không có những người thân thuộc gọi tên tôi, tên cúng cơm, thì tôi đã tưởng mình bước nhầm vào một cái thị trấn nửa quê nửa tỉnh nào đó. Con đường vào làng trải nhựa đen láng. Còn mái ngói thì cứ san sát. Có bói cũng chả tìm ra được mái nhà gianh. Nhà bà Dung chuyên bán bánh đúc lạc vượt lên đến ba tầng. Trên nóc lại ngất ngھều cái cuốn thư. Xung quanh có hình rồng chầu, phương múa. Nom cứ rờn rợn như cái miếu thờ ông thần đất. Còn sà sà là nhà hai tầng. Nghèo kiệt đến như bà Vầu mà cũng có nhà ngói. Nhà bà một gian, hẹp vánh vánh, nhưng cũng cổ cao vượt lên, chẳng kém gì các nhà khác, nên cứ chon von như cái tháp chuông nhà thờ. Bà Vầu chồng chết sớm. Có mỗi cô con gái thì lại lấy chồng thị xã. Con gái chèo kéo mãi, bà mới qua thăm con. Rồi chỉ được vài ba ngày, bà lại bỏ về quê. Cứ như lời bà thì phố xá toàn một lũ điêu chác và lười nhác. Suốt ngày chẳng thấy chúng làm gì, chỉ đi nhông nhông, đi đặc cả đường. Vào rạp chớp bóng, vừa đứng dậy, cái ghế đã thủng một lỗ toang hoác. Rõ ra lũ thợ mộc ăn bớt gỗ chứ còn gì nữa. Mà phim ảnh cũng chẳng ra cái quái gì. Người cứ đi nhoàng nhoàng như ma, chưa kịp nhìn rõ mặt đã biến mất, hàm răng thì to vều như nải chuối hột, đâu có được nết na như mấy cô hát chèo của làng mình. Nhưng cái điều bà ón nhất, kinh tởm nhất là dân phố xá nó không có tình cảm. Nhà nọ giáp nhà kia mà nó cũng chẳng biết tên nhau. Bên này có người chết, bên kia nó mở nhạc xập xình. Thế thì làm sao mà sống được hả giòi. Gắn mực thì đen, gắn đèn thì rạng. ở với cái lũ bất nhân ấy thì rồi but cũng thành ma hết. Bà bỏ về quê, sống một mình, lui cui trong xó nhà dột nát, rúm ró. Chiều nào người ta cũng thấy bà thơ thần bòn kiểm rau má về nấu canh. Thế rồi dùng một cái, chẳng biết bằng cách nào, bà cũng vật lên được cái nhà ngói cao ngất ngھều. Có người bảo bà bắt được vàng. Giời thương người nghèo, giòi cho của đầy. Nhưng trông tấm thân ngày một tàn lụi của bà, người ta lại nghi hoặc. Hình như không phải thế. Chỉ có mẹ tôi biết được bí mật của bà. Bà đã nhờ mẹ tôi bán giùm số bạc trắng bà tích cóp từ thời vua Bảo Đại. Thêm vào đó là số tiền thỉnh thoảng con gái lại dấm dúi đưa cho. Nhiều lần nhà có canh cua hay riêu cá, mẹ tôi bung sang cho bà, có hôm thấy trên mâm cơm của bà chỉ chổng chơ một bát rau chuối chấm tương. Mẹ tôi ái ngại: “Có đồng nào cụ cứ để mà ăn, xây xáo làm gì, khi chết có mang được nhà cửa theo đâu”. Bà chép miệng: “Ôi dào! Miệng ăn núi lở. Có xây mới được căn nhà. Tôi chả ở thì con cái Tre nó về nó ở. Rồi chúng nó cũng phải về quê mà hương khói tôi chứ. ở làm sao mãi được trên phố xá. Với lại, bà thấy đấy, xung quanh người ta xây cất ầm ầm cả. Mình lúi xúi quá, bệ rạc quá, người ta cũng khinh cho”.

Người nhà quê có thể chịu được khổ, chịu được đói, nhưng không ai chịu được nhục, nhất là khi có ai đó lại tỏ vẻ khinh miệt mình. Làng cuốn vào cơn lốc nhà cửa. Gia đình nào không mua được gạch của nhà nước, thì họ tự làm. Những mảnh sân, mảnh vườn đột ngột đùn lên những lò gạch tự tạo. Mỗi nhà một lò gạch. Trên nóc làng lúc nào cũng âm u, quánh đặc những khói. Mấy tháng trời liên như thế. Làng cứ cháy âm ỉ. Hoa trái rụng hết vì ám khói lò gạch. Những cây lưu niên từng coi khinh gió bão, giờ cũng tấp lá, vàng ệch ra. Cây cối thì xơ xác cằn cỗi, nhưng mặt đất lại tươi mơn những bóng nhà ngói. Một cuộc đua chen ngấm ngấm nhưng vô cùng quyết liệt. Gần đây, trên một vài nóc nhà đã chắp chới mọc lên những cây cột ăng-ten vô tuyến truyền hình. Nghe nói là năm sau, hay muộn lắm là năm sau nữa, làng sẽ có điện. ống khói nhà máy nhiệt điện Phả Lại đã chọc lên khỏi lũy tre làng xa kia rồi. ống khói đã nhả khói rồi. Ai cũng nhìn thấy thể cả. Trong khi chờ điện, những cái cột ăng-ten cũng được tận dụng làm thêm một số việc khác nữa: Người ta vắt lên đó những tấm áo trẻ con, những cái khăn mặt hay có khi treo lủng lẳng những xu-chiêng xanh đỏ. Chưa bao giờ làng tôi lại xuất hiện những cái dây phơi hiện đại như thế!

Căn nhà tôi ở xây từ năm 1972. Bây giờ thì nó quá cũ kỹ rồi. Đập ra xây lại cũng dỏ. Bố mẹ

tôi đành vẩy lên cái mái bằng, cốt có chỗ phơi thóc. Phơi trên ấy được nắng, lại đỡ cóm cây. Dưới kia, cái sân cũ cũng được nối thêm đến mấy hàng gạch. Giữa sân lại dựng thêm một hòn núi giả. Có chỗ để cây quỳnh, cành giao. Cứ hai, ba ngày, bố tôi lại quất lũ cháu múc nước giếng giội để tẩy cứt gà sấp.

Về nhà rồi, tôi vẫn cứ chung chiêng, chống chếnh như cái anh khách trọ. Riêng bữa cơm thì vẫn quen thuộc như xưa, dường như không thay đổi. Một đĩa cà pháo. Một bát rau muống luộc. Có tôi về, mâm cơm thêm đĩa châu chấu rang với lá chanh.

– Nhà ta ăn thế này là hoang nhất làng đấy, con ạ!

Me tôi nói, rồi lấy tay quài lọ mì chính cho thêm vào liễn nước rau đã giã mấy quả dọc. Người nhà quê ít chú ý đến ăn uống. Trừ ba ngày Tết và những buổi giỗ chạp. Còn ngày thường, ăn thế nào xong thôi. Thức ăn, cốt chỉ để đưa miếng cơm qua khỏi cửa miệng.

Bữa cơm kết thúc một cách chóng vánh. Tôi chiêu qua ngum nước, rồi vào nhà trong, định chop mắt đôi chút. Tôi vừa thiu thiu thì chợt bừng dậy, rồi không sao ngủ lại được nữa. Không phải nóng nực hay có ai đó cãi vã. Một âm thanh rất lạ uồm uồm, oàm oàm cất lên ở đầu làng, ở cuối làng, rồi dậy vang khắp bốn phía. Tôi nằm ngẩn ra, rồi lại ngồi dậy, định thần một lúc mới nhận ra tiếng sáo diều. Tiếng sáo mới lạ chứ. Hồi tôi còn chơi diều, chúng tôi thường làm màng. Màng chuốt bằng tơ bí. Diều đưa nào sang lăm mới có sáo. Tiếng sáo cũng chỉ đo đo, mảnh mảnh, mơ hồ như tiếng vọng ở đâu đó phát lại... Còn tiếng sáo diều bây giờ vạm vỡ quá, cứ uồm uồm oàm oàm như phát ra từ một cái chum lớn.

– Anh đi đâu đấy? – Mẹ tôi hỏi khi thấy tôi với cái áo khoác. – Đợi tí nữa mát hẳn hẵng đi có được không. Nắng chang chang thế này.

– Con đi xin cái dấu công tác!

– À, thế thì qua nhà Dao bảo nó đóng cho.

Dao là chủ tịch xã. Anh mới thay ông Chích khoá này. Theo mẹ tôi cho biết thì cái trụ sở ủy ban xã bây giờ đã xếp đầy gạch mộc. Cần hội ý, họp hành, người ta kéo nhau ra hội trường. Hàng tuần cứ vào các ngày thứ ba, thứ năm – ngày trực của ủy ban – thì Dao làm ngay tại nhà. Còn các ngày khác tìm anh ngoài đồng, hay trại chăn nuôi. Con dấu nằm ngay trong túi áo đại cán. Để dấu ở nhà, lũ trẻ thường hay đóng bậy vào sách vở. Cứ gặp được Dao là xong. Dao có thể làm việc “dã chiến” ngay trên bờ ruộng, hoặc trong quán nước. Chỉ cần kê mảnh giấy lên đùi là xong việc rồi. Người nhận giấy gửi lại anh hai ngàn đồng gọi là tiền ấn phẩm. Có buổi lấy dấu, Dao lôi ra cả một đồng bật lửa. Sờ khắp mới biết túi nào cũng lóc xóc bật lửa. Chẳng biết của những nhà ai. Thông thường hút thuốc lào, cứ tiện tay, Dao lại nhét bật lửa vào túi. Mấy ngày sau, anh lại cho con rao hỏi xem có ai mất để mang trả.

Nhà Dao ở đầu làng. Một căn nhà ngói ba gian, vào loại thường thường bậc trung, không có gì nổi bật. Căn nhà do vợ Dao xây từ ngày anh còn ở chiến trường. Dao chỉ hơn tôi vài ba tuổi. Hồi nhỏ, anh được bọn tôi kính nể vì tài làm súng ống. Những đêm nguyệt thực, khi làng rộn lên những tiếng gõ cột, gõ thúng met, nong nia, hay chậu thau thúng để cứu ông trăng, thì anh lại kéo tôi lên sang nhà lão Cối, chặt trộm cần câu trúc. Anh bảo chặt cần câu lúc “gấu ăn trăng” sát cá lăm. Rồi chưa kịp kiểm được con cá nào bằng cái cần câu sát cá ấy, anh đột ngột cưới vợ để đi bộ đội. Bốn năm sau, anh trở về với vết thương ở vai. Trông anh chừng chạc hẳn. Người ta bổ sung anh vào tổ thông tin xã. Chiều nào anh cũng giắt cái loa pin ở lưng, leo lên đỉnh ngọn thị nhà lão Cối, a lô các tin chiến thắng. Sau bản tin, bao giờ anh cũng kết thúc bằng bài cải lương hay có khi cả một đoạn tích chèo “Quan Âm Thị Kính”. Còn khi làng có đám cưới, thì Dao không thể không có mặt. Đám cưới nào, người ta cũng mời anh làm chủ hôn. Anh vừa cầm cái mi-crô là cả rạp đang ầm ĩ là thế bỗng im tắp. Nhiều người lại cứ tưởng là đám cưới thuê

được anh chủ hôn ở đâu đó, chứ không dám tin đó là anh Dao, con ông phó cối làng mình. Đầu tiên, thế nào anh cũng yêu cầu quan viên hai họ tặng cô dâu chú rể một tràng pháo tay. “Hồng, hồng. Làm lại nào. Tôi ra hiệu đụp, bà con hăng đụp nhé. Tôi chưa ra hiệu sao bà con đã vội đụp rồi. Chỉ được cái ăn cơm trước keng”. Rồi anh vẩy bên phải, vẩy bên trái, vẩy đều cả hai bên. Tiếng vỗ tay ào lên như sóng. Còn anh thì quay cuồng như con chim cánh cụt, vừa từ dưới biển lên, đang vẩy cánh cho khô. Mấy bà thợ cấy nắc nỏm: “Gớm cái thằng xuya thật. Nó nói đến kiến trong lỗ cũng phải bò ra!”

– Bố cháu có nhà không?

Tôi hỏi thằng bé đang cặm cùi bằm rau chuối cho lợn ở góc sân.

– Bố cháu đi thả diều rồi!

– Sao lại thả diều? – Tôi ngạc nhiên. – Chú hỏi bố cháu kia mà, bố Dao ấy.

Tôi phải nói kỹ hơn vì sợ thằng bé nghe nhầm. Nhưng khi biết thằng bé không nhầm thì tôi ngớ ra.

– Vâng, bố cháu đi thả diều thật mà. Chú biết không, diều ở đây thả không được. Nó vướng vào cây. Phải thả ở cổng đồng rồi mới dong nó về. Tớ nữa bố cháu về đấy.

Thằng bé chùi chùi hai bàn tay ướt át dính đầy rau chuối vào cái quần đùi bết đất đang mặc, rồi chạy vù vào bếp, bung lên siêu nước sôi, rót la liệt ra các cốc. Đường như cậu chủ nhà bé bỏng này đã quen với việc tiếp khách cho bố như thế này rồi.

– Đấy, diều của bố cháu đấy. – Thằng bé nghiêng tai, vẻ thông thạo – Tiếng sáo uôm uôm là diều bố cháu. Còn tiếng đô đô là diều bác Cối.

– Thế cháu học lớp mấy rồi?

– Lớp hai cô giáo Cúc.

– Sao cháu không thả diều, mà lại bắt bố cháu thả?

– Ừ! Cháu mà lại thả được? Diều bố cháu to lắm í. Có hôm nó còn kéo lê bố cháu xuống ruộng cơ. Thế chú có diều không?

Không biết cuộc đối thoại như vậy sẽ còn kéo dài thêm bao lâu nữa, nếu không có tiếng ông Hội ho húng hắng ở bên kia bờ rào râm bụt.

– Ai như anh Khoa ở bên ấy hử?

– Vâng! Chào bác! – Tôi nói với sang.

– Ồ, hay quá! Anh sang bên này uống nước cho lão nhờ một tí. – Ông cụ vội vã mở cổng cho tôi. – Trưa nay, bà cụ nhà anh có sang cho gói chè, bảo là anh mới về. Tôi định sang hỏi anh tình hình thế giới. Nghe ông Chích nói thì căng lắm hử? Lại đánh nhau hử?

Ông cụ tặc tấp bước lên trước. Tôi lặng lẽ theo sau. Trên chiếc sân vôi đã râm vát quá nửa vì bóng nhà hắt xuống, một chiếc diều đồ sộ đang lên khung. Cái diều dài đến chục mét. Tôi không thể hình dung người ta sẽ thả nó như thế nào?

– Diều nhà Chát đấy! Nó mới đặt tôi chiều qua. Mà thôi, anh vào đây đã. Tôi muốn nhờ anh

xem hộ cái quạt điện.

Tôi giã nảy:

- Ấy chết, gì chứ quạt điện thì cháu chịu. Đồ điện cháu dốt lắm!
- Ổi dào! Anh cứ nghiêm tốn thể...! Anh ở trên Trung ương, cái gì mà anh chả biết cơ chứ!

Tôi ngạc nhiên:

- Nhưng làng mình đã có điện đâu mà cụ mua quạt?
- Thì anh tính, nhà mái bằng như thế này mà không treo cái quạt điện thì làm sao còn ra cái hồn nhà!

Ông cụ nói quả không sai. Cái quạt có tôn căn nhà lên thật. Trông sang hẳn. Nếu không có đôi câu đối chữ Nho mạ vàng, dựng một cách tôn nghiêm ở hai bên gian giữa, tôi đã tưởng mình đang ngồi trong một căn nhà nào đó ở Hà Nội. Cái quạt điện treo trên trần nhà. Trông đẹp và ngay ngắn rồi. Nhưng hai sợi dây điện lẽ ra nên giấu vào trong tường, thì lại phơi ra, chẳng lộ lộ trước mặt. Hai sợi dây uốn lên, vòng xuống một hồi mới tới công-tắc. Chiếc công-tắc cũng mới, bóng loáng chẳng kém gì cái quạt điện. Chứng tỏ nó luôn được chủ nhà lau chùi cẩn thận. Chỉ có hai sợi dây là chối, lại to nhỏ không đều. Cần phải thay đi. Tôi định góp ý với chủ nhà thế. Thì còn biết nói gì hơn nữa? Kiểm tra quạt điện mà lại không có điện. Nếu bạn ở địa vị tôi, bạn sẽ xử lý thế nào? Còn tôi, tôi thấy dứt khoát phải thay cái dây điện. Nhưng chủ nhà thì dường như không quan tâm đến điều ấy. Và thật bất ngờ, ông cụ với cái đòn gánh dựng ghệch bên cửa sổ. Tôi hoảng hốt lùi lại. Chả lẽ ông cụ phang mình ư? Thật hú vía!.. Thế rồi thoát cái, ông cụ đưa đòn gánh lên quay cánh quạt một vòng. Cái quạt chạy loang loáng.

- Anh thấy sao? Được chứ?

Ông Hội co cả hai chân lên chiếc sa-lông đánh véc-ni bóng loáng, rồi ngả người về phía sau, ngửa mặt lên trần nhà, bắt đầu bình phẩm. Theo lời ông thì cái quạt này tốt lắm. Quay rất lâu và dừng lại từ từ. Ấy là ông còn chưa tra dầu mỡ. Bộ cánh của Sài Gòn, nhưng máy móc bên trong đều ngoại cả. Nhãn hiệu National hẳn hoi. Tôi chỉ còn biết gật gù để theo. Rút cuộc, suốt cả buổi xem quạt, tôi không phải bình luận, đánh giá gì cả, mà chỉ lặng lẽ nghe chủ nhà bình phẩm. Xong chuyện quạt rồi, ông Hội quay ra chuyện thời thế.

- Đấy, anh thấy đấy. Rõ ràng là đời sống đang lên. Anh công nhận với tôi không nào? Lên là cái chắc. Thế mà có thằng cứ nhắm mắt nói liều rằng đời sống đang thế này thế nọ. Nói láo. Thằng con trai tôi cũng một giuộc như thế mới đau chứ. Hôm qua nó vừa mở mồm là tôi chặn họng ngay. Mà nếu nó còn cứng cổ nữa thì tôi vác đòn càn, tôi xều ra cống!

Ông Hội nhấp một ngụm trà, giọng dịu xuống:

- Anh còn nhớ đạo sáu mốt (1961) không? Năm sáu mốt tiếng là no ấm, là phần thịnh chứ gì? Nhưng mà có gì nào? Cả làng mỗi ông Chích nhà ngói cây mít. Mới thế mà dân làng đã xì xào rồi. Mà thử hỏi, cái nhà ấy bây giờ có bằng cái xó bếp nhà anh không? Có mà bằng cái chuồng lợn! Đạo ấy, nhà anh có mỗi cái màn nhuộm vỏ xó thâm xỉn chứ gì? Nhà tôi lại không có nổi màn nữa kia. Tối nào bà lão nhà tôi cũng phải ra vườn bứt lá mía về khua muối. Khua khắp các xó xỉnh. Khổ thật. Vạn sự khởi đầu nan mà. à này, mà cái đạo tôi còn làm đội trưởng, không biết anh còn ở nhà hay đã đi rồi nhỉ?

- Còn chứ! Hồi ấy, con nhớ cụ có cái keng...

– Ờ, ờ đúng. Anh này nhớ dai thật đấy!

Gương mặt ông Hội rạng rỡ hẳn lên. Lúc này trông ông thật trẻ trung. Mà nhìn kỹ, ông cũng còn trẻ thật. Mái tóc tuy có bạc, nhưng da vẫn căng đầy, đỏ au. Ông đội trưởng Hội đạo ấy quả có hơn người cái keng. Cái keng mới sang chứ. Cả làng trên xã dưới cũng chẳng ai có. Tôi còn nhớ cái lúc nó xuất hiện. Buổi sáng, ông đội trưởng kéo xe bò lúa lên tỉnh. Buổi chiều, ông lúi về cả một cái vỏ bom còn mới toanh. Không biết ông đổi cho cơ quan nào đó ở thị xã. Thoạt đầu, ông treo nó ở chạc xoan. Nhưng lũ trẻ ranh mất dạy đi qua cứ thực gây gộc vào. Keng mà lúc nào cũng kêu beng beng thì còn gì là keng nữa. Ông bèn treo cao tít lên ngọn sung. Cây sung này nghe đồn một đạo có ma. Không biết từ đời nào, người ta đã yểm dưới gốc nó một con chó đá, để xua đi cái tà khí. Con chó đá mẽ mồm, bề ngoài trông xấu xí, nhưng mà thiêng lắm. Có đêm nó biến thành cô gái đội nón ba tầm. Chính lão Cối đã tận mắt nhìn thấy đôi ba lần vào những đêm mưa phùn gió bắc, khi lão đi ăn cỗ ở làng bên về. Còn nó làm sung chim bao nhiêu đứa trẻ lếu láo dám đặt dít lên cái mồm sứt của nó, thì mẹ tôi đã nhiều lần đe net tôi như vậy. Con chó đá thiêng đến thế mà chịu làm bệ cho ông Hội đứng đánh keng mới lạ lùng chứ. Sáng nào cũng đến lúc tuyết tuyết là ông đội trưởng lại kẹp cái răng bừa vào nách, nhảy lên mồm con chó đá. Tiếng keng bay ù ù trong không gian. Những người dân từng trải, đã ăn mòn bát, vạt đĩa thiên hạ, đều phải công nhận rằng đến cả tiếng chuông nhà thờ Phát Diệm nghe cũng chẳng sang được bằng thế. Vậy mà bây giờ, cái keng ấy tự dưng mất thiêng. Chẳng còn ra nghĩa lý gì cả. Ông có đánh cũng chẳng ai nghe. Có hôm mới bảnh mắt ra, ông chưa kịp nhảy lên mồm con chó đá, thì vợ Cối đã đi cây về rồi. Nó lại còn vợ thêm một gánh cỏ cật bỏ chuồng lợn nữa mới góm chứ. Thấy ông, con mẹ ấy đon đả: “Bác đã ra đánh keng rồi đấy ạ!” Ông chỉ khế gật gật đầu. Đây là cách đáp của người bề trên. Nhưng đến khi về nhà ngấm lại, ông mới thấy cay như ăn vớ ớt. Thế ra con mẹ nó mượn tiếng keng để xỏ xiên ông. Người ta đi làm về rồi mới ra đánh keng! Ông ức đến tận cổ, vút tùm cái dùi xuống ao bèo, rồi tức tốc tháo luôn cái keng xuống, vác về nhà, chặn cửa chuồng lợn. Từ đấy, ông xoay sang làm điều bán. Một cái điều với bộ sáo và hai trăm mét dây là hai trăm bốn mươi ngàn đồng. Hai ngày làm cật lực, ông xong một bộ điều.

– Thế mà vẫn kiệt đến lỗ dít, anh ạ! – Ông Hội chiêu một ngụm nước nữa. – Cái số tôi là số không thể giữ được của. Có đồng nào lại cho hết vào chai. Cái quạt này, con gái tôi nó sắm đấy. Đúng hai sào tôi của nó đấy. Nó làm khiếp lắm. Thấy bỏ là cứ lao như con thiêu thân. Tôi bảo: “Thôi, làm vừa thôi, không người lại rạc ra như con cá mắm. Chồng nó chán, nó bỏ!”... “Bỏ đã có ủy ban! Để mà đưa nhau ra toà được đấy!” Góm chưa! Lý lẽ chắc cứ như đình nhé! Đừng có coi thường nông dân. Không thể ngăn nổi, anh ạ. Mới khoán được có mấy vụ, mà vú vè nó đã bay đầu tiết cả!

Ông Hội trao cái điều cày cho tôi. Đoạn, ông quay lại bảo mấy đứa cháu rót dầu vào đèn, lau cái bóng muội đi, rồi cắt tiết cho ông con vịt, để ông làm lung cơm muối, gọi là để anh xơi tạm, nhân thể anh đến xem quạt!

II

Tàn chén rượu thì đêm đã khuya lắm. Vành trăng non mỏng tang như cánh điều, mà một làng quê xa lắc nào đó vừa mới thả lên. Và cũng như cánh điều, nó nhô lên như một sự hiện diện, chứ không làm nhiệm vụ tỏa sáng, dù đó là thứ ánh sáng mơ hồ, phảng phất như sương khói. Vòm trời âm âm, tĩnh lặng. Lúc bấy giờ, tôi mới lần sang nhà Đạo. Nhà anh vẫn ồn ào. ánh đèn măng-xông xanh lét hắt ra sáng rực cả một khu vườn chuối tiêu. Ai qua đường sẽ tưởng đám giỗ chạp. Đêm nào nhà Đạo cũng như có đám. Người ta kéo đến sân nhà anh để thưởng thức điều. Nghe sáo điều hay nhất chỉ vào lúc thật khuya. Khi ấy, sương đã xuống. Miệng sáo ầm ầm. Tiếng kêu đủ mềm đến độ chuẩn nhất. Vả lại, cũng chỉ đến lúc ấy, trời đất mới thực sự tĩnh lặng. Làng không còn tiếng đập lúa, tiếng xay thóc, giã gạo, hay tiếng tát nước thì thum.

Tất cả đã im phắc. Chỉ còn tiếng sáo điều ngự trị trên không trung. Tiếng sáo réo rắt, lồng lộng tràn trề rót xuống một rẻo làng quê đen sẫm bóng tre, bóng chuối.

Đêm nay cũng thế. Đã khuya lắm rồi mà sân nhà Dao vẫn lở nhố những người. Hầu hết là đàn ông. Họ ngồi la liệt trên tràng kỷ và mấy cái giường đã khiêng hết ra sân, cả cái chiếu thủng giữa vẫn dùng ngồi ăn cơm giờ rải thêm ra mái hiên nữa. Câu chuyện xem ra đang ở giai đoạn sôi nổi. Ông Chát nhô hẳn nửa người qua cái án thư để lồng chổng mấy cái bát vàng ố những cái vối. Ngón tay ông mỗ mỗ vào khoảng không trước mặt. Giọng ông oang oang như đang cãi nhau. Ông đang khen cái điều của Dao. Cứ theo lời ông thì cái điều ấy là nhất làng rồi. Trông lúc đêm mới sướng mắt chứ. Nó lên thẳng đừ đừ. Ăn hết đây là cứ đứng im phắc. Cầm có chao đảo. Cả đời ông, ông chưa từng thấy cái điều nào như thế.

Lòng ngưỡng mộ của ông Chát dần lây sang đám người xung quanh. Họ quay lại hỏi Dao kinh nghiệm làm điều. Chọn loại tre nào thì đặc địa? Gióng tre cần phải dài bao nhiêu? Rồi cả cách vót khung, cách giã cây hoà với nước cơm đặc, để phết điều. Phết bao nhiêu lần thì những tờ giấy báo dán điều sẽ se lại, đỏ óng như nhuộm vỏ xó và dai cứng như giấy bao xi-măng. Đến lúc ấy thì cái điều mới thực sự ra ràng, mới đủ sức đánh đu với các loại gió, kể cả những thăng gió quẩn, hay trái tính, trái nết.

Dao tỏ ra là một tay bợm điều. Trong lúc tiếp chuyện, thỉnh thoảng anh lại ngẩng lên bầu trời uôm oam tiếng sáo. Không nhìn thấy gì cả. Sợi dây gai buộc điều căng chéo sân, xanh óng trong ánh đèn măng-xông như một sợi dây thép, rồi lặn hút vào vòm trời âm âm sương khói. Chỉ có lão Cối là từ bấy đến giờ vẫn ngồi im lặng. Trong khi người ta trầm trồ, lão chỉ lặng lẽ hút thuốc. Trông cung cách hút thuốc của lão, đủ biết lão ăn chơi vào loại hoang. Điều thuốc to xù như ngón chân cái, chồm ra cả ngoài nỏ điều. Tiếng rít ré như còi. Rồi tót một cái, tàn thuốc đang cháy dở, nháy vọt khỏi nỏ, kéo theo cả một ít nước điều. Có đôi ba lần, chẳng biết nghĩ ngợi gì mà lão dăng trí xì cả điều thuốc chưa kịp hút ra ngoài. Đợi cho mọi người đã im hết, lão mới lên tiếng. Lão nói bồm bẫm trong khói thuốc. Dưới con mắt lão thì cái điều Dao chẳng ra quái gì. Người ta hể hả khen vì đấy là cái điều của ông chủ tịch. Giá như cái điều ấy có biết đánh rắm thì cái rắm của nó cũng vang như tiếng kèn đồng. Rõ là một lũ nin thối. Thử vớt cái chức ấy đi xem. Nào cái điều có ra thể thống gì? Trông cũng có chút đẹp mã nhưng lên không cất. Cái dây vòng vòng vòng. Như thế có khác chó gì cái điều cánh cốc của đám trẻ ranh còn để quần thủng đít. Còn nước bay thì hồng đứt. Chẳng chao lượn gì cả. Mà cái điều nó đẹp lại là đẹp ở đường lượn. Cũng như kén vợ cho con là người ta kén cái nước đi. Đàn bà con gái mà đi cứ ngay thòng thòng như cây cau là tướng sát chồng. Có cho ăn cỗ yến cũng chẳng ma nào dám rước.

Đấy, cứ thủng thủng như thế, mà lão chém cái điều của Dao. Chém nhát nào ra nhát ấy. Dao tỏ vẻ khó chịu. Khó chịu không phải vì bị lão chê vố mặt. Việc khen chê cái điều thì có nghĩa lý gì? Điều Dao bực là bực cái thái độ bớ bẻo ra bọ của lão. Lão chi li quá, riết róng quá. Nhưng đến tiếng sáo của cái điều Dao thì không ai có thể chê được. Lão Cối cũng phải chịu. Cái sáo đến lạ. Kêu tuần tự từng tầng một. Hết tầng thứ nhất mới chuyển sang tầng thứ hai. Có khi hai tầng xen kẽ nhau, đối đáp nhau. Cứ như các cụ ta ngày xưa hát đúm. Rồi thì tắt lặng. Tắt đến mấy giây. Cứ tưởng điều bụp hay đứt lẻo rồi. Ai ngờ oà một cái, cả ba tầng sáo đều đột ngột rõ lên cùng một lúc. ối giời! Cao cường thật! Đúng là một dàn nhạc trời đang hoà tấu. Đến thế thì các cụ chịu rồi!

So với bộ sáo ấy của Dao, thì các bộ sáo khác chỉ đáng vớt vào bếp. Nghe cứ ó é như tiếng mèo hen. Bộ sáo của lão Cối còn mắc bệnh hóc gió, thỉnh thoảng lại ồng ọc một chập như có ai súc miệng giữa lưng chừng trời. Đêm khuya nghe đến rợn cả gáy. Thế là cái điều của Dao, dù có bị lời ông tiếng ve, cũng vẫn cứ nhất làng. ấ là người ta bình phẩm thế. Cũng chẳng có ai đứng ra tuyên bố nhất bét. Và trong cái trò tranh đấu này, người thắng, kẻ thua cũng thế thôi. Cuối cùng ù xoe như nhau cả. Thế thì có gì mà phải cay cú cơ chứ!

Suốt cả một ngày dài, bây giờ Dao mới thấy lòng mình thư thái đôi chút. Trông anh chủ tịch

xã đi phởn phơ thả diều, ai bảo không an nhàn? Chỉ có ngủ trong chăn mới biết chăn có rận. ở cái thời buổi này, chơi được với nông dân đâu phải chuyện dễ? Mình có biện pháp của mình thì họ cũng có cái mảnh khoé của họ. Những thửa ruộng cao, hạn trắng, lại lổn nhổn mồ mả, xem ra có vẻ khó nhằn, họ trả hết hợp tác xã. Có dễ đến hơn chục mẫu chứ ít gì? Không lẽ để bỏ hoang. Trừ trừ thì hồng thời vụ. Đao bổ hết vào đầu các đảng viên trong làng. Khéo thế chứ! Anh mà chần chừ à? Thoái thác à? Vậy anh có còn là đảng viên nữa không? Chơi đến cái ngón này thì ai không hoảng? Thế là mười mẫu ruộng bay veo. Bản thân Đao cũng nhận đến hơn một mẫu, gần gấp đôi anh khác. Ngày nào Đao cũng ra đồng. Anh cuốc đất quần quật chẳng khác gì xã viên. Mọi công việc hành chính của xã, anh giải quyết vào bất cứ lúc nào rồi, cả khi đêm đã khuya, trong tiếng sáo diều lồng lộng. Những lúc ấy, đầu óc Đao thật sáng khoái. Bao nhiêu nỗi mệt mỏi tan biến đâu cả. Chỉ còn lại là tiếng sáo diều râm ran...

Câu chuyện xem ra cũng đã nhạt. Nồi nước sôi đặt trên cái bùi nhùi ở giữa sân đã phơ hết cả bã lên. Nhiều người lục tục quờ chân xuống gầm giường, gầm tròng kỷ tìm guốc dép. Bấy giờ Đao mới nhận ra tôi:

– Chú về được lâu không?

– Một tháng!

– Thế thì hay lắm. Rất đúng lúc. – Đao gần như reo lên. – Lần này chú phải giúp địa phương đấy nhé! Ngoắc tay chứ?

Tôi chẳng hiểu gì cả. Nhưng thấy Đao có vẻ sốt sắng, nên cũng chìa một ngón tay ra cho anh ngoắc. Đao sôi nổi:

– Đấy, chú thấy đấy. Đời sống dân mình khá lắm! Lên như điều được gió. Ngày xưa làm gì có sự thanh bình đầm ấm thế này. Chỉ mỗi trật tự trị an là còn một chút nan giải...

– Nan giải sao?

– Thì vẫn cái chuyện ăn cắp vặt như dạo chú còn ở nhà ấy mà.

Rồi Đao thông báo qua loa. Đại khái mớ rau, quả bí, buồng chuối, cứ mất liên tục. Gần như ngày nào, làng cũng có người chửi đứ bắt trộm gà. Bây giờ kẻ cắp lại còn hành nghề bằng công cụ hiện đại. Có khi nó xít ê-te vào nhà cho mình xỉu đi, rồi cứ điềm nhiên khuân A-kai, xe máy. Có nhà còn bị nó vồ mất cả lợn. Mà vồ thôi đâu. Nó còn chọc tiết lợn ngay tại cửa chuồng, rồi để con dao bầu lại. Cắm con dao bầu vào vũng máu. Nó dọa đấy! Thế mới lộn ruột. Làng đã thành lập một đội dân phòng. Tối cắt nhau đi tuần. Có mấy đối tượng đang theo dõi. Chỉ mới nghi thôi. Chưa có đủ chứng cứ để bắt. Mới thế mà nó đã trả thù. Mà trả thù tai quái. Bao nhiêu hành, tỏi, dưa lê, khoai tây sắp thu hoạch được rồi, đêm nó nhổ lên tiệt. Không bắt được quả tang. Chịu! Chửi mãi thì rất hòng. Mà chửi thì tai gần miệng đấy. Mình chửi mình nghe. Chuyện nan giải nhất ở địa phương bây giờ là thế. Còn những vấn đề khác, những vấn đề lớn, tương phức tạp, hoá ra lại đơn giản. Dân họ tự giải quyết được cả, chẳng cần đến mấy anh cán bộ xã. Không có máy thì họ tự cày. Không đủ trâu thì bổ con thay nhau cuốc. Đấy, xã hội lạ lắm. Tự nó điều chỉnh được. Rồi đâu cũng vào đấy cả...

– Thế ở xã, hiện nay các anh đang làm gì?

– Bọn mình đang tổng kết chiến tranh.

Ở cái làng bé như mắt muỗi mà cũng tổng kết chiến tranh? Tôi tưởng Đao đùa. Nhưng Đao đâu có đùa. Anh nói nghiêm túc:

– Đây, thế mới cần đến chú chứ!

– Nhưng tôi thì biết làm gì được?

– Thì chú chấp bút. Thế này này – Dao giải thích căn kẽ – Chả là huyện cho phép địa phương viết sử. Sử địa phương. Chú hiểu chứ? Hôm vừa rồi, đảng ủy xã đã họp, thống nhất lấy tên: Một chặng đường chiến thắng vẻ vang. Chú thấy cái tên thế nào?

– Được! Cái tên có vẻ sử lắm!

Dao vui vẻ hẳn lên:

– Thế mà hôm nọ còn cãi nhau chán ra đấy. Mỗi bố một phách. Có bố còn đề nghị lấy tên Dưới nắng mai hồng. Tôi phải phân tích mãi mới thuyết phục nổi mấy cái đầu thủ cựu. Bây giờ thì xuôi rồi. Xã đã bắt đầu viết rồi đấy. Nhưng khi viết mới lòi thôi to. Thoạt tiên ông Chích nhận viết. Ông ấy hoạt động lâu năm nên hiểu biết nhiều. Nhưng viết không được. Rất những thì, mà, là. Mà đọc thì thấy ông ấy toàn kể công lao của cá nhân ông ấy, làm như cả tập thể đảng ủy chỉ có mỗi ông ấy sáng suốt. Còn thiên hạ người ta mù cả. Nhiều người bất bình lắm. Tôi đành phải giải quyết bằng cách để ông ấy kể cho nhà Diễn ghi. Kể thì cứ kể, còn ghi chuyện gì, bỏ chuyện gì là việc khác. Diễn trình độ lắm. Văn ông giáo mà chữ nghĩa cũng đâu ra đấy cả. Nhưng khi viết xong, đọc lại cũng không được. Hẳn toàn kể kỳ tích của cha ông nhà hẳn. Công nhận ở làng Cát Xuyên này, dòng dõi họ Trần ghê thật. Cụ Trần Dũ, Trần Chiêu, Trần Kính, được ghi tên trong sử sách quốc gia. Đến cả Văn Miếu còn có bia đá thờ. Thế thì góp đấy chứ! Tôi đâu dám phủ nhận. Nhưng đây là sử địa phương. Sử hiện đại. Nhiều lắm cũng chỉ nhắc đến các cụ trong mấy dòng thôi, gọi là có chút phát huy truyền thống cho nó đủ lệ bộ. Ông Chích bảo rằng, dù nổi tiếng văn hoá văn chương gì gì, thì cũng phải nhớ đó là tầng lớp phong kiến, đối tượng của Cách mạng vô sản. Hòn đá thử vàng chính là ở chỗ này. Vậy mà nó lại chơi đến ba chương, dài quá nửa quyển. Còn phần sau, nó viết nhạt hoen hoét như nước lã ao bèo. Đọc xong thấy vùng này, chỉ có quá khứ mà không có hiện tại. Như thế, khác chó gì nó xổ toet sự lãnh đạo của bộ máy chính quyền xã và vả vào mặt ông ấy. Ông Chích ức lắm. Ông ấy đề nghị tịch thu thẻ đảng và xét lại lập trường quan điểm giai cấp của thằng cha này. Đây, chuyện viết lách nó khó thế đấy. Thế mà chú vẫn viết, vẫn an toàn tấm thân thì chú giỏi thật. Tôi nghĩ chỉ có chú mới có thể may ra đảm đương được cái việc nặng nề này. Cần gì, chú cứ đề xuất. Xã sẽ đáp ứng yêu cầu. Trước mắt, tôi chỉ cho chú ba trăm công... Hay là hơn...

– Ấy chết. – Tôi giã nẩy. – Cái khoản công điểm thì...

– Chú ngại cái gì nào? Có phải tham ô trộm cắp đâu mà sợ. Mình làm mình hưởng. Xã hội chủ nghĩa là cứ phải thẳng băng như thế chứ. Chú đừng có lẩn tẩn nữa! Tôi sẽ bắn sang công điểm của bà cụ, coi như công gián tiếp. Ba trăm công là bà cụ thoả mãn hẳn cổ nông rồi, bằng trai tơ làm quần quật suốt ba vụ đấy. Chú tưởng dễ à?

III

Tối hôm sau, tôi đến nhà Dao sớm, gọi là để lấy tài liệu. Dao cũng đang chờ tôi. Anh súc tráng cái ấm da lợn, nhưng con mắt vẫn ve ve nhìn chéo qua cửa sổ. ở đấy căng ngang một sợi dây phơi mà Dao đã buộc điều. Chỉ cần nhìn sợi dây rướn lên hạ xuống, anh có thể biết được cái điều đang bay lượn ra sao. Dạo này Dao có thú vui để điều suốt đêm.

– Ông Chích ấy mà, mệt quá, chú ạ. Xã đã để cụ ấy làm cố vấn. Nói đúng ra, đấy chỉ là cái ghế nghỉ danh dự ngồi chơi xơi nước. Nhưng khổ nổi, cụ ấy lại cứ tưởng mình là cố vấn thật. Mấy ngày lại đến góp ý có tính chất chỉ đạo cán bộ xã. Mình chỉ gật gù chiều lệ. Ông cụ lại càng góp ý khoẻ. Khổ thế chứ! Các cụ già thường chỉ thích nói, nói rất dài, nói lấy được, mà không chịu

biết xem bọn trẻ nó nghe mình như thế nào.

Đao chiêu một ngụm nước, giọng trầm hẳn lại:

– Trong các cuộc họp, bọn mình nề ông cụ là bậc cố cựu, nên thường mời nói trước. Kể ra cụ cứ vui vẻ vài câu, rồi tin tưởng giao cho bọn trẻ gánh vác công việc, đảng này cụ lại nói cứ như cụ đang đứng đầu xã. Đầu tiên là cụ tóm tắt tình hình thế giới và trong nước mà cụ nghe được qua đài, rồi cụ nâng lên thành quan điểm chính trị xã hội. Rồi cụ dặn dò bà con phải kiên trì Chủ nghĩa xã hội, cấm không được dao động, hoang mang, ăn phải dưa bọn đế quốc sài lang đang giãy chết. Còn cụ, cụ nói, một mình cụ, cụ cũng tiến thẳng lên Chủ nghĩa xã hội. Người nghe cụ đã quen, quý mến cái nhiệt tình của cụ. “Bà con đã tin tưởng đầy đủ chưa? – Cụ nói – Ai còn chưa tin tưởng đầy đủ thì để tôi quán triệt thêm tí nữa... Mà ai đã tin tưởng đầy đủ rồi thì cứ việc tự do ra về...” Thế là người ta ra về, chú bảo có chết tôi không?

Đao lại nhìn chéo qua sân để theo dõi độ rướn của cái dây phơi:

– Ông cụ xop đi nhiều sau ngày rời ghế chủ tịch. Dân làng lại xì xèo nữa chú. Khổ, làm lãnh đạo hay thôi không làm nữa thì cũng là một việc bình thường. Nhưng chết nổi, dân mình lại chưa quen được với sự bình thường ấy. Nếu đang làm việc mà nghỉ, lập tức họ sẽ nghĩ, chắc ông này có sai lầm hay tham ô hủ hoá gì? Thế thì ai mà chẳng sợ. Người ta tiếc cái chức thì ít mà sợ dư luận thì nhiều. Sớm nay, ông cụ lại đảo qua đây, đưa cho tôi bản quy hoạch nông thôn, gọi là cách làm ăn mới, để tôi nghiên cứu và thực hiện. Cái đích thì hay, nhưng chẳng có cơ sở nào để thực thi. Tôi nghĩ không khéo bố già lẫn lẫn mất rồi. Bữa nọ ông cụ lại qua, xin xã cho viết hồi ký, thế mới bỏ mẹ tôi chứ!

Đao đẩy khay nước ra trước mặt tôi. Nước hơi non. Chè không chín được, cứ nổi phển lên, dạt hết cả vào miệng chén.

– Thôi, ta bắt đầu chứ chú!

Đao lôi trong xác-cốt ra hai tập bản thảo dày cộp. Một bản của ông Chích với những nét chữ xiêu vẹo, thỉnh thoảng lại có những chữ viết hoa rất tuỳ hứng. Còn một bản của ông giáo Diên với các chương mục rất rõ ràng, rành mạch, có cả gạch dít bằng mực đỏ.

– Thôi được. – Tôi gấp hai tập bản thảo lại. – Tôi sẽ đọc và bổ sung trong quá trình viết. Còn bây giờ, anh cung cấp cho một số tư liệu.

– Được! Có ngay đây!

Đao nói nhanh. Rồi không cần giấy tờ, sổ sách, anh bắt đầu trình bày một cách trơn tru. Tôi vội mở bút ghi. Nhưng được một lúc thì tôi ngẩn ra. Số liệu cụ thể. Nhưng nó như ở một bản báo cáo tổng kết nào đó. Ví như làng có bao nhiêu con lợn. Số chị em phụ nữ đặt vòng tăng giảm thế nào. Vận động bà con làm được bao nhiêu hố xí hai ngăn. Lại có cả câu ca: Anh không tham bạc tham vàng – Chỉ tham hố xí nhà nàng hai ngăn, làm như lấy em chỉ là vì cái hố xí...

– Thôi, được rồi. – Tôi ngắt lời Đao. – Cái này đưa vào phần phụ lục. Còn bây giờ, anh nói cụ thể thành tích của làng kia. Ví dụ như trong kháng chiến chống Pháp, ta diệt được bao nhiêu thằng Tây, phá được bao nhiêu đồn bốt. Rồi trong chiến tranh phá hoại bằng không quân của giặc Mỹ, ta đã chiến thắng như thế nào?

Gương mặt Đao thoáng vẻ trầm ngâm. Thay cho câu trả lời, anh rít liền mấy hơi thuốc, rồi ngửa cổ phả khói mù mịt. Đợi cho làn khói bạc tan lênh trong không gian, Đao mới đột ngột bảo:

– Thôi, cái đó tùy chú! Chú xem thế nào, chú cứ viết tự do thoải mái. Mà chuyện của làng mình, chú còn lạ quái gì!

Tôi chẳng còn lạ gì thật. Nhưng đó là chuyện đánh Mỹ kia. Chứ thời chống Pháp thì tôi có hiểu gì đâu. Bây giờ tìm dấu vết của cuộc kháng chiến ấy thật khó. Làng không có lô-cốt, không có một đồn bốt nào. Nghe đâu, trước đây, đội du kích của làng hoạt động cũng dừng cảm lắm. Nhưng họ khiêm tốn quá, chẳng để lại một dấu tích gì. Còn các cụ già làng, mỗi khi nhớ lại thời tao loạn oanh liệt, thì lại hể hả kể về những trận phục kích, những lần giết đổ tàu địch bên đường 5 ở mãi mấy xã bên kia. Còn thời chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ thì tôi được chứng kiến. Những ngày ấy thật sôi động. Đêm nào bầu trời cũng rùng rục chớp đạn. Rồi những tin chiến thắng phát trên đài, trên các loa truyền thanh. Làng lúc nào cũng nhộn nhịp, rạo rực. Nhưng chưa có quả bom nào rơi xuống làng. Làng không có anh hùng, cũng không có thương binh liệt sĩ. Kỳ tích của làng là hoan hô máy bay Mỹ cháy trên bầu trời và nghe tiếng bom gầm ở xa xa. Bây giờ cần ghi lại một bộ sử với những tư liệu cụ thể thì sao khó thế. Tôi viết rồi lại xoá. Xoá rồi lại viết. Loay nhoay đến gần một tháng mà vẫn chưa xong cuốn sử. Tôi tạt sang nhà ông Chích. Ông vắng nhà đã nửa tháng nay. Nghe bà Chích nói thì ông lên chơi với thằng con trai trên thị xã. Thế là tôi đành phải quay về. Trăng sáng vàng vạc. Những ngôi nhà cao tầng hắt bóng xuống con đường nhựa đen thẫm, còn ngoằn ngoèo những vệt trâu đá. Tôi định qua nhà Đào thì thấy anh bất ngờ từ ngõ nhà lão Cối nhô ra.

– Khoa đấy hả? Tôi đang tính đi tìm chú đây!

– Tập sử chưa thể viết được. – Tôi nói ngay. – Tư liệu mỏng quá. Phải chờ thêm nữa.

– Ừ thôi, cái đó để sau cũng được. Nhưng mà vẫn phải viết. Các làng khác họ viết ào ào cả rồi. Có làng còn mang lên Hà Nội thuê in thành sách nữa.

– Thế có chuyện gì vậy anh?

– Tôi vừa bị một vố.

– Sao?

– Mất cái điều rồi.

Đào nói hốn hển. Anh như người bị hụt hơi.

– Chú biết không? Nửa đêm qua, không nghe thấy tiếng sáo, tôi cứ tưởng nó bụp hay đứt lèo. Ra sờ thì chỉ còn mỗi cái cuống dây. Sợi dây bị cắt vát, chú ạ. Rõ ràng là nó đã bị cắt bằng panh sa lam. Đứa nào cắt thì chú còn lạ gì nữa. Tôi nhao đi khắp các cánh đồng tìm, xem nó có rơi xuống chỗ nào không. Nhưng chịu. Không có tăm tích gì cả, chú ạ. Mình thì đang rối cả ruột, mà làng này có lão vồ tay trong bụng đấy.

– Ai?

– Chú còn lạ quái gì. Nghiễm nhiên cái điều lão ấy nhất làng rồi. Nhưng mà được. Tôi sẽ kéo cổ lão ta xuống.

Đào nói thật dứt khoát. Rồi anh tiết lộ cho tôi biết kế hoạch của anh. Ngày mai, anh sẽ đặt ông Hội cái điều mười hai mét. Anh sẽ dẫn cây xoan đào xuống để khoét sáo. Lần này, sáo phải to bằng bắp đùi. Anh sẽ chơi năm tầng sáo, cho nó đánh nhạc giao hưởng giữa lưng chừng trời.

– Khối lão sẽ tức nổ ruột ra đấy. – Đào cười. – Chỉ tuần sau là xong thôi. Tuần sau, tôi sẽ khánh thành điều. Chú phải đến dự đấy nhé.

Tôi không dự được buổi lễ khánh thành điều ấy. Hôm sau tôi lên đường sớm. Mẹ tôi tiễn tôi ra đến cổng đồng thì dừng lại, rút trong cái khâu tát nước treo một đầu cuốc ra đùm xôi lạc và cái tỏi gà, ấn vào ba-lô-tôi, để tôi ăn đường, rồi lưng thưng bước xuống ruộng. Bóng bà cụ nhỏ thó như bóng cò, bóng vạc giữa những thửa ruộng khoán còn lênh đênh sương sớm. Lòng tôi thoáng se lại. Cái làng quê nhỏ bé, bình lặng của tôi đã kẻ thành vệt xanh mờ. Lót đốt vượt lên khỏi nền xanh tre chuối là những bóng dừa, tán cau và những tầng nhà cao vót, in lên vòm trời đầy nắng những đường nét vừa hiện đại, vừa muôn thuở hoang sơ...

1986

NỖI KHỔ TÂM CỦA MỘT ÔNG CHỦ TỊCH HUYỆN

Xưa nay, dường như cứ thấy ai may mắn, người ta lại tắc lưỡi, buông một câu cửa miệng: “Cái thằng có số sướng như vua!” Làm cứ như vua chúa ngày xưa sướng lắm.

Chỉ ở trong chăn mới biết chăn có rận. Làm vua cho ra vua cũng khổ nạn vô cùng. Đấy, cứ như ngài Ung Chính đấy, nào có sướng gì đâu. Để có được một cuộc cải cách mang lại sự hưng thịnh cho quốc gia, ngài cũng phải dằn vặt, cũng bỏ sắp bỏ ngựa, chẳng khác gì thằng giò đấy. Dân đen cũng chẳng đến nỗi khổ như vậy.

Nói thế, xem ra toàn là chuyện xa lạ. Hãy cứ nhìn ông bạn tôi kia. Ông không phải vua, cũng chẳng phải chúa. Mới chỉ là chủ tịch huyện. Thế mà xem ra cũng lắm nỗi gian truân, cũng nhiều đêm phải dằn vặt mất ngủ. Có khi sự rắc rối lại bắt đầu ngay từ cái sở thích có từ thời cha sinh mẹ đẻ của mình.

Số là bạn tôi rất mê bóng đá. Điều ấy thì cũng chẳng có gì đặc biệt. Vì toàn dân mình đều mê bóng đá cả đấy thôi. Có anh cá cược đến mất cửa mất nhà. Có cậu phờn chí, rú xe máy đến toi cả tính mạng. Hoá ra dân mình còn cuồng si hơn cả dân Braxin. Ông chủ tịch huyện bạn tôi cũng vậy thôi. Nói chuyện gì rồi cuối cùng cũng lại quay về bóng đá. Ông bảo:

– Thời chiến tranh gian khổ là thế mà mình còn cho Pháp và Mỹ xơi những cú sút thùng lười. Bây giờ hoà bình rồi, đổi mới chiến thuật rồi, chả lẽ mình lại để cái đói, cái nghèo cho xơi bàn trắng sao? Phải tích cực làm bàn. Phải biến những ý tưởng tốt đẹp của ta thành những bàn thắng vang dội.

Cứ thế, nhiều khi ông dùng toàn ngôn ngữ sân cỏ triển khai công tác hoặc phổ biến nghị quyết của huyện. Ai đi qua cũng tưởng có cuộc tường thuật bóng đá trên đài. Đến thăm Trường trung học đào tạo các cô nuôi dạy trẻ đóng trên địa bàn huyện, ông cứ đứng ngắm mãi cái bãi đá hoang ở sau trường. Rồi ông lẩm bẩm:

– Tuyệt! Chỗ này mà làm được cái sân bóng đá thì thật tuyệt vời!

Đám trợ lý gật gù tán thưởng. Nhiều người còn tỏ ra bái phục ông chủ tịch có con mắt không giống mọi người. Không hiểu sao, ông lại nhìn bãi đá ong nham nhở thành cái sân bóng đá. Thế rồi hơn ba tháng sau, ông chủ tịch huyện đột ngột nhận được giấy mời của Trường trung học nuôi dạy trẻ: Theo chỉ thị của anh, trường Trung học mẫu giáo đã xây dựng xong sân bóng. Xin trân trọng kính mời anh về cắt băng khánh thành công trình. Quái, sao lại có chuyện kỳ cục thế nhỉ? Ông chủ tịch ngó ra. Mình chỉ thị làm sân bóng bao giờ? Rồi ông mang máng nhớ hình như có lần, mình bông lơn một câu gì đó. Nói rồi quên. Thì ai mà lẩn mẩn nhớ hết được những câu nói bông quơ, những lời tán nhăng tán cuội dọc đường của mình. Vậy mà cấp dưới ông lại nhớ. Ngay sau khi ông đi, kế hoạch xây dựng sân bóng đá đã được triển khai. Nhiều người bần khoản ngờ vực. Tại sao lại xây sân bóng ở cái xó xỉnh hẻo lánh này nhỉ? Xây cho ai đá? Chả lẽ lại mấy cô nuôi dạy trẻ liễu yếu đào tơ? Mà rồi đá cho ai xem? Móc đâu ra khán giả ở cái xó xỉnh heo hút này? Thật vô lý, khó tin. Thì đã sao? Trên đời này còn có khối điều vô lý khó tin hơn mà vẫn cứ ngang nhiên diễn ra trước mắt đó thôi. Thế là mặc lời ong tiếng ve, cái sân bóng vẫn cứ được triển khai cấp tốc. Phải hoàn thành trước kế hoạch. Mưa bão cũng làm. Đêm cũng đốt đuốc làm. Có anh cụt cả hai chân vì nổ mìn phá đá. Chủ tịch huyện buồn lắm. Nỗi buồn chẳng biết ngỏ cùng ai, ông đành trút sang đám bạn bè cùng học. Ông bạn cựu chiến binh thở dài:

– Lỗi tại cậu thôi!

– Tại sao lại tại tôi? Tôi chỉ thị bao giờ? Chỉ thị đâu? Văn bản đâu nào?

– Ở nước mình sợ nhất là những chỉ thị không có văn bản. Cậu quên mất rằng cậu là chủ tịch huyện, người đứng đầu của cả một vùng. Như thế thì cậu đâu còn là cậu nữa. Cậu khen thằng nào thì thằng ấy có thể được nâng lương. Cậu chê ai thì người đó có thể bị mất việc, ra đứng đường. Ngay cả lời nói đùa của cậu, người ta cũng nghĩ là chỉ thị. Đó là chưa kể những cán bộ cấp dưới, có thằng cứ hong hóng đón ý cậu, chiều theo ý cậu để lấy lòng cấp trên. Thế là lại khổ dân...

– Không, không thể như thế được. – Chủ tịch huyện kêu lên. – Chả lẽ chỉ mới làm có đến chủ tịch huyện mà tôi đã không còn là tôi nữa ư? Không được bộc lộ niềm yêu thích thể thao, không được nói cả những câu bông đùa ở dọc đường. Thế thì tôi là cái gì?

– Cậu là chủ tịch huyện. Bọn cấp dưới nó sẽ nhìn vào cậu, đón ý cậu...

– Không! – Chủ tịch huyện kêu lên. – Không thể để cái lũ xu nịnh ấy tồn tại theo kiểu đó được. Tham nhũng cũng từ đấy mà ra. Nổi khổ muôn dân cũng từ đấy mà ra. Tôi là tôi sút tất. Sút...út...út...!

5.1999

NÔNG DÂN

Thời nào nông dân cũng rất khổ. Hình như họ sinh ra để khổ. Có cho sướng cũng không sướng được. Có phủ lên vai họ tấm áo bào lông lầy của vua thì họ cũng không thể thành được ông vua. Họ khổ đến mức không còn biết là mình khổ nữa. Người nông dân ta dường như không có thói quen so sánh mình với người dân ở các nước tiên tiến, cũng không so với dân đô thị. Họ chỉ so mình với chính mình thôi. Và thế là thấy sướng quá. Ai ở làng quê cũng biết khúc đồng dao này. Nó như lời thần chú truyền hết từ đời này đến đời khác:

*Lạy giờì mưa xuống
Lấy nước tôi uống
Lấy ruộng tôi cày
Lấy bát cơm đầy
Lấy khúc cá to...*

Đấy, mơ ước muôn đời của người nông dân đơn giản có thể. Họ chỉ cần nước uống, ruộng cày, bát cơm và khúc cá. Vậy mà cái khao khát tối thiểu ấy, trước đây đâu cũng đã có được. Người nông dân làm ra hạt gạo mà quanh năm đói. Đói ngày giỗ cha, no ba hôm Tết. Chỉ ngày Tết mới có bát cơm trắng, còn thì quanh năm ăn độn. Một hạt cơm công đến mấy hạt ngô. Nhiều nhà còn lấy gốc rau muống già băm nhỏ, rồi phơi khô, nấu trộn với cơm. Xới bát cơm trông cứ đen như bát... phân trâu. Nhai miếng cơm như nhai cháo rách. Bây giờ thì chẳng cần phải lạy ông giờì cũng có bát cơm đầy và khúc cá to rồi. Thế là sướng. Vua cũng chẳng bằng mình. Ông Giờì ông Phật gì thì cũng cứ thua mình tất.

– Đấy, cháu thấy la không? Đồng đất vẫn đồng đất ấy. Con người vẫn con người ấy, chỉ thay đổi cách quản lý, lãnh đạo là đời sống biến đổi như có phép lạ. Năm nay lại lũ lụt liên miên ở miền Trung, rồi miền Nam, rồi cả vựa lúa đồng bằng sông Cửu Long cũng coi như là mất trắng. Người dân mình phải nhường cơm sẻ áo cho bà con mình ở trong kia, vậy mà bữa cơm cũng có vơi đi đâu. Giá cả ngoài chợ cũng không có gì thay đổi. Vậy cháu thử cắt nghĩa xem sự thể nó là thế nào?

Ông chú ruột tôi cứ nhìn tôi lom lom. Ông già có thú vui, hầu như cứ lần nào tôi về quê, ông cụ cũng kéo tôi sang nhà rồi lại rĩ rả bàn chuyện chính trị. Mà toàn chuyện quốc gia, chuyện thế giới. Tôi ngồi im lặng, vì chưa đoán được ý ông cụ muốn câu chuyện đi theo hướng nào.

– Phải công nhận con cháu Cụ Hồ rất tài, cháu ạ. Bí bách kiểu gì rồi các bố ấy cũng tìm cách thoát ra được. Trong khi nhiều nước đổ liểng xiểng. Thế mà mình thì có sao đâu nào. Vẫn cứ vững như bàn thạch nhá. Vấn đề lại không phải cứ trẻ mà được đâu, cháu ạ. Trẻ như Góc bu chóp đấy, loạn quạng thế nào để vỡ bố nó cái Liên Xô và Đông Âu. Rõ thật đau hơn họa.

Nói rồi, ông già quát đũa con út, xem có cái gì ngon thì đãi thẳng anh mày. Cứ như lời ông già thì thẳng anh ở mãi trên Trung ương. Mà trên Trung ương thì khổ rồi, đến cả cái tăm tre xỉa răng cũng không có, cũng phải bỏ cả đồng tiền ra mua. Lát sau, một mâm dưa đầy ngật được đặt lên phản. Dưa đỏ mà trông cứ trắng nhợt. Ông già hể hả:

– Ở quê bây giờ sướng lắm, cháu ạ. Mùa nào thức ấy. Tao nói thật, mâm dưa thế này thì đến cả mấy lão Góc bu chóp với Bin tôn cũng chẳng có mà ăn đâu...

Ông già nói với vẻ mặt rất phấn chấn. Còn tôi thì không sao nuốt nổi mấy miếng dưa sậm sậm như khoai sống. Tôi lựa lời bảo ông già:

– Vâng, quả thực ông Gorbachev có nhiều tội lỗi. Ông ấy trẻ người non dạ nên loạng quạng làm vỡ mất cái Liên Xô và Đông Âu của cụ. Nhưng dưa của ông ấy thì ngon lắm...

– Anh bảo sao cơ?

– Là cháu nói dưa của nước ngoài ấy. Ngon lắm. Họ chỉ thua ta cái họ không có, như chuối, mít, na. Chứ hoa quả gì ta có mà họ cũng có thì ta không thể so được với họ đâu...

Tôi mới nói một chút sự thật về hoa quả, nghĩa là chỉ thuần chuyện thực phẩm thôi, mà ông già đã gườm gườm nhìn tôi như nhìn một thằng Bạch vệ. Rồi ông tìm bà mẹ tôi. Hai người rì rầm bàn bạc với nhau. Tưởng chuyện gì, hoá ra vẫn chuyện của tôi, mà chuyện rất nghiêm trọng.

– Đây, thì tôi đã nói ngay với bà rồi. Thằng này cứ để nó ở nhà đi cày thì nó lại tốt, lại vững lập trường quan điểm. Cho nó đi học Tây là hỏng rồi. Bây giờ nó đích thị là một thằng Tờ dốt kít...

Bà mẹ tôi run rẩy:

– Tờ dốt kít là gì, hả chú?

– Tờ là i - tờ. Tôi còn không biết thì là dốt chứ còn gì nữa. Mà dốt đến độ kít. Nghĩa là rất dốt. Rất nguy hiểm. Tờ dốt kít chính là một tên chống Đảng ở bên Liên Xô!

– Chết chết. – Bà mẹ tôi rên rầm. – Con tôi sao lại sang đến tận Liên Xô để chống Đảng. Làm sao lại đến nông nỗi này, hở giờ. Chú cứ để đó cho tôi dạy cháu!

Thế rồi suốt đêm ấy, mẹ tôi nói với tôi bao chuyện. Toàn những chuyện cơm nặng áo dày của Đảng và Chính phủ. Một người như tôi mà còn bị chính bà mẹ mình nghi ngờ thì buồn cười quá. Tôi cứ cười thầm một mình. Nhưng đến khi thấy bà cụ khóc thì tôi phát hoảng. Hoá ra sự việc rất nghiêm trọng, chứ không đơn giản như tôi nghĩ. Tôi chợt nhớ lần về quê, sang thăm bà cô, thấy trên tường ngổn ngang những vệt vôi quệt. Cái dấu cộng (+). Cái dấu trừ (-). Tôi ngạc nhiên: “Hợp tác xã tan rồi, sao cô vẫn còn ghi công điểm gì thế này?”. “Công điểm gì đâu cháu. Đây là những món nợ đấy!” Thấy tôi ó ra, bà cụ mới giải thích cận kề. Đây là bát riêu cá nhà Độ. Đây là khúc cá rán nhà Toán. Còn đây là bát canh rau ngót nhà Thiều. Thì ra có món gì ngon, bà con hàng xóm thương cụ, cho bà cụ miếng gì, bà cụ lại quệt một vệt vôi lên vách. Để nhớ đấy là một món nợ. Thế rồi nhà có món gì ngon, cụ cũng lại sai con cháu mang sang biếu lại, rồi quệt lên vách dấu cộng. Coi như ơn nghĩa đã được trả xong.

Nông dân mình là thế. Một miếng khi đói bằng một gói khi no. Đảng chia cho họ một cái nồi đồng, một cái chảo gang, một cái cối đá thủng trong cái cách ruộng đất, cũng đủ để họ nhớ suốt đời, biết ơn suốt đời. Rồi họ mang xương máu của chồng, của con, của chính họ ra để trả nghĩa. Hàng triệu người chết trong mấy cuộc chiến tranh. Hàng vạn người cho đến tận hôm nay vẫn không tìm thấy được hài cốt. Họ chiến đấu hi sinh để bảo vệ Tổ quốc, dĩ nhiên là như vậy rồi, nhưng không hẳn chỉ có như vậy. Sự đền ơn trả nghĩa ấy mới thiêng liêng và dữ dội biết bao. Bởi thế, chẳng có sự phản trắc nào có thể tồn tại được ở đất nước trong vắt một bầu khí quyền nông dân.

KÝ ỨC THÁNG TƯ

I

Tôi còn nhớ cái ngày gặp Bùi Quang Thận, người đã cầm lá cờ trận mạc lên đỉnh nóc dinh Độc Lập buổi trưa 30 - 4 - 1975. Lá cờ nửa đỏ nửa xanh, nhuộm đầy bụi đường và khói đạn đã hoá đôi cánh chim bồ câu, báo hiệu hoà bình và đây chính là điểm kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Tôi muốn hỏi Bùi Quang Thận về chuyện cầm cờ ấy của anh. Còn anh thì lại bùi ngùi kể về một người đã khuất. Đó là Ngô Văn Nhữ. Qua Bùi Quang Thận, tôi biết Ngô Văn Nhữ là đại úy, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1 xe tăng, lữ đoàn 203, binh đoàn Hương Giang. Bảy giờ sáng ngày 30 - 4, tiểu đoàn 1 do Ngô Văn Nhữ chỉ huy tiến vào cầu Sài Gòn. Đây là một chiếc cầu quan trọng, dài 986 mét nằm trên xa lộ Sài Gòn - Biên Hoà, là trục chính trong một mũi tiến công của ta. Bởi thế, địch chốt chặn rất quyết liệt. Chúng huy động đến 14 xe tăng, xe thiết giáp và hai đại đội bộ binh dàn ra giữ cầu. Chưa kể máy bay giội bom, tàu chiến từ dưới sông bắn lên yểm trợ. Ba xe tăng địch án ngữ ngay trên mặt cầu. Một số xe khác chôn chìm xuống đất chỉ ngóc nòng pháo lên phía cầu. Chúng biến những chiếc tăng đó thành lô-cốt chìm, lô-cốt nổi, lô-cốt di động và quyết cố thủ đến cùng, quyết chặn đứng các mũi tiến công của ta bằng mọi giá. Chiếc cầu quá dài, lại hình vòm. Bởi thế, chiến sĩ ta rất khó quan sát địch, nhất là những chiếc xe tăng địch ở phía mặt cầu sườn bên kia. Còn địch thì rất dễ dàng phát hiện ra ta. Ba chiếc tăng của ta đi đầu, bị bắn cháy. Lửa bốc dữ dội. Mùi thép cháy khét lẹt. Trận đánh diễn ra rất khốc liệt. Chẳng biết địch ở đâu mà hầu như chiếc tăng nào của ta nhô lên cũng bị chúng bắn cháy. Tiểu đoàn trưởng Ngô Văn Nhữ bật cửa xe, nhô hẳn người lên trong làn mưa đạn mù mịt để quan sát địch và chỉ huy đơn vị vượt cầu. "Hãy nhắm thẳng Sài Gòn! Tiến lên!" - Đó là tiếng hô khản đặc của anh trong làn khói đạn khét lẹt. Đó cũng là tiếng nói cuối cùng của anh vang lên trong cõi đời này. Cả tiểu đoàn ào ạt vượt cầu, vừa tiến, vừa tiêu diệt địch, theo khẩu lệnh của người chỉ huy đứng sừng sững trên tháp pháo xe tăng. Sau đó thì tắt liên lạc.

Nhưng các chiến sĩ vẫn thấy Ngô Văn Nhữ đứng nhô hẳn nửa người trên tháp pháo. Anh vẫn đang chỉ huy tiểu đoàn hành tiến. Chỉ huy bằng hiệu lệnh. Ai ngờ Ngô Văn Nhữ đã hy sinh ngay ở trên cầu. Một viên đạn AR15 đã bắn giữa trán anh. Nhưng các chiến sĩ xe tăng, kể cả những người lính bên anh, ở ngay trong chiếc xe anh chỉ huy, cũng không biết anh đã hy sinh, đã chết đứng trên tháp pháo. Họ vẫn tiến theo khẩu lệnh của anh, theo bóng dáng của anh, hạ hết mục tiêu này đến mục tiêu khác. Ngô Văn Nhữ đã đi vào cửa ngõ Sài Gòn, ngay trong ngày toàn thắng như thế. Anh không biết vào chính giây phút lịch sử ấy, người vợ hiền thảo suốt đời gắn bó với anh, thủy chung với anh, ngay cả khi anh không còn trên cõi đời này đang chuyển dạ đẻ ở một xóm nhỏ vùng Kinh Bắc. Và đứa con trai, giọt máu cuối cùng của anh, chút kỉ niệm duy nhất của anh với chị ở vùng đất lửa Cửa Việt đã chào đời. Đó là sự hiện diện của anh trong ngày đoàn tụ. Và Ngô Văn Việt, cậu con trai của người tiểu đoàn trưởng ra đời trong ngày bố hy sinh ấy, đến nay đã hai mươi tuổi. Năm Việt tròn 18, người mẹ trẻ của cậu, chị Loan, vợ liệt sĩ Ngô Văn Nhữ đã đưa con trai về trung đoàn 203, là đơn vị cũ của anh: "Tôi còn mỗi giọt máu này, cũng là giọt máu của anh Nhữ đây, tôi trao nó cho các anh. Các anh cho cháu được tiếp bước bố cháu, được làm lính xe tăng như bố nó ngày xưa..."

Theo câu chuyện của Bùi Quang Thận, tôi lần về trung đoàn 203.

- Anh muốn gặp cháu Việt à?

Nguyễn Văn Thông, trung đoàn trưởng trung đoàn 203, tiền thân của lữ đoàn 203 bắt tay tôi

niềm nở:

– Nó là hạ sĩ rồi. Tối, tôi sẽ bảo cháu lên đây gặp anh. Thằng bé đẹp trai lắm. Đẹp như bố, cũng giống bố cái trán bò liếm. Cậu ta là con cưng của trung đoàn đấy. Ai cũng thương nó. Anh Bùi Tùng vừa thư cho tôi. Anh Tùng chắc anh biết chứ. Anh ấy là chính ủy cũ của lữ đoàn, người cùng anh Nguyễn Văn Thệ bắt tổng thống Dương Văn Minh. Bây giờ, anh ấy về hưu, vào ở tít mãi trong Sài Gòn.

Nói rồi, Nguyễn Văn Thông trao cho tôi bức thư của chính ủy Bùi Tùng. “Thông ơi, cho mình thăm tất cả anh em, những người đang bảo vệ thành quả cách mạng. Thông cố gắng giúp đỡ cháu Việt nhé. Mình thương cháu lắm mà chẳng biết làm sao được, bây giờ, tuổi già, sức yếu, vả lại về hưu rồi chẳng còn điều kiện gì để giúp cháu nữa, mọi sự trông chờ ở Thông. Thông hãy thương cháu. Tội nghiệp, cháu mồ côi cha từ lúc lọt lòng. Thương anh Nhỡ, chúng ta chỉ còn biết tạo điều kiện để nuôi dạy cháu trưởng thành...”

– Anh Tùng liên tục thư cho tôi. Thư nào cũng nhắc chuyện cháu Việt. Chuyện cháu dài lắm. Các nhà văn có thể viết tiểu thuyết được đấy. Có khi còn dựng được cả phim nữa. Tôi cũng có biết chút ít mà.

– Chắc anh ở cùng đơn vị anh Nhỡ?

– Vâng, anh Nhỡ là tiểu đoàn trưởng. Còn tôi lúc đó là trung đội phó trung đội trinh sát. Công việc chính của tôi là theo dõi tình hình địch, báo cáo cấp trên để cấp trên nắm được và tìm cách xử lý. Trong đời tôi, có lẽ tôi chưa bao giờ được chứng kiến một mối tình mạnh mẽ và đẹp đến thế mà kết quả của mối tình ấy là sự ra đời của cháu Việt, một người lính của tôi bây giờ.

– Anh có thể tiết lộ được điều gì chăng?

– Tất nhiên, tôi biết không được chi tiết lắm. Bởi nhiệm vụ của tôi là trinh sát, nhưng là trinh sát địch, chứ không phải trinh sát ta. Chuyện anh Nhỡ yêu chị Loan ở quê thế nào, tôi không rõ. Nhưng hôm chị Loan lặn lội vào tận Cửa Việt tìm chồng thì tôi biết. Tôi là người gặp chị trước tiên. Chị hỏi thăm tôi. Lúc đó, chị trẻ lắm, lại đẹp nữa. Mặt tròn, da trắng nõn. Tôi còn nhớ chị mặc quần lụa đen, áo xanh Sĩ Lâm, một tay cầm nón, khoác trước ngực, một tay xách cái túi vải, chân đi dép cao-su, kiểu dép đúc bộ đội. Trông chị, tôi đoán ngay chị là người thôn quê. Sau hỏi, thấy đúng. Chị ở xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hoà, Hà Bắc. Người nhà quê yêu bao giờ cũng thấm đượm, sâu sắc và dữ dội. Cũng phải yêu mãnh liệt đến thế nào mới dám lặn lội vào tận chiến trường. Cửa Việt, Quảng Trị lúc bấy giờ là một mặt trận nóng bỏng. Địch chốt bốn xung quanh. Lớ ngớ lại đi nhằm vào chỗ địch, tìm địch hỏi thăm đường thì chỉ có toi mạng. Bởi thế khi tôi báo cho ông Nhỡ là có vợ vào thăm, ông ấy không tin. Làm sao có thể tin được. Ông ấy cho tôi bịa, tôi lờm ông ấy, nên quyết không ra đón. Chị Loan phải lọ mọ vào tận hầm ông Nhỡ. Lúc đó, ông ấy mới ngó ra. Đúng là vợ thật. Thật trăm phần trăm, và vợ mới cưới. Thế là chúng tôi tíu tít chuẩn bị căn buồng hạnh phúc cho hai người. Gọi buồng hạnh phúc, là gọi cho sang, thực tình, đó là căn hầm tăng, anh em sơ tán, nhường cho anh chị ở tạm. Lúc bấy giờ, ở chiến trường làm sao có chiêu đãi sở. Nhưng không thể vin cớ chiến trường để có thể ăn ở lộn xộn hay tạm bợ. Chúng tôi trang trí căn hầm bằng những tấm vải dù, những tờ giấy báo, rồi bí mật cử nhau canh gác cẩn thận, cắm lá lên nóc hầm. Ấy là ký hiệu bí mật quân sự. Có cha còn viết nguệch ngoạc lên cái vỏ đạn dựng ở cửa hầm: Khu quân sự tối mật. Cấm vào. Chúng tôi muốn tiểu đoàn trưởng Ngô Văn Nhỡ của chúng tôi và người vợ trẻ xinh đẹp có được những giây phút thực sự êm đềm, thanh thản, trước khi bước vào trận chiến đấu khốc liệt nhất.

Ngô Văn Việt, người chiến sĩ xe tăng, ra đời vào mùa xuân năm 1975 ấy, tuổi ra đời của anh là tuổi của chiến dịch thần tốc lịch sử, và ngày tháng năm sinh của anh, cũng là ngày tháng năm mất của bố anh, một tiểu đoàn trưởng, một người lính xe tăng anh hùng, mặc dù anh không có trong danh sách anh hùng. Người lính trẻ ấy, bây giờ đang ngồi bên lên trước tôi. Tôi lặng lẽ ngắm anh, cố tìm ở anh, một chút bóng dáng, đường nét nào đó của người tiểu đoàn trưởng dũng cảm đã khuất. Anh trẻ hơn so với sự tưởng tượng của tôi, cũng đẹp trai hơn là tôi nghĩ. Nói đẹp trai, có lẽ không phải. Đúng ra là xinh trai. Mái tóc đen nhánh, bông bênh như sóng lược. Da trắng nõn. Cặp môi ướm đỏ, gọn như một nét vẽ. Hai má chín ửng như thoa phấn. Trông anh có dáng dấp của một thiếu nữ đang ở tuổi dậy thì. Anh thỏ thẻ trả lời chúng tôi, tay càu càu mép bàn. Rồi lại ngón nghén cười. Và rồi thay cho việc trả lời những câu hỏi lẩn mẩn của “bác” nhà báo, anh mời “các bác” về quê, thăm mẹ anh, và bà nội anh, người có ba con trai là liệt sĩ, vừa được Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

III

Con ngựa sắt đã chiến của tạp chí Văn nghệ quân đội lại lọc cọc đưa chúng tôi qua những con đường đất đỏ, gập ghềnh ổ trâu ổ bò về xã Đức Thắng, Hiệp Hoà, Hà Bắc. Cùng đi với chúng tôi, ngoài nhà văn Ngô Vĩnh Bình, có hạ sĩ Ngô Văn Việt và thiếu tá Nguyễn Mạnh Hồng, chủ nhiệm chính trị trung đoàn. Đến xã Đức Thắng, chúng tôi tạt vào bệnh xá tìm chị Loan. Quả như lời trung đoàn trưởng Nguyễn Văn Thông, chị Loan vẫn còn trẻ và đẹp, mặc dù năm nay, chị đã xấp xỉ lên lão. Ở nhà quê, một người phụ nữ năm mươi tuổi đã có thể xem như một bà lão. Thế mà “bà lão” Loan vẫn chẳng có dáng vẻ bà lão chút nào. Năm anh Nhỡ hy sinh, chị mới ở tuổi 28, và rồi chị cứ ở vậy, không đi bước nữa. Tuổi xuân chỉ có một lần, và đời người cũng chỉ có một lần. Trời đã bắt chị phải chịu sự thiệt thòi, sao trời còn cay nghiệt ban cho chị quá nhiều nhan sắc. Để bù lại nỗi mất mát đó chăng? Với nhan sắc ấy, chị có thể làm hành trang cho một chuyến đi mới. Có bao nhiêu con đường bọc lụa trải ra trước mặt chị, chờ chị đặt chân lên? Tại sao chị vẫn đứng vậy làm nàng Vọng Phu? Trên đất nước này có bao nhiêu nàng Vọng Phu như thế? Chỉ riêng trong căn nhà của mẹ Sứu – mẹ chồng chị – đã có đến hai nàng Vọng Phu rồi. Nhưng ánh mắt ướm át kia, làn da trắng mịn như ngà kia, đâu phải đã hoá đá.

– Thực tình, có rất nhiều người muốn đến với tôi, trong đó có cả những người từng là đồng đội cũ của anh Nhỡ. Họ thương tôi lắm. Có người vì anh Nhỡ mà thương tôi, thương cháu. Họ xin tôi cho phép họ được thay anh Nhỡ chăm sóc cháu và chăm sóc tôi. Nhưng tôi rất thương mẹ, thương cháu, và thương cả anh Nhỡ nữa. Không ai có thể thay thế anh ấy được, dù họ tốt vô cùng và thương tôi hết lòng hết dạ. Nhưng mỗi khi nghĩ đến một người đàn ông khác, không phải anh Nhỡ, là tôi lại thấy se thắt cả ruột gan. Tôi đi bước nữa ư? Mẹ tôi chắc là đồng ý ngay. Bà cụ cũng nhiều lần bóng gió, ý muốn mở cửa cho tôi đi. Nhưng chính vì bà cụ sẵn sàng để cho tôi đi mà tôi lại không thể đi được. Vì nếu đi thì khổ mẹ tôi quá. Bà cụ đã mất con, lại mất cả dâu. Con tôi cũng thế. Cháu đã mồ côi bố, giờ lại thiếu cả mẹ, dù mẹ vẫn còn trên thế gian này. Nghĩ thế, tôi không thể đi được. Làm người khổ lắm, chú ạ. Chị dâu tôi cũng thế đấy. Chị ấy là vợ bác Đồng, anh ruột anh Nhỡ. Bác Đồng hy sinh khi là trung tá, là chính ủy trung đoàn. Lúc đó, chị ấy cũng còn trẻ lắm, mới có mỗi cô con gái bé bỏng. Thế rồi, chị ấy cũng lại ở vậy cho đến tận bây giờ, khi đã thành một bà lão rồi. Chỉ có chú Hảo, em ruột anh Nhỡ hy sinh năm 22 tuổi, mới là bình nhất, chưa kịp lấy vợ. Nếu chú ấy cưới vợ, thì có lẽ nhà tôi lại có thêm một người đàn bà goá bụa ở vậy nữa...

– Chắc chị yêu anh Nhỡ từ hồi học phổ thông?

– Không, hồi học phổ thông, anh Nhỡ chẳng biết tôi đâu. Anh ấy hơn tôi đến hơn chục tuổi. Dao anh ấy đi bộ đội, tôi còn bé lắm, vẫn đang đi học mà. Rồi tôi tham gia thanh niên xã. Hồi bấy giờ chiến tranh, gian khổ, nguy hiểm và đói nữa, nhưng vui lắm. Tối nào cũng tụ tập, sinh

hoạt, hát hò, rồi phong trào Ba sẵn sàng, Ba đảm đang. Rồi cứu thương, cứu sập, lấp hố bom, tải đạn ra trận địa pháo. Rồi xung phong vào Trường Sơn. Ngày nào cũng nườm nượp, rầm rập người. Trên đường cái lớn dằng dặc những đoàn quân ra trận. Trông anh nào cũng trẻ. Họ vừa đi vừa hát những bài ca hùng tráng. Rồi buông lời bông đùa với các cô gái đi xe đạp trên đường, hoặc đang cấy hay đang làm cỏ dưới ruộng. “Chờ anh nhé, anh sẽ trở về”. “Em ơi, nhớ chờ anh nhé”. Không biết trong số các chàng trai ấy, có ai còn trở về không? Có lần, chúng tôi tụ họp ngay tại sân nhà anh Nhỡ. Mấy đứa con gái cứ cầu chí nhau, tranh nhau làm dâu mẹ Sứ: “U ơi, chúng con xếp hàng cả một dãy đây này, u ưng ai thì u chấm đi!”, “U ưu tiên con nhé, con thành phần cơ bản!”. “Không, con cơ bản hơn. Con gia đình liệt sĩ.” “U ơi, sắp tới, anh Nhỡ về phép, u cưới con cho anh ấy nhé!”. Đấy, cứ chí choé thế. Đứa nào cũng mồm năm miệng mười. Nhưng chẳng đứa nào biết mặt anh Nhỡ. Đùa quá rồi hoá thật. Anh Nhỡ về phép, thỉnh linh tìm đến nhà tôi. Tôi nhìn anh ấy, ngỡ ngàng. Thoạt đầu tôi lại tưởng anh bộ đội nào đến xin tre. Tôi bảo luôn, để anh ấy khỏi ngượng khi hỏi xin: “Tre nhà em mấy búi kia kìa. Anh thích cây nào thì cứ ra đó mà chặt. Tre xã hội chủ nghĩa đấy”. Anh ấy cười bên lên: “Không, anh không đến xin tre. Anh tên là Nhỡ, con ông Lắm bà Sứ, em bác Đồng. Anh về phép một tuần, u anh bảo anh đến thăm em, và gia đình em...” Đấy, anh ấy chỉ nói được có thế, rồi mặt đỏ lựng lên. Hai tay cứ thay nhau vằn cái mũ cối như vằn một quả bóng. Rồi anh ấy lại đi. Mấy tuần sau, tôi nhận được thư. Mãi đến giữa năm 1973, anh ấy mới lại về phép. Chúng tôi cưới nhau trong đợt phép ngắn ngủi ấy. Năm đó, bà cụ tôi lại xây nhà. Công việc rất bề bộn. Nhà chưa xong móng thì anh ấy lại đi. Rồi từ đó, anh ấy không trở về nữa...

– Chị vào thăm anh ấy hồi nào?

– Hồi giữa năm 1974. Bố chồng tôi khuyên tôi đi thăm anh ấy. Ông cụ lạ lắm, rất ít nói, nhưng thương con hết mực. Khi được tin con hi sinh, ông cụ thường ngồi như hoá đá. gương mặt dường như chẳng thay đổi gì. Tôi còn nhớ cái hồi nhà tôi đang làm gỗ bác Đồng, thì xã lại mang giấy báo tử chú Hảo đến. Họ không biết nhà đang có gỗ. Mẹ tôi nhột cả người, chỉ còn thiếu ngã vật ra. Còn bố tôi thì vẫn bình thản. Ông cụ điềm nhiên pha trà. Bàn tay hơi run. Nhưng gương mặt thì vẫn tĩnh như không. Rồi ông cụ chỉ hỏi: “Nó bị ở đâu? Viên đạn giết nó từ hướng nào? Trước mặt hay sau lưng?” Tôi không hiểu sao ông cụ chỉ quan tâm đến điều đó. Mấy người con của ông già, kể cả anh Nhỡ, đều ngã xuống vì những viên đạn bắn thẳng từ phía trước mặt. Khi con hy sinh, ông cụ vẫn bình tĩnh như thế, như là chẳng có chuyện gì cả. Rồi đợi đến khuya, khi cả nhà đã ngủ hết, ông cụ mới chui vào giường, trùm chăn khóc một mình. Tôi vào thăm anh Nhỡ cũng là do ông cụ đấy. Cụ bảo: “Bố già rồi, lại tàn tật, nên không đi thăm nó được...” (Ông cụ bị ngã xe từ năm bảy hai. Nhà tôi rất nghèo, quanh năm đói, không có tiền thuốc thang chạy chữa nên rồi thành tật. Ông cụ đi lại tập tễnh, rất vất vả, về cuối đời thì nằm liệt giường, nằm liệt cho đến khi chết). “Con vào với nó đi. - Ông cụ khuyên tôi. - Sắp tới, chắc lại đánh nhau to đấy. Chuyển này, không khéo nó không còn trở về được nữa đâu. Nó là con trai bố, bố biết. Con chịu khó, tranh thủ vào với nó một tí”. Thấy tôi ngần ngại, ông cụ bảo: “Mày không có tiền phải không? Nhà mình còn mỗi con trâu là có giá đấy. Thôi, để bố bán đi, cho mày lấy tiền, mày vào với nó.” – Dẫn đo một lát, ông cụ bảo “Bố không xui con nói dối đâu, nhưng trong trường hợp này lại không thể nói thật được. Nếu gặp được nó, con cứ bảo là nhà mình vẫn còn đủ ăn. Bố cũng đã được bệnh viện chữa cho khỏi chân rồi, chữa không mất tiền. Rồi con nhớ kể cho nó nghe về cái nhà ngói này, cứ nói là đang hoàng, trong nhà không thiếu gì. Có nói quá lên một tí cũng không sao cả”. Thế rồi tôi khăn gói ra đi...

Người đàn bà dừng lại. Hai vai tròn trịa khẽ run rẩy như có một luồng gió lạnh thổi qua. Tôi không dám nhìn vào gương mặt chị. Tôi quay ra ngắm căn phòng, là nơi làm việc, cũng là nơi ở chính của chị. Căn phòng tuềnh toàng, không trang trí gì. Một chiếc tủ lớn chắn ngang, vừa đựng thuốc, vừa làm tấm bình phong che chiếc giường đơn với tấm chiếu hoa côi cút. Ngoài kia, một chiếc bể trồng cây, đầy lá nhãn rụng. Bệnh xá vắng hoe.

– Từ ngày anh Nhỡ hy sinh, sao chị không ở nhà, lại ra ở hán trạm xá. ở đây tiếng thế mà vắng vẻ, nói đại, nếu không may chị bị cảm hay ốm đau gì, nhất là đêm hôm khuya khoắt...

Tôi hỏi cho có chuyện để xua đi cái không khí nặng nề trùm khắp căn phòng.

– Tôi không thể ở nhà được, chú ạ. ở nhà anh Nhỡ, cái gì cũng gọi cho cho tôi nhớ đến anh ấy. Dù cái nhà được dựng sau này, nhưng vẫn dựng trên nền đất cũ. Các cô chú và anh em trong nhà rất thương tôi, làm cho tôi một căn hộ riêng. Nhưng ở một mình sợ lắm. Cái nhà cứ trống tuênh trống toàng. Thiếu có một người mà hoá ra thiếu tất cả. Từ ngày cháu Việt vào lính, tôi dọn ra ở hẳn đây luôn. Ở đây, dầu sao vẫn có người, đỡ lạnh, cũng khuây khoả được chút nào đấy, chú ạ...

Nói rồi, chị Loan đứng dậy, khép cửa, dặn dò cô y tá trực mấy câu gì đó, rồi tắt tả dẫn tôi về nhà.

Nhà anh Nhỡ ở sâu trong làng. Đó là căn nhà ngói ba gian xây dựng từ năm 1973. Mái ngói hình vẩy rồng, đã đen xỉn vì mưa nắng. Căn nhà có vẻ u tịch, lạnh lạnh và thâm nghiêm như một khu nhà thờ. Bây giờ chỉ còn mẹ Sứ, 73 tuổi ở đó với người con trai út. Mẹ dành ra cả một gian riêng để thờ ba người con đã chết ngoài mặt trận. Một bàn thờ với ba bát hương và tấm hình ba người con trai được ghép lại. Đứng đầu là Ngô Văn Đồng, trung tá chính ủy trung đoàn, hy sinh năm 1973, rồi đến Ngô Văn Hảo, binh nhất, hy sinh năm 1968, cuối cùng là Ngô Văn Nhỡ, đại úy, tiểu đoàn trưởng xe tăng, hy sinh ngày 30 - 4 - 1975 trước cửa ngõ Sài Gòn.

Chị Loan để chúng tôi nói chuyện với bà mẹ, rồi con con đi quét sân, thu dọn cửa nhà. Trông chị có cái dáng xăm xăm, dịu dàng của một nàng dâu hiếu thảo. Hơn hai mươi năm nay, chị đã quen làm dâu như thế. Một nàng dâu không chồng...

– Tôi thương thằng Nhỡ lắm. – Giọng mẹ Sứ trầm lắng. – Nhà tôi nghèo. Con cái chẳng đứa nào học được hết phổ thông. Thằng Nhỡ cũng chỉ hết lớp Bảy, rồi vào bộ đội. Trước đó, nó cũng đã đi làm để kiếm tiền nuôi em. Khi vào bộ đội, được lương 5 đồng một tháng, nó cũng chắt chiu gửi về đỡ dần tôi. Hồi nó về phép cưới vợ, tôi lại đang làm cái nhà ngói này, trước đây toàn ở nhà gianh, chưa mưa đã dột, chưa gió đã lạnh. Hôm nó về, nhà dờ mắt rồi, đêm ấy trời lại mưa rét, nó nằm ở ngoài vườn. Bây giờ, nó cũng đã về được đây rồi, nhà cũng khang trang hơn, nhưng nó vẫn phải nằm ở ngoài vườn, không thể vào nhà được. Khổ thân con tôi. Cái số nó không được ở nhà ngói. Nhà bây giờ rộng thế này, ấm thế này mà nó vẫn phải nằm mãi với sương gió ở phía ngoài vườn kia...

Bà mẹ lấy khăn chấm nước mắt, rồi lặng lẽ chỉ qua khung cửa sổ mở rộng. Ngoài đó là khu vườn mênh mông. Sau mấy vạt dưa, mấy cây bạch đàn liễu đứng thẫn thờ trong làn mưa bụi mỏng như sương khói là Nghĩa trang liệt sĩ của gia đình. ở đó có bốn ngôi mộ vừa được xây xong vào dịp giáp Tết. Cả ba người con trai dũng cảm của gia đình đều được đưa về nằm ở đó. Bên cạnh mộ ba người con trai là mộ một người lính già, người lính Cách mạng, dù chưa bao giờ khoác áo lính. Đó là ông già Ngô Văn Lắm, người vừa mất cách đây mấy năm.

– Mẹ biết tin anh Nhỡ hy sinh khi nào?

– Tôi biết ngay từ hôm nó mất. Hôm ấy là ngày 30 - 4. Đài báo tin Sài Gòn giải phóng. Cả làng vui như Tết. Buổi chiều lại có mưa rào. Nước tràn cả mặt đập. Thằng cháu tôi úp được rất nhiều cá, tối đã định ăn mừng. Nhưng tôi bảo cứ úp trong thùng, chờ thằng Nhỡ về cho đủ người nhà đã rồi mới ăn. Thằng Nhỡ hôm đó đi đâu mãi mạn Hải Phòng. Thế rồi tối ấy, tôi nằm mơ. Tôi thấy thằng Nhỡ về, mặt nó đầy máu. Nó về cùng với hai anh bộ đội nữa. Tôi giữ ở lại ăn cơm, tôi bảo nhà có cá em nó úp được. Nhưng không ai chịu ăn. Các anh ấy đòi đi ngay. Thằng Nhỡ chẳng nói gì. Tôi bảo thằng Nhỡ làm sao thế? Sao nó chẳng nói gì cả? Các anh ấy bảo: Anh Nhỡ bị thương vào đầu, lại bị sức ép, sinh ra mất trí, nên không nói được. Thằng Nhỡ cứ đứng nhìn tôi dăm dăm. Rồi nó khóc. Nước mắt có máu. Thế là tôi bừng tỉnh. Lúc ấy, con mẹ Loan đang ở cũ thằng Việt. Bà thông gia của tôi, mẹ cái Loan cũng đang ở đây trông nom cháu.

Tôi không nói gì với cái Loan, nhưng bảo bà cụ: “Không khéo thằng Nhỡ chết rồi, bà ạ. Tôi thấy nó bị bắn vào đầu. Chắc là nó chết rồi”. Thế rồi hôm sau, thằng Nhất về, mặt nó tái dại đi. Tôi hỏi: Con ốm à? Nó không nói. Tối, nó ra sau bếp khóc rấm rứt. Tôi gặng mãi nó mới nói. Nó bảo anh Nhỡ chết rồi. Báo nói rồi. Đi Hải Phòng, nó mua được tờ báo Nhân Dân. Tờ báo in ngày 1 - 5. Trông chỗ nào cũng có chữ đỏ. Báo có in một bài báo của bác nhà báo nói về trận đánh của thằng Nhỡ trên cầu Sài Gòn, báo nói thẳng ra là thằng Nhỡ đã chết ngay trên nóc xe tăng. Trong bài báo có cả lời bác Lê Trọng Tấn nói về thằng Nhỡ. Nhưng không viết hẳn ra là Nhỡ mà chỉ viết tắt là Ngô Văn N, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1 xe tăng. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1 thì đúng là tiểu đoàn thằng Nhỡ rồi. Thằng Nhất nó bảo thế. Rồi mấy ngày sau, tôi nhận được thư bác Tùng. Rồi bác Tùng thân sinh về đây. Bác ấy cho tôi cái đài, cho con mẹ Loan mười hai hộp sữa. Sao có người đâu mà tình nghĩa đến thế...

– Thế lâu nay, mẹ có gặp bác Tùng không?

– Không, nghe đâu bác ấy vào ở mãi trong Sài Gòn. Xa lắm. Còn các anh đơn vị thằng Nhỡ thì về luôn luôn. Năm nào các anh ấy cũng về, có khi các anh ấy về thăm tôi lại còn chăm hơn cả thằng Việt bây giờ. Cái thằng giống bố như đúc. Gan thần lằn cóc tía. Mà sao mày cứ ngồi ngẩn ra như cái thằng dại gái thế, hả Việt? Dậy thấp cho bố nén hương đi, con. Thắp cho cả bác Đồng với chú Hảo nữa...

1995

CHUYỆN CỦA NGƯỜI THU MUA GIẤY VỤN

Tặng cô bé Lê Huyền Dương

Dung là cô gái quê. Tôi gặp cô trong quán cơm bụi bên hè đường ngõ phố tôi ở. Cứ như lời cô thì ở quê khổ lắm. Làm được một đồng cũng rất vất vả. Người ta thuê thằng em trai cô lấy bùn đổ vào gốc chuối. Một lần lặn xuống đáy ao, xúc lên hai gầu bùn, chạy tiếp một quãng nữa mới tới được vườn chuối. Mỗi chuyến với hai gầu bùn đầy ngật mới được một trăm đồng, bằng nửa chén trà ở quán nước hè phố. Cũng không thể trách ông chủ vườn quá ke bo. Một buồng chuối to vật của ông ta có gánh ra chợ bán cũng khó kiếm được chục ngàn bạc. Thế thì ông ta cũng có tiền đâu mà hảo tâm xới lới với người được thuê chăm bẵm khu vườn.

Dung bỏ quê lên thành phố kiếm sống. Thoạt đầu cô bán rau. Ba giờ sáng ra đón rau ở các vùng ngoại ô chuyển vào, rồi mang đi bán rong. Cô chỉ nhặt đầu chợ, bán cuối chợ. Thế mà ngày cũng kiếm được hơn chục ngàn. Chỉ khổ những lúc gặp phải công an. Mỗi lần như thế là lại chạy toé khói. Mà chạy cũng chẳng thoát. Có hôm cô còn bị phạt mất hai chục ngàn bạc. Thế là toi đứt cả vốn lẫn lãi.

Dung bỏ nghề bán rau, chuyển sang thu mua giấy vụn. Cũng theo lời cô, thu mua sách báo và giấy vụn đỡ vất vả hơn nhiều, lại có tiếng là người góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch đẹp của thành phố. Dung lần lên tận tầng năm nhà tôi:

– Góm, cháu cứ phải hỏi thăm mãi. – Dung vừa nói vừa thở hổn hển. – Chú ở cao quá. Nhà chon von như tổ chim chào mào. Đi cứ hun hút như lên sao Hoả. Khiếp! Cháu mệt tướng đứt hơi. Chú có nhiều giấy loại không? Cháu đoán là chú có nhiều giấy loại lắm. Nhà văn là những người chuyên sản xuất giấy lộn mà!

Nhà tôi không có nhiều giấy lộn. Nhưng sách báo cũ thì vô thiên lủng. Tháng nào tôi cũng phải bỏ ra vài trăm ngàn mua sách báo. Làm cái nghề này cứ phải đọc. Đọc rất nhiều. Có khi chỉ viết mươi dòng về một tác giả nào đó, tôi phải đọc đến hàng ngàn trang sách của anh ta. Có nhiều cuốn thú vị. Nhưng cũng không ít cuốn chẳng có cái thú gì để mà đọc cả. Báo chí cũng thế. Những bài nào hay, những chi tiết nào giá trị có thể sử dụng cho một bài viết nào đó thì “quét” vào vi tính, lưu lại. Còn những cuốn sách, những tờ báo không thể đọc lại được thì xếp gọn vào một chỗ riêng. Tôi cho Dung hàng đồng sách báo như thế, không lấy tiền. Nhưng Dung đâu phải kẻ ăn xin. Bù vào số tiền chừng mấy chục ngàn mà tôi không lấy, Dung dọn dẹp nhà cửa cho tôi. Cô lau nhà, dọn bếp, lau khu vệ sinh và ban-công. Cũng coi như bằng số tiền tôi thuê người đến dọn nhà. Thế là cả hai đều thanh toán sòng phẳng, chẳng ai phải nợ ai. Dung muốn có sự thanh thản của người không bị mắc nợ. Cứ thế rồi thành lệ. Tuần nào vào sáng chủ nhật, Dung cũng đến nhà tôi dọn dẹp nhà cửa, rồi mang theo một gánh sách báo..

Thế rồi bằng đi một thời gian dài, không thấy Dung trở lại. Tôi tưởng cô ốm đau hay có chuyện gì đó phải về quê. Bởi thế tôi vẫn có ý chờ. Nhưng rồi cả tháng sau không thấy. Hàng nửa năm sau nữa cũng vẫn không thấy. Tôi đã mất dần thói quen vào các tối thứ bảy chọn sẵn sách báo cho cô. Rồi tôi cũng quên dần cô gái. Cho đến một hôm...

Bữa đó, tôi đi dự đám cưới một người bạn về thì có tiếng gọi rối rít. Tôi dừng xe.

– Chú không nhận ra cháu ư? Dung đây mà!

Quả là nếu cô không xưng danh thì tôi khó lòng mà nhận ra được. Dung phổng phao hơn.

Trắng trẻo. Tóc nhuộm mốt Hàn Quốc. Xinh. Thoáng trông, cô như người mẫu thời trang. Không ai nghĩ mấy tháng trước cô còn là gái quê, lại làm nghề thu mua giấy vụn. Cô mời tôi vào nhà. Một căn hộ tầng hai xinh xắn ở một khu tập thể lùi sâu trong ngõ. Nội thất cũng đầy đủ. Xa-lông. Ti-vi. Tủ lạnh. Giàn Sony nội địa. Chỉ thiếu mỗi cái điện thoại nữa là thành một căn nhà hoàn chỉnh. Vậy mà cô lại bảo cô ở nhờ nhà một người bạn ở xóm Liều. Hoá ra cô vẫn giả vờ “hoàn cảnh” để lừa tôi từ bấy lâu nay. Con người ta bây giờ thật khó tin quá. Ngay cả một cô gái quê cũng rất láu cá...

– Này, chú hỏi thật nhé. Sự thực thì cháu làm ở đâu? – Tôi hỏi.

Dung cười rất hồn nhiên:

– Cháu làm gì có nghề nghiệp. Vẫn đi thu mua giấy vụn mà...

– Thu mua giấy vụn sao không qua chú?

– Nhà chú đằng ấy xa quá. 5 tầng, nhưng thực chất là mười tầng. Leo mỗi cả chân. Mà nhà chú nếu có giấy vụn thì cũng chỉ là giấy vụn thôi. Cháu chuyển sang vùng khác thu mua rồi. Vùng khác hay hơn nhiều. Chú không tin à? Cháu mới tậu được căn hộ này đấy!

Tôi ngạc nhiên:

– Thu gom giấy vụn mà tậu được nhà?

– Vâng. Cháu thu gom giấy vụn thật đấy!

Thấy tôi vẫn có vẻ không tin, Dung mới tiết lộ rằng, có một lần, cô đến một biệt thự thu mua giấy báo cũ. Cô chỉ gặp mỗi bà chủ nhà. Cứ như lời cô thì bà chủ tốt lắm.

– Vâng, bà ấy tốt cực kỳ. Tốt y như chú ấy. – Dung khoe. – Bà cho cháu một đồng báo cũ không lấy tiền. Cháu định dọn nhà giúp, nhưng bà ấy không khiến. Nhà đã có đến mấy Ô-sin rồi. Khi cháu ra cổng, bà còn chạy theo, dúi cho mấy tờ lịch. Mà toàn lịch cũ chưa mở. “Lịch một tờ ấy mà. – Bà bảo: – Ai treo cái đồ thổ tả ấy làm gì. Mà mang về mà dán chuồng gà”. Quả là với căn nhà sang trọng ấy, không thể treo loại lịch phong phanh một tờ như thế này được. Loại lịch đó, chỉ có thể treo ở xó nhà quê. Mà nhà quê người ta cũng chẳng treo, vì đã quá hạn rồi. Có chăng là cắt riêng ảnh ra, dán lên tường thay tranh. Thế mà về mở ra, chú biết trong lịch có gì không? Ồi giời đất ơi! Tiền, toàn là tiền đô-la chú ạ. Nhiều lắm. Thế mà bà chủ chẳng biết gì cả. Bà cứ tưởng mấy cuốn lịch vớ vẩn. Cả đời cháu chưa bao giờ nhìn thấy loại tiền ấy, nên thoát đầu, cháu lại tưởng tiền âm phủ. Nhưng tiền âm phủ thì việc gì phải bí mật nhét vào ruột cuốn lịch. Mà nhét rất cẩn thận. Cháu chột dạ, mang một tờ ra phổ hỏi thì có bà đã trả ngay một triệu tư. Cháu sợ quá, thu hết tiền lại, định mang trả. Nhưng rồi tìm không ra nhà. Cháu chỉ nhớ mang máng nhà bốn tầng, bên ngoài có cổng sắt. Từ cổng vào lại có rất nhiều chậu hoa. Thế mà rồi chịu, không tìm ra được. Bữa đó, tình cờ cháu đi qua cổng, rồi bà ấy gọi vào, nên không để ý kỹ. Cháu định mang tiền nộp công an. Nhưng rồi lại sợ. Cháu sợ các chú ấy nghi cháu buôn hê-rô-in. Chỉ buôn hê-rô-in mới có lắm tiền như thế chứ. Mà nếu các chú ấy tin cháu, lại nghi ngờ bà ấy, thì cũng khổ cho bà ấy quá. Bà ấy làm phúc mà rồi lại phải tội. Bây giờ người ta đang chống tham nhũng mà. Cháu nghĩ thế nên thôi.

Ngừng một lát, cô bé hỏi:

– Thế chú vẫn ở trên tầng năm cao chót vót ấy à? ừ, mà viết văn, viết báo như chú thì làm sao mà xuống tầng được. Cũng như bố cháu ấy. Bố cháu là bác sĩ bệnh viện huyện. Nghèo lắm. Bố cháu mổ dạ dày cấp cứu, tiền thù lao không bằng tiền vá một cái săm xe máy. Thế hay là chú chuyển nghề đi, cháu sẽ giúp chú!..

– Cháu định giúp chú làm gì?

– Cháu rủ chú đi thu mua giấy vụn với cháu. Sao chú lại cười? Chú đừng coi thường nghề thu gom giấy vụn nhé. Loạng quạng chỉ vớ được vài quả như cháu là chú đổi đời đấy!..

7.2000

BÓNG ĐÁ

I

Tôi không biết trên cao vọi vọi, cao đến u u minh minh kia có đấng quyền năng tối thượng hay không mà sao người đời lại nhìn Ngài bằng con mắt kính cẩn đến thế. Nguyên Công Trứ gọi Ngài là Ông Xanh. Đoàn Thị Điểm cũng gọi Ngài là Ông Xanh. Còn Nguyễn Du thì gọi Ngài là đấng Hoá Công. Gặp nỗi buồn đau bi đát của cõi đời dâu bể mà không có cách nào thoát được, cụ Nguyễn lại bái vọng lên Ngài mà than thở: Phũ phàng chi bấy Hoá Công, tựa hồ như mọi chuyện ở cõi đời này đều do Ngài bày đặt, chi phối.

Vâng, nếu quả có đấng Hoá Công quyền uy như vậy thật, thì tôi nghĩ có lẽ Ngài là một lão say rượu, một gã băng nhắng luôn châm chọc và đùa cợt. Bởi vậy, những tay sành bóng đá, am tường bóng đá và mê bóng đá đến phát điên, phát cuồng, ví như cơ quan tôi có hai thi sĩ lừng danh là Nguyễn Đức Mậu và Anh Ngọc, lại bị lão vô hình nhốt ở xó nhà, bắt gí mũi lên cái màn hình bé hìn hìn, biến họ thành những chú mèo bị thu hết móng vuốt, chỉ còn biết dầm đuối đến bất lực, ngắm những bóng cá vàng nhào lộn tung tẩy trong cái bể nuôi cá cảnh có cái tên rất hiện đại là vô tuyến truyền hình. Còn tôi, một gã lơ khờ, nghễnh nga nghễnh ngãng, loạng quạng thế nào lại được lão “nhốt” lên, lôi sang tận nước Mỹ, rồi thả xuống sân vận động Foxboro ở thành phố Boston vào đúng cái ngày bóng đá sôi động World Cup.

II

Phải, tôi cho đó là trò đùa quái quỷ của lão Hoá Công say rượu. Tôi không mê bóng đá. Nói đúng ra, tôi là một gã điếc đặc bóng đá. Trong đời, tôi chưa một lần bước chân vào sân vận động, cũng chưa bao giờ xem hết một buổi tường thuật bóng đá trên màn hình. Riêng về cái “khoản” này tôi ngang dân Mỹ. Người Mỹ, với bóng đá, họ cũng là những anh nghễnh ngãng. Họ không thích bóng đá, nhưng lại mê bóng rổ, bóng chày. Vào giữa mùa World Cup, một sự kiện thể thao trọng đại của năm 1994, thu hút sự chú ý của hàng triệu người trên trái đất, và cái sự kiện sôi động ấy đang diễn ra ngay trên đất Mỹ, Vậy mà ở những thành phố lớn như Washington, New York hay Boston mà tôi có dịp ghé qua, chỉ thấy sự lặng lẽ, bình thản, chẳng có ai bàn tán đến sự kiện này. Trên đường phố cuộn cuộn những con lũ xe, bên những cây cột đèn cao áp, thi thoảng cũng thấy loe nhoe, phơ phất mấy cái cờ đuôi nheo quảng cáo, vẽ một anh chàng da đen đang co chân sút bóng với dòng chữ World Cup USA 1994. Giữa thành phố náo nhiệt, sôi động, mấy cái mảnh vải này nom hiu hắt một cách lạc lõng. Để chứng tỏ sự hiện hữu của mình, đôi lúc nó cũng quẫy trong gió, nom vật vờ, uể oải như đuôi con mèo ốm, chẳng thu hút được sự chú ý của ai. Đến nỗi, khi những trận đấu chấn động thế giới sắp qua, cả mùa World Cup cũng đã bước vào giai đoạn cao trào để kết thúc, một nhà văn Mỹ nói với tôi: “Tiếc là các anh đến sớm quá! Giá như cuối năm nay các anh mới sang thì thế nào các anh cũng được xem Bóng đá Thế giới. Cuối năm nay, chúng tôi có World Cup!..”

III

Nhà thơ danh tiếng Anh Ngọc cứ tròn mắt nhìn tôi: “Cậu có mặt ở sân vận động thật à? Nghĩa là cậu xem trực tiếp bằng mắt, và nhìn thấy Maradona hiện hình bằng xương, bằng thịt ư? Ôi giời! Cậu là người hạnh phúc nhất trên cõi đời này đấy! Cậu thấy Maradona như thế

nào?..”

Tôi còn biết nói sao với ông thi sĩ bóng đá Anh Ngọc. Đối với một gã mù đặc bóng đá như tôi, sân Foxboro chỉ là cái nong tầm nhon nhạo. Vâng, nó đúng là một cái nong tầm. Có điều tầm nhiều mà dẫu ít. Lúc nhúc có đến hơn hai chục con tầm hung hãn mà chỉ có mỗi một lá dẫu non, là cái quả bóng mỏng dính dính và bé như cái mắt muỗi. Thế nên cứ nháo nhào nhào. Làm sao tôi biết được con tầm nào là Maradona kia chứ. Xem ra, Liên đoàn bóng đá thật oái oăm và cái ông Pha pha gì ấy cũng là một gã keo kiệt. Trái bóng dẫu có hiếm mà cũng dẫu có đắt đến nỗi không mua nổi. Tại sao không tung ra vài chục quả cho anh em đá. Mỗi cầu thủ cứ chia cho vài quả. Tha hồ mà đá. Đá thoải mái, Chẳng việc gì phải chen chúc, xô đẩy và tranh cướp nhau như một lũ giặc ngày. Đấy, cái sự việc đơn giản như thế mà người ta cũng chẳng chịu làm. Hình như đây cũng là trò đùa cợt của lão Hoá Công say rượu.

Nhà thơ Anh Ngọc trố mắt nhìn tôi như nhìn một con quái vật vừa lăn từ đĩa bay xuống nên chẳng biết Maradona là cái gì.

– Đó là một thiên tài bóng đá. – Anh Ngọc giải thích. – Thập kỷ này là thập kỷ Maradona. Cậu rõ chưa? Đó là một siêu sao, một vị thánh sống mà ta có thể nhìn thấy bằng mắt, sờ được bằng tay. Một ông vua không phải khai quật từ khu mộ cổ lên, mà là một ông vua đang hiện hữu, còn nguyên cả cân đai, áo mũ, cùng với những hơi thở thơm tho ngậy ngất. Và như thế, vô tình, cậu là người đại diện cho nhân dân Việt Nam, xem trận đấu cuối cùng của ông Vua bóng đá Maradona, và chứng kiến cái giây phút huy hoàng và suy vong của cả triều đại đó.

IV

Thế thì thật là đau đớn và bất hạnh cho Ngài, hỡi Maradona tôn nghiêm! Người “đại diện” cho nhân dân Việt Nam, một nhân dân yêu chuộng bóng đá và hâm mộ Ngài lại là cái gã chẳng biết Ngài là ai cả. Hình như đây mới là trò đùa đùa cợt nhất của lão Hoá Công nát rượu.

Vào buổi trưa ngày 26 - 6 - 1994, vô tuyến truyền hình Mỹ báo tin buổi chiều Boston có mưa lớn. Cũng lúc ấy, tôi bị lôi ra sân bóng. Bầu trời sậm sịt mây. Những ngọn gió ẩm nặng hơi nước, ngai ngái mùi thảo mộc của những miệt vườn và những khu rừng xanh om hai bên đường cao tốc ủa thốc vào cửa xe. Không khéo mưa to mất. Nhưng ngoài tôi ra, có lẽ chẳng có ai để ý đến chuyện mưa gió ấy. Chiếc xe lao vun vút như một viên đạn đại bác thoát nòng.

Ở sân vận động bao trùm một bầu không khí khác hẳn. Đó là một thế giới hùng hực, náo nhiệt. Một biển người phát điên phát cuồng. Họ trát bột màu xanh đỏ lên mặt mũi, đầu tóc, quần áo. Có cô gái cởi trần, sơn toàn thân màu cờ Argentina. Lại có anh lùn tịt, đội ngất ngểu trên đầu một cái mũ quái dị, cao đến ba bốn mét, xâu xếp bằng những quả bóng màu xanh đỏ, đáng đi lạc lè. Rồi hàng nghìn người tự làm cho mình dị dạng, méo mó, đã thế lại còn múa may quay cuồng, thỉnh thoảng lại hét ré lên như bị chọc tiết. Rồi họ vỗ trống thùng thùng, rúc kèn toe toe. Rồi ống bơ, vỏ bia hộp, kèn sắt tây, ai có gì thì sử dụng cái đó, miễn là vỗ ra được âm thanh, rúc lên thành tiếng động. Sân bóng đúng là một thế giới âm ỉ, huyền ảo và kích động.

Nhà văn Tô Nhuận Vĩ lột phăng áo vét, khoác cái áo phông rộng thùng thình, có in hình quả bóng mà anh vừa mua được ở một ki-ốt bên đường với giá đắt khét lẹt. Chiếc áo dài lướt thướt khiến người anh rúm ró như một chú hề trong rạp xiếc. Còn nhà thơ Phạm Tiến Duật thì không ngừng quất vào cái máy ghi âm. Một thi sĩ lừng danh, giờ hoá anh tường thuật bóng đá kiêm quảng cáo thuốc hôi nách ở một ga xép tỉnh lẻ. Còn nhà văn Nguyễn Quang Thiều và tôi thì chạy lăng xăng như hai thằng trẻ con già khom.

Còn hơn tiếng nữa mới bước vào trận đấu. Nhưng trên sân đã dất đặc người cùng với cờ

quạt và thanh la não bạt. Phần lớn họ là khách xa, đến từ các lục địa khác nhau trên trái đất. Có đến non nửa sân vầy cờ Argentina. Trên không trung có tiếng súng phá mưa nổ lụp bụp. Rồi ánh nắng xuyên qua những lỗ mây thủng, rọi loà loà xuống sân cỏ như một ngọn đèn pha hàng triệu oát. Sân cỏ bùng nằng. Lẻ tẻ xuất hiện vài chiếc máy bay, rồi hàng đàn máy bay đủ các loại, đeo kéo những tà phướn, những tấm biển quảng cáo xanh đỏ các hãng Coca-Cola, ô-tô, rồi Ngân hàng, rồi Viện Sử học, rồi các toà báo mới, rồi hàng trăm công ty, chịu không thể biết được những công ty gì cứ phấp phới quần lượn quanh sân cỏ. Nhưng rồi chẳng còn ai để ý đến những chiếc máy bay, những quả khinh khí cầu quảng cáo ấy nữa, khi cầu thủ hai đội xuất hiện. Sân cỏ ào lên như sôi. Những con rắn xanh, rắn trắng, những nắm giấy vụn không biết được chuẩn bị từ bao giờ tung mù mịt xuống sân cỏ. Các cầu thủ chìm trong màn hoa giấy quái dị. Bầu trời trắng xoá như mưa tuyết.

Trận đấu diễn ra trong tiếng hò reo, la hét điên loạn của cả một biển người. Bấy giờ, tôi mới biết rằng, không chỉ có 22 anh chàng đá bóng trên sân cỏ, mà nhể nhại hơn những gã trung phong chạy như hoá dại ấy là hàng vạn cầu thủ đá bóng bằng... mồm.

Nhà thơ nổi tiếng Phạm Tiến Duật gí cái máy ghi âm tròn như cái nắm đấm sắt vào mồm tôi:

– Xin phép được phỏng vấn chớp nhoáng nhà thơ u tì quốc Trần Đăng Khoa. Là một người không hiểu gì về bóng đá, xem trận đấu này, anh thấy sao?

Thì còn thấy sao nữa? Một biển người điên khùng. Thiên hạ điên hồn nhiên. Còn mình thì phát rồ thực sự. Hình như đây không phải sân vận động mà là một vạc dầu đang cháy. Đấng Hoá Công nát rượu đã ném con người vào vạc dầu. Mà không, lão quẳng chúng ta vào thùng axit đang sôi, khiến cho cả những gã lơ dờ, nghễnh ngãng như tôi cũng cứ nhảy dựng lên như những thằng phải gió!

1994

BI KỊCH CỦA MỘT NGƯỜI NỔI TIẾNG

Này, ngày xưa, ngay cả đến trong mơ, em cũng chẳng dám nghĩ, rồi sẽ có ngày, em lại được gặp bác, được ngồi đàm đạo với bác như thế này.

– Gớm! Có gì mà quan trọng thế?

– Vì bác là một người nổi tiếng, là niềm tự hào của cả vùng này!

– Đến thế kia ư?

– Chứ sao nữa? Đi đâu, em cũng khoe em ở cùng làng với bác. Thế là người ta lại nhìn em trầm trồ. Có người còn ngấm em như ngấm một vị chúa tái thế. Em cũng được sang lây vì bác đấy. Có ông ở mãi huyện bên, cũng nhận xằng là đồng hương với bác. Rồi ông ấy còn khoe thuở chăn trâu cắt cỏ, ông ấy từng đánh nhau với bác, được bác đâm cho mấy quả vào mặt. Đối với ông ấy, đến cái đâm của bác cũng đã thành niềm tự hào. “Đây này, vết sẹo ông ấy đâm tôi vẫn còn đây này.” Rồi ông ấy mang vết sẹo ra khoe. Thực chất, đấy đâu có phải vết sẹo đâm. Chắc hồi còn con nít, ông ấy tắm sông, nhảy phải một cái cọc nào đó...

– Lạ thật! Lại còn có chuyện ấy nữa!

– Thì thế, em mới bảo, bác là niềm vinh hạnh của cả làng này. Em rất tự hào có bác, mặc dù cũng có lúc – em nói thật, bác đừng giận nhé – em rất ghét bác, thậm chí còn căm thù bác...

– Sao vậy?

– Vì mẹ em luôn lấy bác ra làm tấm gương, làm hình mẫu, bắt em phải noi theo.” Đấy, cũng là người mà nó tài thế, giỏi thế. Vua cũng biết mặt, chúa cũng biết tên, còn mày thì vừa ngu vừa dần. Đã thế, cái mặt lúc nào cũng nghênh nghênh như mặt trâu ỉa. Rõ đẹp chữa”. Đấy, bác bảo thế làm sao em không tức. Mặc dù nhiều lúc em chỉ ước thành một người danh tiếng như bác.

– Còn tớ thì lại chỉ mong được như cậu thôi.

– Ôi chết, bác cứ nói đùa...

– Sao lại đùa? Tớ nói thật đấy. Tớ chỉ thèm được như cậu.

– Một người danh tiếng lại muốn làm kẻ vô danh. Bác nói lạ quá!

– Thật đấy chứ. Hay ho gì cái trò nổi tiếng. Bi kịch lắm, khổ nạn lắm...

– Nổi tiếng mà lại bi kịch?

– Mình nói thật đấy. Rất bi thảm. Bi thảm vì cứ phải cao thượng, không được làm người bình thường. Ngay cả chuyện vợ con cũng rất rắc rối. Thuở trẻ trung, tớ yêu một cô gái. Nàng đẹp lắm. Nếu không có vết chũng đậu mờ mờ ở cánh tay óng nuột, có lẽ chẳng ai nghĩ nàng là người của cỗi phàm trần. Cô bé cũng yêu mình. Nhưng bà mẹ nàng thì sợ khiếp vĩa: “Thôi, con ơi, mẹ lay con, con đừng có phiêu lưu. Nó nổi tiếng như thế, đi đâu chẳng có con gái bu như ruồi. Nó yêu gì mày? Nhà ta không có mả táng ở hàm rồng đâu. Mình là đũa mốc. Đũa mốc thì chớ có chòi mâm son!” Ngày nào, bà mẹ cũng nỉ non thế. Cô gái đâm hoảng. Rồi nàng cũng đâm nghi ngờ cả chính bản thân nàng. Nàng thấy nàng thật xấu xí, lại đầy những tội lỗi, không thể xứng

đáng với một người danh tiếng. Nàng tìm mình khóc nức nở: “Anh tha lỗi cho em. Em là một con bé tầm thường, có những khát vọng cũng rất tầm thường. Em chỉ cầu mong có được một người chồng bình dị. Một người đàn ông biết yêu thương em...”. “Thì anh đang yêu thương em đây thôi...” “Không! Không đâu!” Cô gái không tin. Mình càng thề, nàng càng không tin. Rồi nàng dùng dùng bỏ đi. Cuối năm nàng lấy chồng. Lấy một gã ất ơ, rồi đẻ liên tục hai cô con gái. Cô nào cũng đẹp như mẹ. Mình đau đớn lắm. Mãi sau này, may có cô bạn học cùng lớp, cô chẳng quan tâm mình là cái thằng nào, chỉ biết đó là con ông lão đốt gạch, một thằng bạn học cóc cáy thuở ấu thơ từng vay cô tiền vá cái xăm xe đạp bị thủng. Cũng nhờ thế mà mình có được vợ...

– Thế thì bác đâu phải bị kịch?

– Bị kịch chứ. Mình về hưu, về làm một người bình thường. Vậy mà rồi vẫn không sao làm được một người bình thường. Bây giờ vào những ngày lễ tết hay kỷ niệm chiến tranh, nhớ lại một thời bình lửa, người ta mới hát về những người anh hùng, nhưng chỉ hát về những người anh hùng đã khuất, chứ có mấy ai nhắc đến người còn sống. Người ta quên bọn mình rồi. Mình không buồn. Thậm chí còn rất sung sướng vì điều đó. Nhưng ở cái làng này thì vẫn chẳng ai quên. Thế mới khổ. Nhà mình dột, vợ mình ốm, con mình đói, cả nhà chẳng còn cái gì ăn, mình đi đánh xe bò chở cát thuê cho mấy thằng lái buôn xây biệt thự, cậu chủ tịch xã đến lạy như tể sao: “ấy chết, bác đừng làm thế. Bác đã đánh thắng Pháp, đánh thắng cả Mỹ, bây giờ lại đi đánh xe bò. Không được đâu. Anh hùng ai lại đánh xe bò”. Mình vác giậm ra ngõ, thằng xã đội trưởng cũng lại đến ngăn: “Chết chết, không được đâu, bác ạ, anh hùng sao lại đi đánh giậm, bác làm thế không được đâu. Nghịch mắt lắm”.

– Họ nói vậy cũng phải đấy, bác ạ!

– Phải là phải thế nào?

– Bác là anh hùng, là một người danh tiếng, niềm tự hào của cả làng, cả xã. Anh hùng đi đánh giậm, nghe bôi bác xã hội quá. Mà bác làm thế là bác bỏ cái làng này, không được đâu. Khéo không người ta lại quy kết lập trường quan điểm của bác có vấn đề đấy.

– Đến cả chú mà cũng nghĩ như thế à? Ồi giời đất ơi! Vợ tôi ốm, con tôi đói. Tôi cũng cần phải ăn, phải uống như mọi người. Các người có còn muốn cho tôi sống nữa không? Hả, các người có cho tôi sống nữa không?..

CHUYỆN Ở QUẢNG BÌNH

I

Vào những ngày tháng Bảy, không hiểu sao, tôi cứ lẩn mẩn nghĩ đến mấy câu thơ Chính Hữu viết về đồng đội. Câu thơ thật giản dị mà lại sâu sắc, ám ảnh. Đối với Chính Hữu, đồng đội là hóp nước uống chung, miếng cơm sẻ nửa, là chia nhau một sớm nắng, một chiều mưa, chia khắp anh em một mẫu tin nhà, chia nhau đứng trong chiến hào chật hẹp, chia nhau nụ cười, chia nhau cái chết...

Vâng! Đúng là như vậy đấy. Và ngay cả khi đã chết rồi, những người lính ấy vẫn chẳng lìa nhau. Dù ngã xuống ở Điện Biên hay trước cửa ngõ Sài Gòn, họ vẫn cùng chung một ngày giỗ: Ngày 27 - 7.

Vào dịp giỗ đồng đội năm nay, tôi lần vào Trường Sơn, một rẻo chiến trường nóng bỏng và khốc liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Chuyển đi thật tình cờ, nên tôi chẳng kịp chuẩn bị gì. Cũng chẳng có ý đồ gì. Ông bạn thân của tôi, nhà báo Trinh Bá Ninh, phó tổng biên tập báo Nông nghiệp, bất ngờ đến bảo: "Này, tớ sắp đi miền Trung, Tây Nguyên, vào cả Trường Sơn đấy!". "Xe rộng không?". "Làm gì có xe mà rộng. Phương tiện công cộng thời kinh tế thị trường. Tàu hoả. Xe ôm. Xe ca. Xe ngựa. Tùy. Tha hồ mà chọn. Đi không?" Ông bạn ngênh nghếch nhìn tôi qua cặp kính cận dày cộp: "Vào Trường Sơn, không khéo ông sẽ viết được một cái gì đấy. "Ồi dào! Việc viết văn như đi câu. Ai biết trước mình sẽ vớ được con cá gì? Nhưng rồi máu giang hồ bỗng thức dậy. Thôi thì đi. Đi trước hết để biết. Trường Sơn với tôi vẫn là một vùng bí ẩn.

Thế là chúng tôi đáp tàu đêm vào Quảng Bình. Điểm đầu tiên cần đến là huyện Bố Trạch. Đó là nơi bắt đầu con đường mòn Hồ Chí Minh. Cũng là khởi điểm của dãy Trường Sơn hùng vĩ và bi tráng. Một dải đất hẹp hun hút gió Lào và nắng lửa, lại phải hứng chịu quá nhiều bom đạn và những di chứng nặng nề của cuộc chiến tranh. Hai bên đường, những chòm xóm bơ phờ, xơ xác, những mái gianh thấp sè, lụp xụp, nom tạm bợ như những mái lán dã chiến mà một lớp thanh niên xung phong nào đó vừa dựng tạm vào lúc nhập nhoạng tối. Chiến tranh đã tắt hai mươi mấy năm rồi, vậy mà Bố Trạch Quảng Bình dường như vẫn chưa ra khỏi cuộc chiến.

Xế chiều, chúng tôi dừng nghỉ lại ở nông trường cao-su Lệ Ninh. Trong những năm chiến tranh, nông trường này là mặt trận căng thẳng. Công nhân vừa sản xuất vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Không thể kể xiết những hy sinh tổn thất. Bao nhiêu xe cộ, máy móc bị chôn vùi ở bến phà Long Đại. Chưa tính người già và trẻ con, chỉ riêng cán bộ, công nhân, số lượng liệt sĩ của nông trường đã lên đến 298 người. Bản thân giám đốc Hoàng Viết ái cũng đã từng là một... liệt sĩ. Bây giờ ngồi trước mặt tôi, anh vẫn còn bàng hoàng, không hiểu vì sao mình lại thoát chết. Hồi còn nhỏ, đang học lớp Tám, Hoàng Viết ái đã từng một mình hứng trọn cả một quả bom tấn. Quả bom nổ trước anh chỉ có ba mét cách một bờ mương. Lần ấy, chính cái bờ mương đã cứu anh. Anh chỉ bị bom vùi. Đám dân quân của nông trường đã bới anh từ đất lên. Rồi anh ra Hà Bắc học khoá 3 Đại học Nông nghiệp. Cuối năm 1971, anh vào lính, là hạ sĩ, trung đội trưởng, tiểu đoàn 7, trung đoàn 66, sư đoàn 10. ái chiến đấu ở Tây Nguyên, rồi Đắk Tô, Tân Cảnh. Tiểu đoàn Bảy của anh có nhiệm vụ đánh chiếm Quảng Trị. Do trình sát không kỹ, nên không phát hiện được tuyến hầm ngầm của địch. Chiếm lĩnh trận địa rồi, lại thấy địch từ trong đất vọc dậy như ma. Những trận đánh giáp lá cà ngập ngựa trong máu. Rồi địch tái chiếm Quảng Trị. Đại bác từ ái Tử bắn ra. Pháo từ biển bắn vào. Rồi bom từ trời giội xuống. Đất thành đá. Đá thành vôi. Cả tiểu đoàn của ái chỉ còn sót lại ba người. Anh bị thương nặng. Chính trị viên đại đội băng bó cho anh, rồi dặn: "Cứ nằm đây nhé. Rồi mình vào đưa ra! "Nhưng mãi

chẳng thấy chính trị viên vào. ái vẫn nán chờ. Anh không biết chính trị viên đã hy sinh, nằm vắt mình trên mẩu tường cụt, chỉ cách anh có vài ba bước. Rồi ái ngất đi. Chính tiếng súng phản công của đồng đội đã làm anh bừng tỉnh. Tiểu đoàn 8 đang mở đường máu để đưa thương binh và liệt sĩ ra. ái lấy hết sức lực, nhào người khỏi hốc tường đổ. Trong đầu anh lúc bấy giờ chỉ loé lên một ý nghĩ: Phải trườn ra, cố gắng trườn ra, để đồng đội còn biết mà nhặt xác mình. Thế rồi đồng đội “nhặt” được anh thật. ái tỉnh dậy ở trạm phẫu thuật tiền phương. Rồi anh được chuyển ra Sầm Sơn an dưỡng. Trong thời gian đó, ái quyết định về thăm nhà, nên không thư từ, tin tức gì cả. Anh muốn gia đình có một niềm vui thật bất ngờ. Sau này, ái cứ ân hận mãi vì cái trò ú tim rất trẻ con ấy. Bởi cả nhà đã để tang anh. Người vợ trẻ cưới anh năm 19 tuổi, đến năm 20 đã goá chồng. Chị ốm đến rụng hết cả tóc sau cái lễ báo tử và truy điệu ái. Rồi ái đột ngột về. Cả nhà đã nguôi ngoai lại oà khóc như có đám tang. Bà mẹ tắt tả đập xe từ ủy ban xã về. Bà quàng quàng vợ nhăm xe người khác mà cũng chẳng biết nữa. Trông thấy con trai, bà nấc lên, rồi cứ thế đổ sập xuống như cái cây bị bão. May mà cấp cứu kịp. Lúc đó, ái mới biết, niềm vui đột ngột quá, to lớn quá, cũng có thể giết chết người.

– Anh vào Quảng Bình chuyến này là hay lắm đấy! – Sau một hồi chìm đắm trong ký ức chiến tranh, ái hỏi tôi. – Anh đã đến động Phong Nha chưa?

– Động Phong Nha nào?

– Ồ, thế thì anh không biết rồi. Đây là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Quảng Bình. Cái động này, nghe đâu, trước đây, vua Hàm Nghi đã từng trốn ở đó. Đẹp tuyệt vời. Người ta bảo đây là Đệ nhất động. Chưa đến Đệ nhất động thì coi như chưa đến được Quảng Bình.

II

Đi qua Đệ nhất động chừng hai mươi cây số, còn có một cái động khác nữa cũng không kém phần nổi tiếng, đã hoá bảo tàng lịch sử có một không hai của tỉnh Quảng Bình. Cái động ấy mang biệt danh quân sự K18. Đó là cái hang đá ở cây số 16 trên đường 20, con đường huyết mạch ở phía Tây Trường Sơn, nối với đường mòn Hồ Chí Minh lịch sử. Trong những năm chiến tranh, để mở con đường chiến lược này, đơn vị B67 Bộ Giao thông vận tải đã huy động quân đông tới mức, nói như một phóng viên thời ấy, thì “một mét đường một người”. Họ đã xé dọc Trường Sơn để phục vụ chiến dịch. Đánh hơi thấy con đường, giặc Mỹ cũng huy động đến tối đa sức mạnh quân sự mà chúng có được để hủy diệt. B52 ngày đêm chà đi, xát lại. Núi lở. Rừng cháy. Sông cạn. Suối khô. Núi đá bốc mùi vôi khê nồng nặc. Mặc dù thế, người, xe, đạn dược, vũ khí, thực phẩm vẫn như dòng lũ lớn, cuồn cuộn chảy qua đây, đổ vào chiến trường. Hàng vạn thanh niên xung phong đã lấy máu mình nuôi sống con đường. Người có thể chết, chứ con đường không thể chết.

Ở cái cung đường khốc liệt, tưởng như chỉ có bom đạn, lửa cháy, máu đổ, ai ngờ lại nảy sinh một mối tình thật cảm động. Gọi là tình yêu thì hình như là chưa phải. Chàng lái xe đă phải lòng một cô gái mở đường. Cô gái đã băng qua bom đạn cứu xe anh trong một lần đường tắc. Thế rồi anh nhận ra cô là người cùng quê, thuở bé lại cùng học một trường. Và rồi tình yêu nảy sinh từ lúc nào không biết nữa.

Buổi sáng ngày 14 - 11 - 1972, sương mù dâng cuồn cuộn. Cung đường âm u trong bầu sương núi và yên tĩnh đến rợn người. Trong khoảnh khắc ấy, ngỡ như không hề có chiến tranh. Chàng trai cùng ba người bạn lái xe túc tắc cắt rừng băng tới thăm đồng hương cùng bạn bè cô. ở chiến trường khốc liệt này, thật khó kiếm được một giây phút thanh thản như thế. Bởi vậy, họ vừa đi vừa chạy. Gặp nhau chưa kịp thở thì B52 đã ập đến. Tám người vừa tấp vào hang đá thì bom đã xối và cả cánh rừng rung chuyển như động đất. Một khối đá lớn, nặng đến mấy vạn tấn từ đỉnh núi hồng học lao xuống, điền khùng bít kín cửa hang. Vũ Xuân Hoàng, anh bạn dẫn

đường của tôi, người đã trực tiếp chứng kiến cảnh ấy, nhớ lại:

– Lúc đó, quả thật là không thể tưởng tượng được. Tất cả diễn ra nhanh quá. Không biết ở đâu lại nảy nòi ra cái khối đá ghê tởm như vậy. Ngay sau khi ngót bom, đơn vị đã đổ lực lượng ra để phá sập, cứu người. Nhưng vị trí quá hiểm hóc như anh thấy đấy, chỉ có một con đường nhỏ hẹp vắt ngang sườn núi, một bên là vực sâu hun hút như thế này, biết xoay xở ra sao? Chúng tôi đã dùng hai xe ủi, buộc cáp, kéo khối đá ra. Nhưng khối đá vẫn cam lạng, không nhúc nhích, mà rớt cuốc, cả hai xe đều lăn xuống vực. Lái xe hy sinh. Chúng tôi bàng hoàng, bất lực. Chỉ còn cách đánh mìn phá cửa hang thôi. Nhưng dùng mìn với bộc phá quá bằng giết anh em. Người trong hang kêu cứu, rồi phấp phỏng hy vọng. Người ngoài hang chỉ còn biết khóc rầm rức, vì hoàn toàn tuyệt vọng. Chưa bao giờ tôi ở trong một hoàn cảnh kinh khủng như thế. Trông thấy anh em chết đấy mà chịu. Bây giờ nghĩ lại còn thấy rùng mình. Chúng tôi có ác với ai bao giờ đâu mà sao giờ lại ác với chúng tôi như thế cơ chứ. Cực quá. Thế rồi, chẳng ai bảo ai, chúng tôi dồn tất cả đường sữa mình có được, dành hết cho anh em. Rồi lái xe, rồi bộ đội đi qua, ai biết cũng để đường sữa lại. Ngay cả lúc trong hang không còn tiếng kêu nào nữa, có anh lái xe vẫn lấy hộp sữa cuối cùng của mình ở trong ca-bin, để vào đồng sữa trước cửa hang, rồi mới lái xe đi. Chiến trường những năm đó, anh thấy đấy, khan hiếm lắm. Cái gì cũng khan hiếm. Đường sữa thật quý hơn vàng. Vậy mà ở đây, đường sữa chất thành đồng. Chúng tôi luôn ống nhựa vào hang, rồi thay nhau rót sữa vào...

– Nhưng anh có dám chắc rằng, đường sữa đến được tới anh em không?

– Hả? Cái gì? Anh hỏi gì? Đường sữa liệu có tới được với anh em không ư? Trời ơi, sao anh lại có câu hỏi tàn ác như thế?

Hoàng dăm dăm nhìn tôi, ánh mắt bỗng bạc ra. Rồi anh sụp xuống:

– Ừ, mà đã chắc gì... Mười bốn ngày sau thì tiếng kêu cứu trong hang lịm tắt. Chúng tôi vẫn tiếp tục rót sữa. Mấy ngày sau còn rót sữa. Rót như một nỗi ám ảnh. ừ, mà đã chắc gì sữa tới được với anh em. Cái hang tối thế, sâu thế, ngoắt ngoéo thế, mà khối đá chắn cửa lại to thế. Biết đâu, mình lại chẳng rót sữa vào một hốc đá nào đó. Trời ơi!..

Nói rồi, Hoàng khóc. Khóc rầm rức như một đứa trẻ bị đòn. Chiến tranh ngỡ như vừa xảy ra, chứ không phải là chuyện của mấy chục năm trước. Thật đáng sợ khi phải nhìn một người đàn ông khóc, với những giọt nước mắt của tuổi xế chiều.

Bây giờ thì cái hang định mệnh ấy đang ở trước mặt tôi. Vách đá sừng sững, xám ngắt một màu tê tái. Ngổ ngang những chân hương cháy dở. Người ta cắm hương quanh tấm bia đá tưởng niệm. Người ta còn treo gương lược, cài bồ kết lên vách đá. Tiếng ve rừng sôi lên từng đợt, rồi đột ngột nấc nghen. Rồi lại bắt ngờ oà lên, nghe như xé ruột gan. Dưới kia, vực khe rậm rì cây lá. Có tiếng suối mờ tỏ đâu đó trong làn sương khói u u mình mình. Con đường 20 chìm ngập trong cây rừng và cỏ dại. Thời gian đã phủ lên nó vẻ thâm u, hoang dã vốn có của đại ngàn. Nhưng những người lính nằm lại đây thì vẫn không bị thời gian vùi lấp. Bộ Thương binh Xã hội và chính quyền tỉnh Quảng Bình đã quyết định khoan đá, mở cửa hang, đưa di hài anh em về nghĩa trang liệt sĩ huyện Hoằng Hoá, Thanh Hoá. Thứ trưởng Bộ thương binh Xã hội Nguyễn Lương Trào cùng đoàn tùy tùng của ông đã băng rừng, lội suối vào đây, đặt hoa, thắp hương và báo cáo trước các anh linh liệt sĩ về quyết định của Bộ và tỉnh Quảng Bình. Sau đó, tiếng mìn mở đầu công trình đã phát nổ. Một đại đội công binh đảm trách công việc đã cắm lều, dựng bạt ngay tại đây và lao động quần quật suốt hai tháng trời liền mới đục xong được cửa hang. Vũ Xuân Hoàng bùi ngùi:

– Khi cửa hang lộ ra một khoảng tối sẫm, có ai đó kêu lên: “Cửa mở rồi!” Và đột ngột cất tiếng gọi: Mai ơi! Tổ ơi! Lương ơi!.. Thế là còn lên những tiếng gọi. Họ gọi tên những người ở trong hang. Rồi im lặng. Im lặng đến lạnh người. Thực tình, lúc đó, tôi chỉ mong trong hang

không có gì cả. Nghĩa là tuyệt nhiên trong hang không có một mẫu xương nào. Thế nghĩa là anh em đã thoát ra được. Chuyện ở K18 chỉ là lời đồn đại, là cơn ác mộng của những người lính trận mà thôi. Và quả thật, cái hang trống vắng đến hoang lạnh. Đập vào mắt tôi lúc ấy là một quãng sáng xanh ảo. Đó là đồng tro đã tắt. Tôi đưa tay gạt lớp tro phía trên thì trời ời, người. Xương người cùng với những lọn tóc dài, những đôi dép râu đã mòn vẹt quai gót mà vẫn còn dính bề bề những đất. Cả một khối xương chồng lên nhau. Có lẽ trong những giây phút hiểm nghèo nhất, lúc trút hơi thở cuối cùng, những người lính đó đã ôm riết lấy nhau, che chở cho nhau. Người chết che chở cho người chết. Không biết họ nghĩ gì trong những giây phút cuối cùng của cuộc đời mình? Anh em trong đội thu gom hài cốt liệt sĩ đã nâng niu sàng lọc từng vốc đất để nhặt từng mẫu xương vụn. Khi rảnh xương cuối cùng được đưa vào túi ni-lông, thì bất chợt tôi như nghe thấy tiếng kêu: “Cứu con với, mẹ ời” !

– Trời! Có người! Có người!

Cậu lính trẻ rưng rờ kêu lên. Chúng tôi bàng hoàng quay lại. Dường như ai cũng nghe thấy tiếng kêu cứu ấy. Chúng tôi vội vã rọi đèn pin, lục tìm khắp các xó xỉnh trong hang, nhưng chẳng thấy gì, ngoài những giọt nước mắt của các nhũ đá nhỏ âm thầm trong bóng tối.

Ngoài kia là đại ngàn trùng điệp. Những đỉnh núi xanh mờ chìm khuất trong bóng hoàng hôn tím sẫm, bí ẩn.

– Này, liệu có còn những K18 nào nữa trong những dãy núi kia không?

Nhà báo Trịnh Bá Ninh quay lại hỏi tôi. Câu hỏi ấy, chỉ Trường Sơn mới có thể trả lời được. Nhưng Trường Sơn chỉ im lặng xanh. Xanh như không hề có máu đổ. Xanh như là chẳng có chuyện gì...

1997

NGƯỜI CỦA THẾ KỶ TRƯỚC

Đó là cụ Đình Thị Khuyên, người làng Bò, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Đến cái Tết Con Lợn này(*), cụ mới tròn... 106 tuổi xanh. Thế nhưng trông vóc dáng cụ, nhất là nghe cụ nói, thì chẳng ai nghĩ cụ là người của thế kỷ trước. Bởi cụ có vẻ như rất trẻ, lại xăm xắn, nhanh nhẹn như người đương thì. Gương mặt căng. Da đỏ hồng. Tai to như tai Phật. Mái tóc cắt ngắn, loáng thoáng vài ba sợi bạc. Đôi mắt đen và sắc. Cụ vẫn tự khâu kim, khâu vá mà không phải nhờ con cháu. Giọng cụ sang sảng. Điều đáng kinh ngạc nữa là cụ có trí nhớ lạ kỳ, lại sắc sảo, thông minh và hóm.

Tôi ngồi lặng lẽ ngắm cụ như ngắm một ngôi chùa cổ. Hình như điều đó làm cụ ngạc nhiên:

– Sao? Anh trông tôi có giống con voi không? Chỉ có con voi mới sống dai thế chứ! Tôi là con voi đấy. Con voi một ngà!

Thực ra, voi không phải là con vật sống lâu. Theo các nhà sinh vật học, thì con voi nào khoẻ nhất cùng lắm cũng chỉ “thọ” được đến bảy mươi năm.

– Thế thì tôi là mẹ của con voi rồi!

Cụ Khuyên lại cười. Nụ cười có vẻ như là bốn cợt. Và tôi lại rơi hết từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Không thể ngờ đó lại là ngôn ngữ của bà cụ 106 tuổi. Tôi vội bật máy ghi âm, trong đầu chợt nảy ra ý định ghi lại nguyên xi cuộc nói chuyện, để làm kỷ niệm, để bè bạn cùng nghe, kéo sợ kể về cụ, nhiều người không tin, lại cho là tôi bịa chuyện.

– Tôi chỉ còn có mỗi một cái răng thôi. Thế nên mới là con voi một ngà. – Cụ Khuyên giải thích cho cái câu nói hóm hỉnh vừa rồi. Dường như cụ sợ tôi không hiểu. – Răng tôi rụng sớm lắm. Rụng hai mươi năm rồi. Năm ấy, tôi mới có... 86 tuổi.

– Thế cụ có phải dùng răng giả không?

– Không! Răng giả thì ăn thế nào được. Mà sao phải dùng răng giả? Tôi là tôi chúa ghét cái trò đen bạc, giả dối.

– Thế cụ nhai thế nào?

– Thì tôi vẫn nhai. Nhai bằng lợi. Rồi lâu cũng quen. Tôi vẫn ăn được mỗi bữa hai, ba bát. Cuối bữa còn làm thêm mấy miếng cháy cho thơm miệng.

Ngừng một lát, cụ tiếp:

– Nói, anh lại cười, chứ tôi khổ lắm. Có dạo đói lắm. Nhất là cái đận mới bỏ quê, dắt díu nhau lên khai hoang ở Thái Nguyên này. Trong túi chẳng có lấy một xu. Muốn mua chịu một chĩnh muối cũng chẳng ma nào chịu bán. Không có tiền là nhục lắm. Làm đến ông Giời mà nghèo, thì cũng vẫn chẳng ra cái thẳng người.

Tôi ngạc nhiên:

– Thế ra cụ không phải người trên này?

– Không quê tôi ở dưới kia. Mãi mạn Hà Nam. Nhưng vùng tôi dạo ấy nghèo lắm, lại quanh

năm lụt lội. Làm đến thân con trâu, con bò mà cũng chẳng có cỏ mà nhai. Thế thì phải chạy thôi. Tôi bỏ quê lên trên này vào ngày 11 - 10 - 1950. Thoát đầu tôi đi buôn. Buôn đầu chợ, bán cuối chợ. Khi thì mấy mớ rau. Khi thì vài đẩn mía. Loanh quanh thế thôi. Thế mà ngày cũng bòn được mấy hào bạc nuôi 5 đứa con đại.

– Thế cụ ông đi đâu?

– Cụ nhà tôi mất sớm lắm. Mất từ năm 1946. Trước đây, ông cụ làm nghề cắt tóc rong. Nhưng được đồng nào lại ném hết vào bàn tổ tôm, xóc đĩa. Vợ con chẳng được nhờ. Tôi đẻ đến 10 bận. Nhưng ông Giời chỉ để cho 5 đứa con. Cái năm ông nhà tôi mất, thằng con út tôi mới lên bốn tuổi...

– Thế cụ không đi bước nữa?

– Đi đâu? Ai dám rước một con mẹ mướp với 5 đứa con nheo nhóc? Vả lại, hồi ấy, tôi cũng đã 57 tuổi. Đàn ông thời ấy, ở cái tuổi như tôi, trông ai cũng hom hem cả. Mình một nách đã 5 đứa con, lại phải cấp thêm một ông lão nữa, sống sao nổi? Thế là tôi ở vậy. Rồi đầu cũng vào đấy cả. Ngẫm lại đời mình, tôi thấy tôi khổ quá. 16 tuổi bố chết. 18 tuổi mẹ chết. 19 tuổi lấy chồng. Đầu năm cưới, cuối năm có con. Rồi giường cút chiếu dài, khổ ơ là khổ!

Bà cụ nói về nỗi khổ của một kiếp người, mà gương mặt lại cứ tươi rói. Tôi hỏi cụ xem cụ có cách gì mà kéo dài được tuổi thọ, lại có được sự minh mẫn đến lạ thường.

– Ổi giời, cái đó thì tôi chịu. Tôi không biết đâu. Anh hỏi thằng con trai tôi ý. Nó biết đấy!

Nói rồi, bà cụ đưa mắt liếc xéo sang phía người con trai út của mình, là ông Đoàn Đình Thế, chủ tịch huyện Phú Lương. Nhưng ông Thế chỉ cười. Nụ cười ngòn nghén, e thẹn như một trang thanh niên vừa mới thối dậu.

Cụ Khuyên cười dუმ dუმ:

– Nói anh đừng cười nhé. Tôi chẳng để được cái gì ở trong bụng đâu. Có gì là cứ tuôn ra mồm hết. Tôi chẳng hề ghét ai bao giờ. Em ruột tôi khác hẳn tính tôi. Dì ấy kém tôi có hai tuổi thôi mà chín chắn lắm. Hiện dì ấy đang giữ cháu cho thằng chắt ngoại ở Hà Nội. Hôm vừa rồi dì ấy về đây, dì ấy cứ cần nhẩn: “Gớm, sao bá nói lắm thế? Cứ cầm cạp suốt ngày như con vịt già.” Thằng Thế cũng a dua: “Thôi, u nói ít thôi.” Thế là tôi nổi đoá lên. Sao phải im lặng? Con người khác hòn đá là nó có cái mồm. Ngay cả chuyện vui, không nói, cứ để trong bụng, lưu cữu mãi rồi cũng hoá thành khí độc. Tôi chẳng bao giờ để chất độc trong người.

Tôi tò mò:

– Trong các món ăn, cụ thích món gì nhất?

– Tôi chẳng thích món gì cả. Nhà có gì, ăn nấy. Cũng chỉ rau mồm thôi. Khi nào tôi ốm đau, hoạ hoản lắm, cháu nó mới mua cho tí thịt.

– Thế địa phương có giúp gì cụ không?

– Có. Nhưng tôi gạt đi. Rõ khéo vẽ chuyện. Vả lại thằng con trai tôi làm chủ tịch huyện, chẳng mừng thọ, mừng thiếc gì, kéo thiên hạ họ lại bảo con bày vẽ ra để lấy quà cho mẹ, mang tiếng là tham nhũng. Tôi là tôi súp tất. Với nữa, tôi đâu có đói để phải cần ai giúp đỡ. Con cháu đầy đàn, đầy đồng, sao phải nương nhờ xã hội? Mà tôi còn sức chán. Tôi làm tôi ăn. Ngày ngày tôi vẫn đi hái chè. Chỉ có mấy tháng gần đây, tôi bắt đầu thấy mỏi lưng, con cháu không cho tôi gánh gồng nữa. Nhưng tôi vẫn đi hái chè...

– Sắp tới về Hà Nội, con sẽ chép cái băng ghi âm này ra, cho vào một cuốn sách, để nhiều người cùng đọc. Cụ có điều gì khuyên các bạn đọc trẻ không?

– Ồi giời! Tôi thì còn khuyên nhủ được ai? – Cụ Khuyên giãy nãy. – Ngay cái lũ cháu chắt tôi kia kìa, chúng nó cũng có thềm nghe tôi đâu. Bọn trẻ nó sống theo cách sống của chúng. Đến bố mẹ chúng, chúng còn chả nghe, nữa là nghe bà Khốt đã ngoài trăm tuổi. Mà ngay cả anh nữa, anh cũng tưởng chúng nó nghe anh à? Không có chuyện ấy đâu nhá!

1995

() Năm 1995.*

HUYỀN THOẠI CHỢ TÌNH

I

Từ lâu, tôi đã nghe người ta kháo nhau về một cái chợ ở Sa Pa. Chợ lạ lắm. ở đó không bày bán những mặt hàng phàm tục mà người ta có thể mua bán, đổi chác bằng tiền bạc. Mỗi năm một lần, chợ là nơi gặp gỡ của những số phận người, những mối tình dang dở, những nỗi ẩn ức, ngang trái, nhưng mà đẹp. Đẹp nào nuốt. Những người yêu cũ đến đó để gặp nhau, sống hết mình với nhau trong chốc lát. Đó là ngôi đền linh thiêng, ở đây chỉ có tình yêu ngự trị. Các ông chồng, bà vợ tẻ nhạt chỉ được đứng ngoài cửa. ối giờ, đến thế thì ghê quá. Hoá ra đồng bào dân tộc mình thoáng thật. Thoáng đến thế thì Tây cũng thua. Tàu cũng thua.

Cũng vì những lời đồn thổi như thế mà chúng tôi quyết lên Sa Pa, tìm thăm chợ tình. Anh bạn người Tày đi cùng tôi, không giấu được nỗi rạo rức:

– Em thì lại nghe nói cái chợ ấy ở Khau Vai, mỗi năm chỉ họp có một lần. Đến Khau Vai thì người ta lại bảo: Không phải đâu. Chuyện ấy ở Sa Pa đấy!

Chiếc xe rú ga hăm hở lên dốc. Nắng sớm vàng ánh như mật ong, chảy đầm đìa suốt mấy rẻo rừng, tràn cả xuống thung lũng bên kia triền núi. Những đồng mây trắng xốp, chẳng biết từ xó xỉnh nào bỗng đột ngột xuất hiện, rồi lừng lững đi qua đường, thốc cả vào xe, tấp lên mặt ta một thoáng lạnh xa ngái, khiến những gã trần tục cũng hoá kẻ mơ mộng, cứ ngỡ mình thành Nam Tào, Bắc Đẩu, đang cưỡi xe mây bay lên mấy tầng trời. Bên kia thung, những thửa ruộng bậc thang buông từ lưng trời xuống những tấm lụa thổ cẩm. Thiên nhiên đang trải thảm cho những lứa đôi đi vào chợ tình đấy!

II

Bây giờ thì cái chợ huyền thoại ấy đã ở trước mắt tôi. Giữa trung tâm khu vực được gọi là chợ tình, một tháp chuông nhà thờ mờ ảo trong sương khói. Bãi đá bóng bở hoang. Cột gôn xiêu vẹo, buộc ngơ ngác mấy con ngựa thồ, ngổn ngang những bãi phân ngựa. Nước đọng từng vũng, chỗ đen thẫm, chỗ nâu xỉn, rỉ rỉ chảy ra rãnh thoát nước ven đường, thoang thoang mùi xú ối. Quanh bãi, la liệt những chậu than hồng. Các cô gái tới tấp quạt ngô nướng. Xuôi xuống phố, con đường nhựa chạy qua chợ Sa Pa, hai bên đường là những nhà hai tầng, ba tầng, tầng tầng lớp lớp bày la liệt những hàng tạp hoá. Rồi đồ nhựa, vải vóc, túi thổ cẩm. Chẳng còn thiếu thứ gì. Nó cũng tíu tít, tấp nập như một cái chợ dưới xuôi.

Vào những ngày thứ bảy, khách đến đông nghịt. Những ngôi nhà bên đường phải dẹp bớt chỗ ngủ làm phòng trọ. Các khách sạn phải đăng ký trước ba bốn ngày mới có chỗ nghỉ. Cả đường phố ồn ào. Người nọ chen người kia, lần lượt đi lên lại đi xuống, đi xuống lại đi lên, tay cầm bắp ngô nướng, vừa đi vừa nhai nhóp nhép, rồi lại hỏi: “Chợ tình ở đâu?”. “Chợ tình ở đâu nhỉ?”. Cột đèn cao áp toả sáng rực xuống mái phố, đường phố, thỉnh thoảng lại mờ ảo hắt đi vì một đám mây trắng bay qua. Người miền núi, những chủ nhân thực sự của chợ tình thì không biết chợ tình. Họ xúng xính trong những bộ váy áo sắc sỡ nhất. Nhiều cô gái tay còn dầm màu xanh sẫm do nhúng quá lâu trong những thùng nhuộm quần áo. Bên bãi đá, các chàng trai mang khèn Mèo ra thổi. Vừa thổi vừa nhảy lò cò. Tiếng khèn ẹ ẹ như tiếng gà trống choai đang tập gáy. Có lẽ cuộc hát đã bắt đầu chăng? Tôi vội rẽ đám đông, lách vào. Té ra mấy chàng đang quảng cáo khèn và hướng dẫn luôn cách thổi cho khách. Mấy cô gái mũ đỏ, bầu má cũng đỏ au

như trái táo mèo chìa cái vòng bạc ra trước mặt tôi.

- Mình không đeo được vòng bạc đâu. Chỉ thích nghe hát thôi.
- Không có biết hát đâu à! Cái này nó biết hát đấy, nhưng phải trả tiền cho nó!
- Đừng nói thế, các anh ấy lại coi thường người dân tộc mình mà!

Rồi lại đùn đẩy nhau, chúi vào lưng nhau. Một cô nương nghịu hát, tiếng rất nhỏ, chỉ thấy i i i như tiếng dế kêu.

Trên đỉnh dốc, ngang bãi đá có tiếng hát khá nồng nhiệt. Đấy mới đúng là cuộc hát. Một chàng hát đối đáp. Nhưng không phải người. Đó là những cái cassette Trung Quốc. Chàng trai bật băng. Cô gái cũng bật băng đáp lại. Túi nào cũng lủng củng những cuốn băng ghi sẵn câu hát. Người mới qua tưởng là cuộc đấu đài. Chàng trai H'mông cười nương nghịu:

– Mình phải nhờ cái mồm sắt này nó hát hộ thôi. Hát bằng mồm mệt lắm. Ồ, mà cái mồm sắt này nó cũng mệt rồi. Nó đói rồi. Nó đòi ăn pin đấy. Phải cho nó ăn pin thôi!

Chả lẽ cái chợ tình huyền thoại, làm sao động bao trái tim con người chỉ có thể thôi ư? Tôi ngờ ngợ như mình đi nhầm. Hình như không phải cái chợ này rồi. Tôi quay lại hỏi chàng trai H'mông đang ngồi xổm trên dốc đá, lúi húi cho cái mồm sắt ăn pin:

– Ở đây còn có cái chợ nào nữa không?

– Cán bộ ở đâu đến đấy? – Anh chàng nhìn tôi ngơ ngác – Ở cả vùng này chỉ có mỗi cái chợ này thôi!

Đến khi tôi hỏi về cái chợ huyền thoại, ngôi đền thiêng của những người yêu cũ, thì anh chàng ớ ra:

– Ồ, cái đó thì mình không biết đâu. Cán bộ hỏi người già. Người già biết đấy.

Nhưng rồi người già cũng chịu. Bà Giàng Thào Mi, người bán thuốc Bắc trong chợ Sa Pa cười trơ cả lợi:

– Mấy người Kinh buồn cười lắm lố. Toàn hỏi mình như cán bộ hỏi thôi. Đồng bào mình không biết chuyện đó đâu. Chợ này họp quanh năm mà. Chỉ tối thứ Bảy, ngày Chủ nhật, trai gái mới gặp nhau, hát giao duyên. Ai yêu nhau thì thành vợ thành chồng. Nó là cái chợ văn hoá mà. Ở đây, đồng bào mình vẫn gọi là chợ văn hoá. Các cán bộ ở đây cũng gọi là chợ văn hoá. Thế mà có bao ông giám đốc, mang theo các cô thư ký ở Hà Nội xuống đây, cứ hỏi mình chợ tình. Không có chợ tình, thì họ tự mở chợ tình với nhau ở trong các chuồng chim, chuồng thỏ kia kia...

Nói rồi, Giàng Thào Mi cười hi hí, chỉ lên các triền đồi. Ở đó thấp thoáng những ngôi nhà trọ chìm trong cây lá, dành cho khách vắng lai...

– Đấy, chợ tình của người Kinh đấy. Còn đồng bào mình khổ lắm. Suốt ngày đầu tắt mặt tối kiếm tiền nuôi con. Đồng bào mình không biết cái chuyện đó đâu hờ...

THÀY CŨ

Người thầy cũ của tôi là một giáo sư nước ngoài. Ông là người Nga. Trong đời tôi, may mắn sao, tôi có một khoảng thời gian khá dài theo học một khoá đào tạo cơ bản ở Học viện Văn học M. Gorki. Đối với tôi, mỗi giáo sư ở Học viện này đều là những học giả lớn. Có người như một nhà tiên tri. Đó là trường hợp giáo sư tiến sĩ I. Kunhitxun. Ông là giáo sư triết học, nhà giáo công huân Liên Xô. Buổi giảng nào của ông, giảng đường cũng đông nghịt. Rất nhiều học viên các năm trước cũng xuống nghe lại. Vì bài giảng của ông lại có thêm nhiều điều mới. Tri thức trong ông luôn được bổ sung. Giáo án của ông luôn mở. Nó không phải là cái khuôn đã đóng cứng. Cứ nghe người ta kháo nhau, thì có thời ông bị dị nghị, thậm chí còn bị ngồi tù vì đã nói thật, nói thẳng điều cảnh báo về những bất cập của chủ nghĩa xã hội Xô-viết. Những bất cập ấy, nếu không khắc phục được thì tất yếu sẽ dẫn đến sự sụp đổ. Khi M. Gorbachev lên, nhờ công cuộc đổi mới, ông được ra tù và trở lại giảng đường. Lúc bấy giờ M. Gorbachev có uy tín lắm. Không ít người coi ông như Lenin tái thế. Nhà văn I. Bônđarev kêu lên: “Cái bi kịch của Nhà nước Xô-viết hiện nay là phải dạy những người quá thông minh, phải nuôi những cái bụng quá no và may mắn cho những người có quá nhiều quần áo đẹp”. Ca tụng Nhà nước Xô-viết như vậy, quả cũng là tài lắm. Giáo sư I. Kunhitxun không có được cái lạc quan như thế. Ngay từ những ngày ấy, ông cũng đã lại cảnh báo rằng, những luận thuyết của M. Gorbachev có thể sẽ diễn ra ở rất nhiều nước trên thế giới, nhưng chính M. Gorbachev thì sẽ thất bại thảm hại. Nếu ông ta không bị bắn thì cũng ngã ngựa giữa đường. Sáu năm sau, sự thể diễn ra đúng như thế. Và còn rất nhiều điều khác nữa, tôi nhận thấy chúng đều diễn ra đúng như ông nói ở trên đất Nga, cũng như trên toàn cầu. Đối với sinh viên, I. Kunhitxun luôn coi chúng tôi như những người bạn. Sau buổi giảng, thường có những cuộc trao đổi giữa thầy và trò, nhiều khi là cuộc tranh luận rất thẳng thắn và thú vị. I. Kunhitxun luôn khuyến khích những ý nghĩ khác mình. Ông không bao giờ trù dập những sinh viên cãi lại mình, và thường trong trường hợp ấy, ông cho điểm rất cao. Tôi nghĩ phải là ông thầy rất giỏi mới có được tư chất ấy. Tôi nhớ một kỳ thi, khi bàn về phạm trù bi kịch, sau tất cả mọi điều, ông hỏi tôi:

– Cái bi kịch của người Việt hiện nay là gì?

– Người Việt không có bi kịch. – Tôi bắt đầu đùa với ông. – Thầy có công nhận với em rằng cái bi kịch lớn nhất của người châu Âu, hay của cả loài người nói chung là cái chết? Vậy mà đối với người phương Đông, đặc biệt là người Việt thì lại không có cái chết. Trong Di chúc bất hủ của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng bảo, chết là đi gặp cụ Các Mác, gặp cụ Lenin. Và như thế, cái chết đã thành cuộc hội ngộ với tổ tiên, với các bậc tiền bối vĩ đại. Nếu ở nước Nga, người ta thường chọn những bộ quần áo đẹp nhất để đi dạ hội hoặc vào vũ trường thì ở làng quê Việt Nam xưa, các cụ già lại thường dành những bộ quần áo mới nhất ấy để mặc khi... vào cõi Tổ tiên. Người Việt không sợ chết. Bởi thế, kẻ thù nào đến Việt Nam cũng sẽ phải thất bại thảm hại. Bởi không ai có thể thắng nổi những con người không biết chết và không sợ chết...

– Ừ, lạ thật! Cái ý nghĩ trong đầu anh lạ lùng thật đấy!

Giáo sư cười rất vui. Ông cho tôi điểm khá cao, đến nỗi tôi đâm hoảng:

– Chết, em đùa đấy, thầy ạ! Xin thầy thứ lỗi. Em đã nói đùa...

– Thế anh tưởng tôi tin lời anh nói sao? Tôi biết anh đùa. Hay nói cách khác anh đang sáng tác truyện khoa học viễn tưởng. Tôi đã sang Việt Nam rồi. Tôi biết người Việt thế nào chứ! Sức mạnh lớn nhất của người Việt chính là sự bí hiểm. Bao nhiêu kẻ thù được coi là hùng mạnh nhất thế giới mà đến Việt Nam cũng đều trở thành kẻ bại trận, chính vì họ hoàn toàn không hiểu người Việt. Và tất nhiên, cũng sẽ chẳng có ai hiểu được người Việt, bởi ngay cả chính

người Việt, họ cũng có hiểu được họ đâu...

LẠI CHUYỆN Ê-KÍP

– Ồi giời! Vào đây! Vào đây nào! Chà, xin chào ông bạn! Có chuyện gì mà rờng lại đến nhà tôm đột ngột thế này?

– Chết, sao cậu lại nói thế? Cậu không phải là tôm, mà mình thì cũng chưa bao giờ được là rờng!

– Dẫu chẳng phải rờng thì ông cũng là vua một vùng. Ngày xưa, người như ông là có tàn, có lọng đấy. Bạn bè thân thiết mà lâu quá rồi chúng ta không gặp nhau. Ông xuống tôi còn được, vì người ta sẽ nghĩ ông là người có tác phong quần chúng, luôn đi sâu, đi sát nhân dân. Còn tôi lên ông thì lại không ổn, vì có người sẽ nhìn tôi bằng con mắt khác. Biết đâu có anh lại chẳng nghĩ tôi là thằng thấy người sang bắt quàng làm họ. Không khéo cái lão già này lại định nhờ vả hay xin xỏ gì đấy.

– Chết chữa, bạn bè với nhau mà sao cậu nghĩ lẩn thẩn thế. Cậu già mất rồi...

– Chẳng già thì còn trẻ được với ai? Tôi về đuổi gà cho vợ mấy năm nay rồi. Làm anh phó thường dân cũng có cái sướng, ông ạ. Tha hồ ăn no ngủ kỹ. Vì không phải lo giữ ghế. Chỉ riêng cái chuyện giữ ghế đã đủ khổ nạn rồi. Khổ, làm lãnh đạo thì cũng chỉ là một công việc như trăm ngàn công việc khác. ở các nước, khi không làm tổng thống nữa thì người ta có thể đi dạy học, đi gác cổng hay làm bồi bàn. Khổ nổi, dân mình lại không quen như thế. Đang làm mà nghỉ, lập tức người ta dễ nghĩ, chắc cái lão này tham nhũng hay hủ hoá gì nên bị kỷ luật. Thế thì ai mà không sợ. Người ta tiếc cái chức thì ít, nhưng sợ dư luận lại nhiều. Công việc của ông thế nào?

– Bạn títt mù. Đang chuẩn bị Đại hội cơ sở. Cũng may mà nhân sự ổn rồi. Mình đã tìm được cộng sự...

– Ai vậy?

– Một thằng lính cũ.

– Nó có đủ khả năng không?

– Khả năng thì ai biết thế nào. Cứ phải qua thử thách đã. Nhưng mình hiểu nó là người tốt. Có tài mà không có đức rất nguy hiểm. Người tốt mới chính là nguyên khí quốc gia. Hồi chiến tranh, nó là thằng liên lạc của mình. Nó biết cắt tóc, giặt quần áo và không ngại cả việc đổ bỏ cho mình. Nói tóm lại, nó là thằng rất tận tụy.

– Ông lại chọn thằng đổ bỏ à?

– Mình chọn người tốt, cậu ạ! Trước đây, khi còn là một thằng ngoài cuộc, mình cứ nghĩ, các bố lãnh đạo kỳ thật. Bố nào lên cũng lại kéo theo một bộ sâu vây cánh của mình. Ai có năng lực nhưng không có dây thì cũng coi như đi đứt. Bây giờ vào cuộc rồi mới biết vì sao họ phải làm thế. Không hiểu nhau nguy hiểm lắm. Trong cơ quan chỉ một anh lộn xộn là đã đủ rối loạn. Thế rồi thư nặc danh, rồi đơn từ kiện cáo. Cứ chỉ lo rào giậu, che chắn, lo giữ ý với nhau, rồi thanh minh, giải trình trước cấp trên, cũng đủ khổ nạn rồi, còn hơi sức đâu mà làm được việc gì cho tử tế nữa. Vì thế, ai lên cũng phải có ê-kíp. Không có ê-kíp, không làm được việc đâu, cậu ạ.

– Đã đành là phải có người cộng sự. Nhưng điều quan trọng là cái thằng cộng sự ấy nó có

năng lực thật không? Ngày xưa, để ra làm quan, người ta phải học. Phải đỗ đạt cao, rồi mới được cất nhắc. Bây giờ cất nhắc, rồi mới đi học. Học mấy tháng đã tốt nghiệp mấy lớp. Rồi vừa làm vừa học thêm một hai năm nữa là tốt nghiệp đại học, rồi có ông còn là tiến sĩ nữa chứ. Bây giờ nhìn đâu cũng thấy tiến sĩ. Đến nỗi những ông tiến sĩ thật sợ quá, chẳng dám phô học hàm, học vị ra nữa, đành phải ở lẫn trong đám bình dân để thành của hiếm. Ở ta nhiều khi rất buồn cười. Có những nhà chuyên môn giỏi, sau vài thành công, thế là lại được cất nhắc lên làm quản lý, lãnh đạo, coi đó như một ân huệ, như sự quan tâm đến sự phát triển nhân tài. Thế rồi bung hết cả. Rốt cuộc là ta đã đổi một nhà khoa học rất giỏi để lấy một anh quản lý quá tồi.

– Điều cậu nói chẳng mới mẻ gì đâu. Chuyện ấy người ta cũng đã biết cả.

– Biết sao vẫn còn làm? Đấy, cứ như ông đấy. Ông chọn một thằng đổ bỏ về làm phó chủ tịch huyện. Tôi không chê gì nghề đổ bỏ cả. Đổ bỏ là một việc cao quý, vì nó đòi hỏi một đức tính cần cù, nhẫn nại và chịu thương chịu khó. Người cộng sự của ông có thể rất giỏi đổ bỏ nhưng đã chắc gì nó biết làm quản lý, lãnh đạo. Rồi nó sẽ lại chọn những thằng đổ bỏ kém hơn nó về làm ê-kíp cộng sự. Như thế, đội ngũ các ông cứ giạt lùi, cứ không ngừng xuống cấp, và ngoảnh đi, ngoảnh lại, kiểm kê nữa đi...sẽ thấy lãnh đạo huyện, ngành nọ, ban kia, toàn quân đổ bỏ các thế hệ tiếp theo sau, làm sao mà cán bộ cơ sở các ông chả mất uy tín. Chính các ông đã làm lung lay chính quyền, chứ đế quốc sài lang nào làm nổi. Dân họ chỉ tin khả năng đổ bỏ của các ông thôi, chứ ai tin các ông chỉ đạo những lĩnh vực cao siêu khác ở thời đại công nghệ này. Dân mình rất tốt, họ luôn mong sự ổn định, rất muốn tin ở cấp trên, nhưng chớ lạm dụng lòng tốt của họ, chớ nghĩ là họ cuồng tín và u tối. Nhân dân thời nào cũng như nước. Nâng thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân. Điều ấy đối với ông chắc cũng chẳng mới mẻ gì, vẫn là cái chuyện muôn thuở: Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!

7.2000

CON NUÔI CON ĐỂ

Ông lão Phúc làng tôi đúng là người dở tính mất rồi. Đứa con đẻ đứt ruột thì không thương, lại cứ đi chi chút cho cái thằng cha vợ chú vào ở đâu đâu ấy!

Nói thằng “cha vợ chú vào” là nói theo ngôn ngữ thằng con đẻ của lão. Chứ thực tình, “thằng cha vợ chú vào” ấy đâu phải dân mè mả gà đồng, mà chính là ông chủ tịch xã, một người có vai vế trong làng. Ngay cứ nhìn bề ngoài cũng đủ thấy ông thuộc hạng sang trọng. To béo. Bề vệ. Da dẻ đỏ au. Trông chẳng khác gì quan huyện thời đế quốc phong kiến. Người đàn ông đường bệ ấy ai ngờ lại có số vất vả. Cứ như lời ông nói thì ông phải nương cửa người mới thoát mệnh yếu. Thế là ông xin làm con nuôi lão Phúc. Tất nhiên, cũng theo lời ông ta thì đó chỉ là cái phép để lừa ông giới thôi. Mặc dù thế, lão Phúc cũng sướng lắm. Tự dưng, chẳng mất công sinh nở, nuôi dưỡng, lão có thêm một thằng con, mà đâu phải hạng tầm thường, buôn lông gà lông vịt nhếch nhác như thằng con đẻ của lão. “Thằng con” này, lại đường đường một ông chủ tịch xã. Thế là thoát cái, lão thành bố chủ tịch. Điều trước đây, có năm mơ lão cũng chẳng dám nghĩ tới. Chỉ có thằng con đẻ lão là khó chịu.

– Bố chó vội mừng! Con thấy hấn chẳng tử tế gì đâu. Cái thằng chuyên đục khoét dân mà lại gọi là đầy tớ của dân...

– Nhưng tao thì có gì mà nó đục khoét?

– Bố không có gì, sao hấn lại xin làm con nuôi bố? Tại sao hấn không làm con nuôi bao ông bà già vất vưởng không có ai nương tựa, đang phải sống nhờ chính sách xã hội ở trong làng kia?

– Mà nói đến chó cũng không thể nghe được. Người ta có cái số phải nương cửa người thì cũng phải chọn người hợp số mà nương chứ!

Chẳng biết lão Phúc có “hợp số” ông chủ tịch không, nhưng xem ra lão quý con nuôi lắm. Hầu như ngày nào, hai “bố con” cũng ngồi gật gù với nhau bên ấm nước vối đặc.

– Trông bố dạo này vượng lắm. – Ông con nuôi chăm chú ngắm lão Phúc. – Bố phải sống đến trên trăm tuổi chứ chẳng ít đâu.

Lão Phúc nghe nở gan ruột:

– Thế mà thằng em anh nó lại bảo da tôi dạo này xấu lắm. Trông cứ bạc phếch như da thằng chết trôi!

– Chết, sao chú ấy nói gở thế?

– Thì nó rửa cho tôi chết mà! – Giọng lão Phúc hỗn hển. – Tôi là Phúc mà hoá vô phúc. Có mỗi thằng con trai thì lại chẳng ra gì. Mà nó nói khó nghe lắm. Toàn dùi đục chấm mắm cáy. Chưa mở mồm ra đã cạn lời rồi. May mà còn có anh...

Đúng là không có thằng con nuôi thì lão Phúc buồn lắm. Mà xem ra, bố con hợp chuyện nhau. Người tung, kẻ hứng, nghe nhịp nhàng, uyển chuyển lắm. Chẳng bù cho thằng con đẻ mất dạy của lão. Càng ngày, lão càng thấy khó chịu với thằng con đẻ. Cứ gặp nhau là bố con lại cãi nhau.

– Đấy, con đã bảo bố phải chịu khó ăn mà bố không chịu ăn uống gì cả. Chẳng thuốc thang nào bằng ăn. Cứ ăn nhiều khỏe khoắn. Bố tích cóp làm gì. Làm sao bố cứ sợ khi chết không được chu tất. Bố khỏi lo. Nếu chẳng may, bố có phải nằm xuống thì con khắc lo liệu đầy đủ, không để vong linh bố phải hổ thẹn với dân làng!

Đấy, cứ mở mồm là nó lại rửa mình chết. Trước đây, lão Phúc đã thấy khó chịu. Còn bây giờ thì lão bức. Mà bức lắm. Hầu như lần nào gặp bố, cái thằng sáng cá ấy cũng chỉ nói độc một giọng càn quấy như thế.

– Đạo này bố không được khỏe lắm đâu. Miệng bố hôi lắm. Miệng hôi là dấu hiệu của bệnh tật đấy. Bố phải đi viện khám ngay đi. Mà con dặn này, khi nói chuyện với người ngoài, bố đừng ghé sát vào mặt người ta. Kinh lắm. Do lịch sự mà người ta không nói. Nhưng bố phải biết rằng, người ta rất sợ hôi miệng. Nhiều cặp vợ chồng bỏ nhau cũng chỉ vì chuyện ấy. Con mua cho bố nước súc miệng đây này! Ngày nào bố cũng nhớ là phải súc miệng.

- Mà nói thế, hoá ra tao là cái thằng thối mồm à? Đồ mất dạy!

Lão Phúc phui dít, đứng dậy. Mặt tái ngắt.

– Bố đừng trách chú ấy. Dẫu sao, chú ấy cũng còn trẻ người non dạ. – Ông con nuôi lão lại thế thọt. – Chỉ có trẻ con mới ăn nói bậy bạ, mất lập trường quan điểm như thế. Chứ bố đâu có hôi mồm. Nếu miệng bố hôi thì con phải biết chứ...

Thế là lão Phúc lại thấy bình tâm, trong bụng lại sướng âm ỉ. Đấy, con cái cứ phải tử tế như vậy chứ! Thế là bao nỗi căm ghét, bức bối, lão lại trút xuống đầu thằng con đẻ. Cho đến một hôm, thằng ôn vật ấy cho người chở về nhà một đồng gỗ lim. Thoạt đầu, lão tưởng nó đóng bàn, đóng tủ. Hoá không phải.

– Gỗ tốt đấy, bố ạ. – Anh con trai tỏ vẻ thông thạo. – Nó thuộc hàng tứ thiết. Hiếm lắm. Con sắm cho bố cỗ hậu sự...

– Mà định chôn sống bố mày à? Cút! – Lão Phúc gầm lên. – Mày cút ngay khỏi nhà tao. Thằng ôn dịch! Cút!

Anh con trai bấy giờ mới ngó người ra. Anh cứ nghĩ may vớ được gỗ tốt thì tậu trước cho bố cỗ hậu sự. ở nhà quê, người ta thường sắm trước cỗ hậu sự cho bố mẹ già, ngay từ lúc các cụ vẫn còn đang khỏe. Khi chưa dùng đến thì cỗ hậu sự làm hầm đựng ngô khoai, thóc lúa. Trong làng, có bao nhà như thế. Chính lão Phúc có lần đã từng khen thằng con trai lão Hợi tậu cho bố cỗ hậu sự tốt quá. Trông cứ sướng cả mắt. Bây giờ, cũng vì lão ghét con nên sự việc mới thành to chuyện.

Cứ tưởng lão Phúc chỉ giận con nhè nhằng như mọi lần thôi, nào ngờ ba ngày sau, lão đệ đơn ra uỷ ban. “Đơn xin ly con”. Tất nhiên, uỷ ban không thể giải quyết được. Lão đành chuyển đơn lên huyện. Rồi toà án huyện cũng chịu. Xưa nay, trong luật định, chỉ có vợ chồng bỏ nhau, chứ không có chuyện bố bỏ con. Toà không quyết thì lão tự quyết. Lão cấm cửa thằng con, không cho đến nhà. Cả khi lão chết, nó cũng không được đến.

Hơn tháng sau, lão Phúc đổ bệnh. Lão nằm liệt giường. Anh con trai tất tả lo thuốc thang, rồi lại phải nhờ qua cửa bác cả:

– Tôi biết ông cụ rất giận tôi. Tôi tới, sợ ảnh hưởng đến sức khỏe cụ, nên trăm sự phải cậy nhờ bác. Bác chuyển thuốc thang và đồ ăn cho cụ giúp tôi. Cứ coi như bác chăm nuôi cụ. Tôi biết ông cụ rất quý bác. Thôi thì tôi góp của, còn bác góp công...

Để cứu bố, người con đẻ đã bán dần mọi thứ trong gia đình. Khi tài sản không còn gì nữa, thì anh bán nốt căn nhà mái bằng. Chị vợ run rẩy:

– Bán mất nhà rồi thì ở đâu?

– Trước mắt, ta nương nhờ ông bà ngoại. Chờ bố nguôi ngoai rồi thì về. Khi ông cụ quy tiên thì ta ở đó luôn, rồi còn hương khói cụ nữa chứ. Cả một cơ ngơi rộng ngan ngát thế, ai trông nom cho.

Lão Phúc tắt thở vào nửa đêm. Chính căn bệnh viêm phổi và chảy máu dạ dày đã giết chết lão. Nếu lão nghe lời con trai, sớm phòng bệnh và trị bệnh thì đâu đến nỗi “đổ” nhanh đến thế.

Đám tang lão Phúc tổ chức khá linh đình. Chưa bao giờ, làng Quyết Thắng quê tôi có đám ma to như thế. Cờ phướn rợp đường. Khách khứa nườm nượp đến viếng bố ông chủ tịch. Dân làng xì xào bàn tán. Người khen lão Phúc về già tốt số, tự dung giời lại cho thằng con nuôi sang đến thế. Mà xem ra, thằng con nuôi lại tử tế hơn thằng con đẻ. Người thì bảo lão chủ tịch thật cáo già. Lão không mất gì mà lại được tiếng thơm. Cũng chẳng phải “tốn” ông bố thật mà vẫn tổ chức được một đám tang linh đình, hót đến mấy chục triệu tiền phúng.

Khi rạp vừa dỡ xong, ông chủ tịch đã cho thằng con cả dọn đến ở để “trông nom hương khói ông”. Thằng bé vừa cưới vợ, vẫn còn đang ở tạm nhà bố mẹ. Lúc bấy giờ anh con đẻ mới ngã bật ngựa, khi thấy “bác cả” xĩa ra cái giấy chuyển giao quyền thừa kế nhà cửa cho con nuôi của ông cụ thân sinh anh, có cả dấu xác nhận của ủy ban xã. Ai ngờ ông cụ ghét anh ghê gớm đến thế. Bây giờ, ngay cả khi đã chết rồi, ông cụ vẫn còn đuổi anh ra đứng đường. Tất cả cũng chỉ vì anh quá lo cho bố, đã nói toàn những điều thật lòng mà quên mất rằng, con người ta vốn không chịu được những lời nói thẳng, nói thật, cho dù là một ông lão ở cái xó nhà quê. Anh ứa nước mắt nói với bác cả:

– Thôi, ý cụ đã quyết thế rồi thì tôi cũng đành phải tuân theo thôi. Chỉ cầu xin bác cho một ơn huệ...

– Chú muốn gì?

– Bác xăn lại cho tôi xin một mét đất...

– Để chú làm gì?

– Tôi xây một cái miếu thờ bố tôi...

NGƯỜI KHÔNG QUEN Ở NHÀ MÌNH

Có ai lại không quen ở nhà mình không nhỉ? Có đấy.

Đó chính là ông bạn vong niên của tôi. Ông làm giám đốc sở văn hoá, một cán bộ cựu trào của tỉnh lỵ này. Các cán bộ, nhân viên ở đây, kể cả những người bây giờ là cấp trên của ông cũng đều là lớp đàn em ông, do ông dìu dắt, đào tạo. Cũng vì thế nên mãi đến tuổi 65, ông mới nhận giấy báo nghỉ. Rồi nhùng nhằng thêm đến mấy năm nữa, ông mới chính thức cầm sổ hưu.

Hôm chia tay, cơ quan cũng đã làm một bữa tiệc đưa tiễn với bao lời ca tụng tốt đẹp. Nhưng rồi sáng hôm sau, người ta vẫn thấy cựu giám đốc cấp cấp đến cơ quan như thường lệ. Gặp ai ông cũng bắt tay:

– Trời, mình nhớ các cậu quá. Nhớ quá!

Có người không nén nổi nỗi buồn. Không ngờ thủ trưởng tình cảm quá. Vậy mà trước đây sao mình không nhận ra. Có lúc mình còn nghĩ oan cho thủ trưởng. Thực tình, thủ trưởng đâu có quan liêu, đâu có vô trách nhiệm với cấp dưới.

Thế rồi, ngày nào, thủ trưởng cũng “nhớ anh em”. Sáng sáng, cứ tám giờ kém mười là ông đã có mặt ở công sở. Trước đây, khi còn đương chức, ông thường xuyên đến muộn. Bây giờ, ông lại đến rất đúng giờ. Anh giám đốc mới chẳng nề cất điện thoại, vẫn để nguyên cái ghế cũ, căn phòng cũ cho ông. Đến cơ quan, ông khua điện đi các nơi, nói đủ mọi thứ chuyện trên trời, dưới biển. Mà chẳng chuyện nào ăn nhập với chuyện nào. Thỉnh thoảng, ông lại mời khách ở các tỉnh khác đến. ấy là những người mà trước đây, ông từng giữ mối quan hệ thân thiết. Cứ vài ba ngày, anh giám đốc mới lại cùng ông đưa khách ra nhà hàng sang trọng. Còn khách sơ sơ thì cũng thuốc lá, bánh kẹo, cà-phê. Có khi cả ngày, cơ quan chỉ trần mình ra tiếp khách cho cựu giám đốc. Khi không còn khách khứa nữa thì ông ngồi bù khú với anh em, hỏi thăm hoàn cảnh gia đình của từng người. Ông phát hiện ra trong cơ quan có bao điều bất hợp lý. Mà bất hợp lý từ rất lâu rồi. Cô văn thư, bảo mật gia đình khó khăn quá. Anh bảo vệ gắn bó với cơ quan bao nhiêu năm vẫn chưa được phân nhà. Cậu cán bộ bảo tàng lương thấp quá. Mà sao mãi chưa tăng lương. Như thế thì làm sao nó có thể sống nổi, có thể yên tâm giữ gìn di sản văn hoá nước nhà.

Thế là rối mù lên. Anh giám đốc mới không thể một lúc giải quyết được tất cả mọi điều ông đề nghị. Bởi đó toàn là những việc lớn, những việc cấp bách. Còn cán bộ cấp dưới thì xôn xao bàn tán. Có người cảm động đến ứa nước mắt. Có người nghi ngờ:

– Ôi dào, sao hồi còn quyền chức, ông ấy chẳng làm? Bây giờ về vườn rồi, ông ấy mới sốt sáng quan tâm đến anh em?

– Thì hồi đó, thủ trưởng bận trăm công ngàn việc...

– Tôi cũng nghĩ là thủ trưởng bận. Chứ người như vậy là tốt lắm đấy. Nếu thủ trưởng không bận thì mình đã chẳng đến nỗi khốn khổ thế này...

Bao điều bất ổn mà nhắc mãi giám đốc mới vẫn chưa giải quyết, cựu giám đốc lại trút nỗi bức dọc sang tôi:

– Cán bộ bây giờ gay quá, cậu ạ! Tri thức thì có. Nhưng quan điểm lập trường là chưa thể tin cậy được. Nhất là tính quần chúng, sự đi sâu đi sát quần chúng của cán bộ là có vấn đề. Mình

thấy gay lắm...

Tôi cười:

– Vâng, cán bộ thì thời nào mà chả có vấn đề. Cứ làm việc đến hết mình thì rồi sẽ lại có khiếm khuyết. Nhưng dù có khiếm khuyết gì thì cũng là chuyện của họ. Họ sẽ phải chịu trách nhiệm trước Đảng, trước dân. Còn bác nghỉ rồi. Bác không nên can thiệp quá sâu. Việc gì bác cũng can thiệp, làm cho tất cả cứ rối lên. Anh em đương nhiệm lại khó làm việc...

– Tại sao lại khó làm việc? – Cựu giám đốc quắc mắt lên. – Tôi giúp họ phát hiện những điều bất ổn. Cả đời tôi gắn với cơ quan. Bây giờ còn chút sức lực nào, tôi cố gắng nốt cho trọn vẹn. Tôi vào Đảng là thề chiến đấu đến giọt máu cuối cùng cơ mà. Còn lâu mới đến giọt máu cuối cùng của tôi nhá! Tại sao chú lại cứ nhìn tôi như một anh gây rối.

– Bác không phải người gây rối. Nhưng nhiều điều rắc rối lại bắt đầu từ bác. Bởi bác nghỉ rồi mà...

– Tất nhiên là tôi nghỉ rồi, nhưng tôi vẫn phải có trách nhiệm. – Cựu giám đốc bùi ngùi: – Mà nói thật với chú, tôi vẫn không quen ở nhà mình. Cả một đời gắn với cơ quan. Cơ quan đã thành nhà tôi. Còn căn nhà thực của tôi chỉ là cái quán trọ. Tôi không sao quen được, chú ạ! Tôi lại phải đến cơ quan. Mà ở cơ quan thì lại thấy toàn những điều ngang tai trái mắt. Thế là mình lại phải nhắc. Mà nhắc mãi vẫn không chuyển. Nhiều lúc mình phát nản, lại nghĩ rất tiêu cực: Thôi thì thầy kệ đời!..

Nói vậy, nhưng rồi ngày hôm sau, vào lúc tám giờ kém mười, người ta vẫn thấy ông cựu giám đốc xách chiếc cặp đen đến cơ quan. Ông đặt chiếc cặp lên bàn, rồi lại ngồi vào chiếc ghế giám đốc cũ...

7.2000

CHỈ TẠI CÁI CHÙA XUÂN

Vâng, đúng thế. Tất cả chỉ tại cái Chùa Xuân! Mùa xuân đến cũng có khác. Đầu tiên là khúc gỗ mục vẫn dành để luộc bánh còn thừa, vớt lẫn lóc ở sau bếp, bỗng nảy lên một cái lộc biếc. Rồi cây cối đâm chồi. Hoa cỏ ngào ngát. Hình như chúng đang toả hương để mê hoặc nhau, cảm dỗ nhau. Thiên nhiên còn thế, huống hồ con người. Thảo nào lũ trai gái mâng mâng cứ cháy phừng phừng như những ngọn đuốc. Đến cả lũ gái làng cũng tươi nồn. Cặp môi ướt đỏ, bầu má chín ửng như những quả táo Tây, khiến những gã đứng đắn, có tiếng nghiêm trang như những vị thánh sống, bỗng trở thành những kẻ dâm dục, đồi trụy, bởi đầu óc toàn nghĩ đến những chuyện mà các bậc túc nho xưa cho là bậy bạ.

Ông lão Vạng 72 tuổi cũng không thể sống yên được trong những năm cuối đời. Lão quyết định cưới vợ. Điều này thực tình cũng không có gì mới. Cách đây hơn một năm, Lão cũng đã đòi lấy vợ rồi. Nhưng lũ con cháu lão không chịu. Chúng phản đối rầm rầm. Đầu tiên là thằng Cả:

– Không được đâu, bố ạ. Nghịch mắt lắm! Chẳng gì con cũng là Tổng Giám đốc một doanh nghiệp lớn. Lũ nhân viên sẽ nhìn con như thế nào?

Thằng Hai cũng dẫn đo:

– Chúng con cũng chẳng muốn giam hãm bố làm gì. Con nuôi cha không bằng bà nuôi ông. Mẹ con thì mất lâu rồi. Bố cũng có thể tìm một người bầu bạn cho tuổi già đỡ hiu quạnh. Nhưng bố phải chọn một bà goá, hay bất cứ bà nào cao tuổi cũng được. Đằng này, bố lại lấy cái con Ôsin...

– Ơ hay, thế tao lấy vợ cho tao hay lấy vợ cho chúng mày? – Lão Vạng quắc mắt – Chọn vợ thì phải chọn cô trẻ đẹp, chứ sao lại chọn bà già? Thế thì lấy vợ làm gì? Để đưa nhau ra nghĩa địa chắc?

– Nhưng không được ông ạ – Lũ cháu chắt nhao nhao – Chúng cháu biết gọi nó bằng gì? Bằng bà à? Ôi giời ơi. Một con Ôsin nhãi nhép bỗng chốc lên bà!. Không! Không thể có chuyện ấy!

Thế là thành đàn ong vỡ tổ. Lão Vạng biết mình không thể "tri" được bọn giặc cái này. Phải có kế sách. Nhưng rồi vẫn không kịp. Với bọn Hồng vệ binh ấy thì không thể nhu nhơ. Ngay lập tức hôm sau, "con Ôsin giời đánh" đã bị chúng đuổi ra khỏi nhà.

Không còn Ôsin thì con cháu phải thay nhau làm Ôsin hầu hạ ông. Mà giời ạ. Làm Ôsin cũng đâu có dễ. Lũ con, cháu thương cha, quý ông, nhưng chúng cũng đâu đã trực tiếp chăm sóc cha, ông được đến một ngày. Bây giờ thì đứa nào cũng khiếp đảm. Mới hay ông là cỗ máy mà định ốc với bù loong đều hỏng hết cả rồi. Hay nói cho chính xác hơn, ông chính là một cái thùng nước đã bị hỏng vòi. Vòi đã hỏng thì làm sao ngăn được? Mà đâu chỉ có nước. Còn cả bã nữa chứ. Mà bã mới hãi. Lũ cháu cứ suốt ngày phải đổ bỏ rồi giặt giũ cho ông. Khiếp quá. Có đứa bỏ cả cơm. Không nuốt nổi. Cứ đến phiên bị cắt cử chăm ông là chúng run sợ, chẳng khác gì phải lên đoạn đầu đài. Chúng quyết định lại thuê đứa giúp việc. Nhưng chẳng ai giám làm. Đứa nào cố gắng lắm cũng chỉ được ba buổi: "Ông khó tính quá, cháu không chiều được đâu!". Thế rồi lại bỏ. Ba triệu một tháng cũng bỏ. Số tiền lương ấy đâu có thấp. Đến cả tay kỹ sư bậc trưởng ở Tổng công ty thằng Cả cũng chẳng có được mức lương như trong mơ ấy. Vậy mà rồi vẫn không xong. Thế mới biết cái con Ôsin ấy có sức chịu đựng giỏi thật. Hay là lại gọi nó về? Mà đã đuổi người ta đi rồi, đã chắc gì người ta chịu trở lại.

Đúng là con Ôsin không trở lại thật. Nó bảo, nó không phải Ôsin. Chưa bao giờ nó làm Ôsin cho ông cụ cả. Ô, hoá ra bấy lâu nay, nó chăm chút người yêu chứ đâu có phải làm phận sự của một con ở. Chỉ có tình yêu mới giúp người ta vượt qua bao nỗi kinh hoàng. Thế là lũ con cháu đành phải để cho ông cụ lấy con Ôsin ấy làm vợ. Khi lão Vạng ưng thuận theo ý cháu con thì chúng sướng lắm. Sướng như người vừa trút được một gánh nặng.

Đám cưới tổ chức khá linh đình. Cũng lễ ăn hỏi. Cũng người đội mâm quả. Chú rể cũng com lê cà vạt, cài trước ngực một đoá hoa hồng. Lũ con cháu chỉ muốn xuê xoa nhưng không được. Lão Vạng bảo:

– Tao thì thế nào cũng xong. Nhưng người ta dẫu sao cũng lấy chồng lần đầu. Không thể lúi xúi...

– Con có ngại tốn kém gì đâu – Thằng con cả phân bua – Nhưng sợ bố không thể chịu được sự cà rầm cà rề. Hay là bố đeo cái túi. Phải rồi, bố phải đeo cái túi của bệnh viện. Kéo rồi đang tiệc cưới, bố lại phun nước ra...

– Thế anh tưởng máy tôi hỏng vôi à? Còn lâu nhá! Anh có lớn mà vẫn chẳng có khôn đâu. Phải phải học nữa mới thành người được con ạ."

Ông lão cười vang nhà. Lúc bấy giờ, lũ con cháu mới biết mình đã bị ông cụ đưa vào trận đồ bát quái. Hoá ra lão Vạng lập mưu để cưới vợ. Khiếp quá. Không ai có thể ngờ được. Ông lão vốn là một người hiền lành, củ mĩ cù mĩ. Cái trò "khủng bố" quái quỷ này, chắc chỉ có cái Chúa Xuân xúi bẩy.

LÃO CHỘP

I

Lão Chộp lại có khách. Chuyện ấy thì chẳng lạ. Nhà lão ngày nào chẳng rậm rịch khách khứa. Căn nhà nằm ngay bên con đường chính của làng. Con đường nối ba xóm, dẫn ra đến cổng đồng. Nhà lão lại có bể nước mưa trong vát, một nửa chôn chìm xuống dưới lòng đất, nên bốn mùa nước mát lạnh, uống đến đâu, biết đến đó. Đang mệt và buồn ngủ, tợp một ngụm là tỉnh queo như sáo tẩm. Bởi thế, người ra đồng đáo qua, kẻ về nhà tạt lại, làm chộp nghỉ chân, rồi tiện thể đánh đẩy một gáo dừa, gọi là hưởng tí lộc giời. Nếu không cũng sà vào cái chõng tre kê ở hiên nhà, bắn vài liều thuốc lão. Cái liều nhà lão là liều cổ, loại liều bát, nghe nói có từ đời vua Càn Long ở bên Tàu kia. Thuốc nào nhồi vào đó, hút cũng ngon, cũng ngọt lịm như rót mật vào cổ. Rồi thì say. Say đủ đừ. Say từ ruột say ra, đã hơn cả thuốc phiện, cứ gọi là đề mê từ chân tóc xuống tới tận kẽ ngón chân. Đời người, mỗi ngày được một choác như thế, có khác gì lên Tiên, lên Phật. Mà Tiên Phật cũng phải gọi bằng cụ. Bởi vậy, nhà lão luôn rục rịch kẻ ra, người vào. Toàn những tiên phật cả đấy. Nhưng ông khách đến nhà lão Chộp lần này lạ lắm. Không phải người làng. Cũng không phải người ở huyện, ở tỉnh, ở Hà Nội, trung ương, mà xa lắm, xa lắm lắm, nghe nói mãi bên kia Thái Bình Dương. Nghĩa là bên kia trái đất cơ đấy. Đó là ngài Peter Peterson, Đại sứ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Quái, lão có quen ông ấy đâu nhỉ? Cả đời lão, đến cái tết con cọp này đã bước vào cái tuổi sáu tám, nhưng lão chưa bao giờ đi ra khỏi làng. Làm sao lão có được ông bạn vàng xa xôi thế, bệ vệ sang trọng đến như thế?

II

Thực tình, nói có giời biết đấy, và cũng xin thề trước quỷ thần hai vai, lão Chộp không hề quen ngài đại sứ thượng nghị sĩ Peter Peterson. Lão vốn là thợ cày làng An Đoài. Nghề thợ cày là nghề gia truyền từ đời ông bà ông vải để lại. Nhà lão nghèo, lại neo đơn. Lão thuộc hạng độc đinh. Ông cụ thân sinh ra lão gặp phải cái cùn sổ vát vả về đường con cái. Mà đâu chỉ riêng ông cụ. Ai ở cái làng này cũng vát vả đường con cái. Để thì có đẻ. Nhưng khó nuôi. Có nhà đến chín, mười đứa con mà rồi chẳng còn một mống. Đứa leo cây, sa xuống đất: chết! Đứa rắn cắn: chết! Đứa trượt chân, rơi tõm xuống ao bèo: chết! Rồi đứa bị lên sởi: chết! Đứa đi chăn trâu, bị cảm nắng, thoát tiên, đầu chỉ thấy vầng vát. Thế rồi cũng lại lăn đùng ra chết. Chết cứ như đùa. Cụ thân sinh ra lão Chộp có đến 5 người con, ba trai, hai gái, trông cứ đều thau tháu, đẹp như tranh vẽ. Chúng chỉ bị đậu mùa nhì nhằng. Vậy mà rồi ai ngờ, chúng cũng lại cướp công cha mẹ, chúng theo nhau đi hết. “Hú ba hồn chín vía cái Gái ở đâu thì về...”. “Hú ba hồn bảy vía thằng Bưởi khoằm ở đâu thì về với chị, với em nhớ... ớ... ớ...”. “Hú ba hồn chín vía...”. Đêm nào, làng cũng cồn lên những tiếng hú hồn như thế. Tiếng hú eo éo rờn rợn vờn trên những tán cau, bụi chuối đen ngòm, vọng từ cổng đồng vào những ngõ xóm tối sẫm, hun hút mưa phùn gió bắc và rông rốc tiếng chó sủa, rồi lại từ ngõ xóm vòng ra ngoài cổng đồng. Những người đàn bà lớn tiếng, cả hơi đều được xung vào đội quân hú hồn. Thi thoảng cũng có đứa tỉnh lại. ấy là hồn chưa đi xa, chưa bị lủ đường, còn nghe được tiếng hú gọi mà lần về nhập vào xác. Còn nhiều đứa hồn đã lìa, mà không kịp gọi ngay là coi như đi đứt. Chúng đã bị giời bắt. Bà đồng Hỷ khoát tay quả quyết như vậy. Bà cụ ở mãi huyện bên, cách làng một thôi đường, một con sông, lại bị mù từ nhỏ, chỉ quanh quẩn trong cái điện thờ âm u hương khói mà cái gì cũng biết. Cứ như lời bà đồng thì trăm tội đều do ông giời cả. Tại Ngài tất. Ngài đồng đánh lắm, tham lam lắm, chỉ muốn có nhiều kẻ hầu, người hạ. Cứ đứa nào có tên đệm đẹp là Ngài bắt ngay. Thế là từ đó, đẻ con, người ta cứ thẳng cu cái dĩ mà gọi. Có ông lão làm nghề đánh giậm, đẻ đến năm cô con gái. Lũ trẻ lau nhau trứng gà, trứng vịt, ăn cơm rau muống, tắm nước ao tù, mà thắc lên đẹp như

tiên. Da trắng nõn trứng gà bóc. Môi chúm chím, ướp đỏ, trông đến mát cả mắt. Con gái thì thành cũng chẳng bẹn gót chân. Nhưng đến khi gọi tên thì nghe sồn cả da gà: ếch, ộp, Suốt, Suồn, Suột. ấy vậy mà cũng đâu có thoát khỏi nạn giời. Cô ếch đội nón ra đi sau một tuần bị chó dại cắn. Khổ! Không khéo cũng chỉ tại con bé có tên là ếch. Thế thì đích thị là Ngài rồi. Chính ngài chứ đâu phải chó dại. Biết đâu, Ngài giở tính, lại thêm cái món đồng quê. Thế là khổ con rồi, con ơi! Bà đồng Hỷ bảo thế. Bà đồng đã phán là cấm có sai bao giờ!

Bởi vậy, khi lão Chộp ra đời, ông cụ thân sinh lão gọi luôn là thằng Vồ. Cả làng từ lớn đến bé cũng gọi lão là thằng Vồ. Rồi câu Vồ, anh Vồ. Sau này lớn lên, lão tự đổi tên là Chộp. Chộp với Vồ thì cũng thế cả. ấy là cái tên để dọa... ông giời. Chẳng biết ông giời có sợ lão không, nhưng quả thật, Ngài cứ im thin thít. Bởi thế mà từ khi đẻ ra cho đến mãi sau này, lão chẳng ốm đau, sài đen gì, mà cứ lớn thôi thôi. Mười tuổi đã cao lưng cột nhà. Mười bảy tuổi, lão đã tri được con trâu hung dữ nhất của làng An Đoài. Ông giời lão cũng chẳng sợ. Cho đến cả Thiên lôi, Tầm sét có xuống, lão cũng chẳng coi ra cái thá gì!

III

Thế thì lão sợ quái gì mấy con giời rồm, ấy là cái lũ quạ Mỹ. Khi chiến tranh leo thang bằng không quân của chúng vừa bung ra miền Bắc, lão đã sung ngay vào trung đội dân quân Quyết thắng của làng An Đoài. Với cây súng trường dài bằng nửa cái đòn gánh, trưa nào, lão Chộp cũng leo lên đỉnh cây gạo cạnh ao chùa, ngồi thu lu trên chạc ba, như một con chim cắt đang rình mồi. Lão đang rình máy bay Mỹ đấy. Rình mãi rồi chúng cũng mò đến. Chúng hét ầm ầm như sấm, như sét, nghe tưởng đứt màng nhĩ, hùng hổ cứ như ông Thiên lôi. Nhưng nhìn tướng mạo thì rõ ra quân ăn trộm. Chúng bay sắp ngửa, bay nhón nhác như quạ vào chuồng lợn. Rồi tên lửa, rồi cao xạ, trung liên, rồi 12 ly 7 nổ rền khắp cả bốn phía. Lúc bấy giờ mới biết quân ta đông thật. Chỗ nào cũng dày đặc trận địa phòng không. Đạn nổ rền như ngô rang. Lão cũng đồm theo vài phát súng trường cổ lỗ. Thực tình thì lão chỉ bắn dọa. Lão nện bừa lên thỉnh không chứ nào có kịp nhắm gì. Thế mà con giời cũng khiếp vía, chạy đến vài khối đất.

Thế rồi, nhập nhoạng tối ngày 10 - 9 - 1966, lúc bấy giờ mới cơm nước xong, lão Chộp chưa kịp leo lên ngọn cây gạo thì bầy quạ Mỹ chẳng biết đi ăn sương ở đâu về, rồi bị đòn, bay đến khu vực làng An Đoài thì cháy bùng lên như một ngọn đuốc lớn. Lão Chộp sượng quá. Lão hét đến khản cả giọng. Rồi cả làng cùng la hét, reo hò ầm ĩ. Rồi họ khua trống, gõ nia, gõ met, gõ chậu thau, nôi đồng. Rồi lan sang cả mấy làng bên. Rồi thì khắp bốn phương giời, mười phương đất, chỗ nào cũng đụp đụp đẹt đẹt. Ngọn đuốc ma bấy giờ đã bành ra thành đồng lửa lớn chùng chình đổ xuống mạn ái Quốc. Phen này thì thằng lái ra tốp! Lửa phùng phực như thế, có là ông giời cũng chẳng thoát nổi. Toi rồi, con ơi! Cú này thì đời con thành chả rồi. Một miếng chả nướng cứ gọi là thơm phưng phức nhá!

IV

Vậy mà hai tên giặc lái trong chiếc máy bay bị bắn cháy đêm ấy vẫn không bị chết, cũng không bị thui thành miếng chả thơm phưng phức như lão Chộp tưởng tượng. Vào khoảng tám giờ tối hôm đó, ông Nguyễn Đình Bệch, công nhân lái phà ở làng Đào Xá đi làm về, tình cờ nhặt được chiếc mũ phi công rơi trên cánh đồng làng An Lâm. Thế có nghĩa là tên giặc lái đã thoát khỏi đám cháy, đã nhảy dù rồi. Có thể hấn rơi ngay ở trên cánh đồng làng An Đoài, hoặc ở mấy khu vực quanh quanh đây thôi. Bí thư đảng ủy Nguyễn Đình Hiên và xã đội trưởng Nguyễn Danh Cân đều có chung một nhận định như vậy. Trung đội dân quân Quyết thắng đã được triệu tập tức tốc ngay trong đêm. Bằng mọi giá phải lùng bắt tên giặc lái đang lẩn lút đâu đó, không để cho hấn gọi đồng bọn đến giải thoát. Trung đội dân quân được bổ sung thêm một số thanh

niên phụ nữ trong làng. Người có súng thì mang súng. Người không có súng thì mang đòn gánh, đòn càn, liềm hái, hoặc gậy gộc. Đạo quân truy tìm giặc lái chia làm ba mũi. Một mũi tiến về phía An Lâm. Một mũi tràn về mạn Quốc Tuấn. Lão Chộp dẫn đầu mũi vây quét ở khu vực An Đoài, Đào Xá. Lũng sục suốt đêm, chẳng thấy gì. Thằng lái chết rồi. Chắc chắn là hắn chết rồi. Cái mũ của hắn có thể vẫn còn sống, nhưng chính hắn thì đã bị cháy thành than cùng với chiếc máy bay. Lão Chộp nghĩ vậy. Rồi lão thung thăng dẫn quân về. Lúc bấy giờ đã khuya. Sương xuống mù mịt. Cả cánh đồng Mả Giai chờn vờn trong làn sương khói lằng lằng. Mảnh trăng thượng tuần xanh tái đang lặn xuống chân trời xa, hắt quầng sáng hấp hối lên đỉnh ngọn quéo đen sẫm. Cây quéo này, một thời nghe nói có ma. Khố bà đi chợ sớm qua đây, rồi cứ gồng gánh đi quanh gốc quéo cho đến sáng bệch mới thoát ra khỏi. Ma làm đấy. Bà đồng Hỷ bảo phải đóng vào gốc quéo ba cái đinh thuyền to bự cùng bao nhiêu bùa bà cho yểm mới trị được đấy. Bây giờ thì không còn ma nữa. Nhưng lão Chộp vẫn thấy rờn rợn. Linh tính báo cho lão biết có một điều gì đó không bình thường. Hay là vẫn còn ma? Mà đúng còn ma thật. Ma hiện lù lù ngay trước mắt kia, ở ngay trên đỉnh ngọn quéo kia. Lão Chộp dụi mắt nhìn. Một chiếc dù bùng biêng xanh xanh đỏ đỏ trong ánh trăng thoi thóp. Lão Chộp khoát tay ra hiệu cho cả nhóm tản ra xung quanh, tiếp tục lùng sục. Rồi lão trườn dọc bờ ruộng, men theo con mương đào. Có tiếng cá tung toẵng đớp sương. Rồi tiếng thở phì phò bên kia mương nước. Thôi, đúng con giời rồi. Lão Chộp nhảy phốc qua mương. Rồi lão lặn một vòng xuống vệt cỏ, lặn luôn vào cái đồng to xù đang nằm thở hổn hển. Lúc bấy giờ, lão Chộp mới bàng hoàng nhận ra mình chỉ có hai bàn tay không. Khẩu súng rơi đâu mất. Có lẽ nó đã văng xuống bờ mương bên kia. Tên giặc lái ngẩn cổ nhìn lão. Lão Chộp ngỡ sẽ có một tiếng súng lục vang lên. Nhưng chắc chắn lão không thể chết được. Nếu có bị trúng đạn thì cũng phải trối hắt xong, lão mới chịu chết. Nhưng không. Không có tiếng súng nào cả. Tên giặc bàng hoàng nhìn lão. Rồi bất ngờ, hắn chúi đầu xuống bờ ruộng. Hình như hắn muốn chui xuống đất. Nhưng hắn không phải con lươn, con chạch. Làm sao mà chui được cơ chứ! Lão Chộp nhảy phốc lên người hắn, chẹn chặt cổ. Rồi phía sau, ông Sinh, ông Mãng, ông Lơ cũng vừa ập đến. Người đè chân, người giữ tay. Thế là tên giặc lái bị tóm gọn...

V

Rồi sự kiện đó qua đi. Cũng như bao chiến tích oanh liệt thời chống Mỹ rồi cũng qua đi. Lão Chộp không còn nhớ nữa. Những ông lực điền cùng bắt giặc với lão cũng không còn nhớ nữa. Họ bận bao công việc đồng áng, mùa màng. Chẳng ai còn nhắc lại chuyện cũ. Thế nhưng, viên phi công Mỹ bị bắt đêm ấy, ngài Peter Perterson thì lại không quên. Vừa đến Hà Nội được ít ngày, ngài đã trở về An Bình, thăm lại mảnh đất xưa mà cứ theo lời ngài thì đó là mảnh đất ngài có nhiều kỷ niệm sâu sắc.

Lần này, ngài đi giữa ban ngày. Cùng đi với ngài còn có bí thư tỉnh ủy Phạm Văn Thọ cùng nhiều cán bộ cao cấp Bộ Ngoại giao. Lão Chộp cũng ra đón ngài. Lão đi cùng đám thợ cày, thợ cấy làng An Đoài. Cuộc đón tiếp diễn ra trọng thể theo đúng nghi thức đón khách quốc tế.

– Ông còn nhớ tôi không? Ông có mong tôi trở lại không?

Đại sứ Peter Perterson bắt tay lão Chộp và hỏi lão như vậy. Câu hỏi ấy làm cho lão rất đổi kinh ngạc.

– Làm sao tôi lại nhớ và mong ông được. Ông không phải người làng tôi, cũng không phải họ hàng. Ngay cả bây giờ gặp ông giữa ban ngày ban mặt mà tôi cũng còn chẳng thể nhận ra được nữa kia. Lúc ấy, ông khác lắm...

– Tôi khác ư? Khác thế nào? – Đại sứ đâm tò mò.

– Thì lúc ấy, ông là cái anh đầu trọc. Tôi muốn túm tóc ông cũng không túm được. Còn bây giờ thì ông thế này...

Đại sứ Mỹ cười vang. Lão Chộp cũng cười. Câu chuyện xưa đã trở thành cổ tích. Còn hiện tại lão Chộp đang thung thủng cùng Peter Perterson đi thăm cánh đồng Mả Giai, thăm gian nhà kho chứa thóc giống nơi ngài từng bị nhốt. Tất cả giờ đổi khác. Cây quế xưa đã chết. Đường ra đồng rộng thênh thang, có thể chạy hai hàng xe tải. Nhiều nhà xây đã mọc lên, có dáng dấp những biệt thự vườn. Rồi quán cháo lòng, quán cơm bụi, quán karaoke. Làng An Đoài đã vắng vất đầu đó chút mùi vị thị thành. Đến chính lão Chộp cũng không còn nhận ra được dấu tích diu hiu của cái làng quê xưa cũ. Nhưng Ngài Peter Perterson thì vẫn nhận ra. Ngài nhớ rất rõ từng bờ rào, từng mô đất trên con đường làng ngoằn ngoèo những vệt trâu đá và ngài ngái mùi cúc tần, mùi rơm rạ. Lão Chộp rất kinh ngạc trước trí nhớ kỳ lạ của viên phi công Mỹ ngày nào.

– Chỗ này dạo ấy không phải như thế này đâu. Nó có rãnh nước nhỏ...

– Phải rồi! Lão Chộp xác nhận. – Nó là rãnh đất ải. Ông tập tễnh bước trên những rãnh đất ấy...

– Tôi nhớ là tôi rất đau chân. Đau lắm. Lúc ấy, tôi ngỡ mình không phải bước trên mặt đất, mà đang giẫm lên những bàn chông. Vâng, đúng là những mũi chông nhọn hoắt...

Lão Chộp cười hô hố:

– Không phải chông đâu. Đất làng tôi đấy. Tôi vẫn giẫm trên những vạt đất ấy ra đồng mỗi ngày. Chỉ có điều là ông đi chưa quen thôi. Lúc ấy, tôi đã lột giày ông, vì cứ tưởng điện đài ông giấu trong giày. Nếu biết ông cộc tếch, chỉ có mỗi bộ đồ lễ của lão phó cối, thì tôi đã chả bắt ông phải làm như vậy...

– Dạo ấy, tôi ngồi ở chỗ này, đúng không? – Đại sứ Mỹ chỉ cái bực gạch đã tróc vữa nham nhở ở góc sân kho hợp tác xã.

– Đúng đấy...

– Lúc ấy, có một người rót cho tôi bát nước. Bát nước rất lạ. Thoạt đầu chỉ thấy đắng ngắt. Đắng đến nỗi, tôi tưởng là thuốc độc. Nhưng sau lại thấy thơm, thấy ngọt. Một vị ngọt cũng rất lạ.

– Nước với đấy. Còn người rót nước cho ngài là ông Lơ...

– Ông ấy có ở đây không?

– Ông cụ mất rồi. Mất cách đây mới vài năm thôi...

– Thật đáng tiếc. Cầu Chúa ban phước lành cho ông ấy. – Giọng Peter Perterson trầm xuống. – Quả thật là khi uống bát nước của ông ấy đưa cho, tôi biết là mình sống. Nhất định sẽ sống. Thế còn đồng lửa? Tại sao lúc ấy họ đốt lửa to thế?

Lão Chộp cười:

– Họ đốt để nhìn rõ mặt ông đấy. Mặc dù lúc ấy, đốt lửa rất nguy hiểm. Vì lửa có thể là mục tiêu bắn phá của các ông...

Đại sứ Mỹ vẫn chưa hết ngạc nhiên:

– Thế còn những người xung quanh, họ la hét, họ cứ nhảy chơi chơi trước mặt tôi. Họ muốn làm gì tôi thế?

– À, đây là những người có chồng, có con bị bom các ông giết hại đấy. Rất may là chúng tôi kịp nhét ông vào kho lúa, khoá lại, chứ nếu không thì không chắc chúng tôi đã bảo vệ được ông thoát khỏi những cơn thịnh nộ của họ...

Đại sứ Mỹ cười buồn, rồi quay sang lão Chộp:

– Cũng may là tất cả mọi việc đã qua rồi. Tôi rất mừng là cả hai chúng ta đều còn sống. Lần trước, tôi đến An Bình bằng nhảy dù. Bây giờ thì tôi đến An Bình bằng ô-tô. Tôi muốn chúng ta hãy khép lại quá khứ, cùng nhìn về tương lai. Tôi sẽ làm hết mình cho tương lai ấy. Ông bạn tôi, ngài Tali có nhờ tôi chuyển lời hỏi thăm ông, hỏi thăm bà con An Bình...

– Thế ông Tali là ông nào? – Tôi tò mò hỏi lão Chộp.

– Là cái ông phi công nhảy dù cùng với ông Buson. Cái máy bay cháy đêm ấy có những hai phi công cơ, bác ạ. Chúng tôi chỉ bắt được mỗi ông Buson thôi.

– Ông Peter Perterson, cụ ạ. – Tôi vội đính chính.

– Ở đây chúng tôi vẫn gọi là ông Buson. Vừa rồi ông ấy về đây, chúng tôi cũng gọi là Buson. Ông ấy cũng chẳng cãi gì. Thế thì đúng ông ấy là Buson rồi còn gì, có bác nhớ nhầm tên ông ấy thì có. – Lão Chộp cười hề hề. – Vừa rồi, nghe ông Buson nói, tôi mới biết ông Tali là bạn ông ấy. Hai ông cùng nhảy dù. Ông Buson đau chân, vì va phải cái gì đó trên máy bay ấy. Ông Tali khoẻ hơn, ông ấy rủ ông Buson chạy trốn, nhưng ông Buson không chạy vì chân đau...

– Thế ông Tali có chạy được không?

– Chạy được chừng hơn hai cây số, sang phía bên kia cánh đồng Tè. Tưởng ông ấy trốn ở đâu, hoá ra chui vào bãi tha ma. Ông ấy đào ở rìa đồng mà một khoảng hôm đứng bằng một cái ghế ngồi. Ông ấy ngồi ở đó, lấy lúa che bốn xung quanh. Mà khen thay, là ông ấy xoa dấu vết rất giỏi, người ông ấy to xù như thế mà đi qua lúa chẳng để lại tí dấu vết nào. Đến khi mấy bà đi làm cỏ lúa túm được ông ấy thì ông ấy lại giả vờ chết. Đầu ông ấy ngoẹo xuống, mắt nhắm nghiền, nhưng mồm lại thở phò phò...

Lão Chộp cười khặc khặc:

– Ông Tali bây giờ, nghe nói cũng làm to lắm, đầu như ông ấy là giám đốc hãng hàng không máy bay du lịch Mỹ. Khi ông ấy bị bắt thì cũng rất buồn cười. Y hệt ông Buson. Đầu cũng trọc lông lốc. Khám người chỉ thấy lĩnh kính dăm cối. Các bố này cũng biết đề phòng có thể bị bắt, nên mang theo dăm cối, để đóng giả ông phó cối, để trà trộn. Nhưng mặt mũi ấy, chân tay ấy làm phó cối sao nổi.

– Chắc đó là thứ gỗ thay cho củi, dùng để nướng thức ăn gì đó chẳng?

– Không! Dăm cối rõ ràng, bác ạ, chẳng lẽ tôi mà lại nhầm được?

Lão Chộp lại cười, vẻ khoái chí! Rồi lão đẩy cái điều bát sang phía tôi:

– Bác hút thuốc đi. Thuốc lào Vĩnh Bảo đấy. Vừa rồi, ông Buson về đây, tôi cũng đãi ông ấy một chén thuốc lào...

– Ông ấy hút được thuốc lào, hả cụ?

– Hút tốt. Ông ấy vê thuốc gọn lăm. Chắc hồi nằm khoèo ở trại giam Hà Nội, ông ấy có hút thuốc Lào. Về cái khoản bắn thuốc này thì ông ấy chẳng chịu thua cánh thợ cày chúng tôi đâu...

Lão Chộp dừng lại. Lão nhìn tôi đăm đăm, vẻ như thăm dò, rồi lão dè dặt hỏi:

– Đây, tôi hỏi khí không phải. Có phải bác là cái anh Hạt gạo làng ta không?

Tôi ngạc nhiên nhìn lão:

– Vâng! Có chuyện gì thế cụ?

–Ồ, thế thì hay quá! Tôi định khăn gói quả mướp tìm gặp bác lâu rồi kia. May quá! Đúng là giò phù hộ, bác ạ!

Nói rồi, lão Chộp lặng cặng bước vào buồng. Có tiếng lạnh cánh va đập của chai lọ. Rồi lúc sau, lão lôi ra một cái xác-cốt quen thuộc mà ta vẫn thường thấy ở các cán bộ xã thời kháng chiến chống Mỹ.

– Tôi có mấy cái này, làm đã lâu rồi, hồi còn là thanh niên trong trung đội dân quân...

Tưởng gì, hoá ra lại là thơ. Lão viết trong những cuốn sổ ghi công điểm hợp tác xã. Nhìn chỗ nào cũng dày đặc những chữ. Tôi lần giở từng trang. Bài thơ nọ nổi bài thơ kia, trông rậm rịt như những vạt rau muống. Biết đâu trong số này chẳng có một đôi bài làm nên tên tuổi lão ở đời sau. Cứ xem lão nâng niu chúng, đủ biết đối với lão, đây mới chính là báu vật.

Tôi nhìn lão kinh ngạc. Hoá ra lão không muốn làm anh hùng, mà chỉ ôm mộng thành thi sĩ. Chuyện ta biết về lão vẫn chỉ là cái chuyện bắt phi công Mỹ. Chuyện ấy đối với lão lại là chuyện vặt. “Bác đừng viết làm gì, kéo dân làng tôi họ lại bảo cái lão này già rồi còn thích khoe, mà toàn khoe những chuyện cũ rích. Tôi có cả bài thơ viết về ông Buson đấy! Hay là thế này. Đêm nay, bác nghỉ lại đây đi. Ta làm ấm trà đặc...”

– Vâng! Thế nào cũng có buổi tôi trở lại nghe thơ cụ. Còn bây giờ thì tôi phải đi rồi...

– Thế bác có về Hà Nội không, hay còn làm việc ở Hải Dương?..

– Tôi về Hà Nội ngay chiều nay, cụ ạ.

Lão Chộp mừng rỡ:

– Thế thì bác cho tôi gửi cho ông Buson cái này nhé.

– Cụ gửi gì thế?

– À, tôi muốn gửi biếu ông ấy chục trứng gà mới đẻ với nải chuối tiêu, gọi là chút quà quê. Lần trước, ông ấy về, cập rập quá, tôi lại quên khuấy đi mất.

– Ấy chết, cái đó thì tôi không chắc chuyển được, cụ ạ. Ông ấy bây giờ làm đại sứ Mỹ, chuyển quà không dễ...

– Thế thì bác cứ nhắn là tôi có nhờ hỏi thăm. Tôi chúc ông ấy mạnh khoẻ. Và nếu ông ấy rồi rồi, mời ông ấy về An Bình chơi với chúng tôi. Tôi sẽ đọc thơ tôi viết về ông ấy cho ông ấy nghe. Tất nhiên, nếu có về An Bình, ông ấy cứ đi bằng ô-tô như hôm vừa rồi, chứ đừng nhảy dù.

– Thế nếu ông ấy cứ nhảy dù thì cụ tính sao? - Tôi hỏi trêu lão Chộp.

– Thì... thì tôi lại phải... “chộp” ông ấy thôi. Mà điều đó thú thực với bác là tôi rất không muốn. – Lão Chộp cười. – ấy cũng là nói cho vui thế thôi, chứ tôi với ông ấy đều già cả rồi. Ai lại còn đi làm cái trò trẻ con ấy nữa.

12- 1997

KỂ TIẾP CHUYỆN LÃO CHỘP

Chuyện lão Chộp, một ông thợ cày làng An Đoài đã bắt sống viên phi công Mỹ Peter Peterson thì cả thế giới đều đã biết rồi. Tất nhiên, thiên hạ cũng chỉ mới biết tường tận chuyện đó trong vài năm trở lại đây thôi. Còn khi sự kiện ấy đang thực sự diễn ra thì lại không có mấy ai biết. Bởi khi đó đang chiến tranh. Bom đạn mù mịt. Nói như câu nói cửa miệng của dân mình lúc ấy thì giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh. Cả nước thành mặt trận. Cụ già bắn rơi máy bay. Trẻ con cũng thành dũng sĩ. Chỉ bước chân ra ngõ đã gặp anh hùng. Nhìn đâu cũng thấy anh hùng cả. Bởi vậy, việc lão Chộp bắt giặc lái Mỹ trở thành chuyện bình thường. Bình thường nên chẳng có ai để ý đến nữa. Chính lão Chộp cũng đã quên khuấy chuyện đó. Mà quên từ lâu rồi. Chỉ đến khi viên phi công ấy, ngài thượng nghị sĩ Mỹ Peter Peterson trở lại Việt Nam làm đại sứ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ thì câu chuyện cũ lại bùng lên thành một sự kiện nóng hổi. Bao nhiêu phóng viên thông tấn báo chí trong nước và thế giới lần về làng An Đoài tìm gặp lão Chộp. Rồi chính Đại sứ Peter Peterson khi vừa đặt chân tới Hà Nội cũng đã đến thăm lão Chộp, thăm lại làng An Đoài. Và nói như lời ngài thì đó là mảnh đất mà ngài có nhiều kỷ niệm sâu sắc. Peter Peterson rất mừng khi lão Chộp vẫn còn sống. Cứ như lời ngài đại sứ thì cuộc chiến tranh đã qua quả là một quá khứ u buồn. Con người ta chẳng ai có thể thay đổi được quá khứ, nhưng hoàn toàn có thể thay đổi được tương lai. Ngài muốn cùng lão Chộp hướng về tương lai. Và rồi cũng từ đó, lần nào tôi về quê, lão Chộp cũng tới hỏi thăm sức khoẻ đại sứ Mỹ mà lão vẫn quen miệng gọi là ông Bu Sơn. Lão làm cứ như tôi có thể gặp đại sứ Mỹ dễ dàng lắm. Có lần lão còn nhờ tôi chuyển đến ngài đại sứ chút quà quê. Đó là nải chuối tiêu với chục trứng gà. Đối với người thôn quê, thì đó là quà quý. Người ta vẫn thường dùng món quà ấy thăm người ốm hay đàn bà đẻ. Chỉ tiếc tôi không sao chuyển được giúp lão món quà đó. Điều ấy lại làm lão rất ngạc nhiên:

– Thế ra gặp ông Bu Sơn mà khó đến thế kia à? Tôi tưởng bác cùng ở Hà Nội với ông ấy. Người cùng làng với nhau thì gặp nhau lúc nào chẳng được.

Tôi đã viết một thiên phóng sự kể khá kỹ về cuộc gặp gỡ giữa lão Chộp và ngài đại sứ Mỹ, rồi đưa chuyện lão vào cuốn Chân dung và đối thoại. Có người tưởng tôi làm thế chỉ để cho cuốn sách thêm dày. Có người trách tôi sao lại để lão Chộp ngồi chồm chồm trong cái chiếu dành riêng cho các nhà văn. Thực ra, tôi nghĩ mình không nhầm. Tôi trịnh trọng mời lão ngồi chung chiếu với các nhà văn vì lão là một nhà thơ dân gian. Nhưng trong cuốn sách, tôi chẳng nói chút gì về thơ lão mà chỉ bàn đến chuyện đánh giặc của lão thôi. Tài đánh giặc của lão Chộp đã nổi tiếng khắp nước. Còn thơ ca của lão Chộp thì chỉ nổi tiếng trong làng An Đoài. Cánh thợ cày thuộc thơ lão vanh vách. Họ bảo: “Chúng tôi chỉ thấy mỗi thơ ông Chộp là hay. Cứ làm theo thơ ông Chộp là chúng tôi có tiền. Còn thơ các bác, nói khí vô phép, không thể nào... sức được”. Lão Chộp có đến hàng trăm bài thơ, mà toàn thơ nói về cách làm ăn ở ruộng đồng, vườn tược:

*Bà con toàn thể xã ta
Đồng tâm phấn khởi giồng cà dái dê
Dái dê to mập dài ghê
Sang năm ta cứ dái dê ta giồng...*

Lão Chộp có vẻ khoái những bài thơ như thế này lắm. Dường như đối với lão, chỉ có thơ ca mới có ý nghĩa, chứ còn chuyện đánh giặc chỉ là chuyện nhất thời. Lão gói tập thơ cẩn thận, vuông vức như một cái bánh chưng. Thế rồi vào một ngày cuối năm, lão đột ngột mang cái bánh chưng thơ ấy đến nhà tôi, gọi là để “nhờ bác nếm giúp, nếu thấy nhạt thì bác cứ thêm giấm ớt vào cho nó đậm đà”.

Đấy là lần đầu tiên lão Chộp lên Hà Nội. Lão gọi là chuyển đi “dối già”. Cô cháu gái của lão

lấy chồng bên Gia Lâm, giờ làm nghề bán vải, đã bỏ ra cả một buổi chợ để đưa lão đi chơi, thăm danh lam thắng cảnh. Nhưng chỉ đi được một lúc lão đã thấy chán, vì Hà Nội chỗ nào trông cũng giống chỗ nào. Không ngờ thủ đô lại chật chội và ồn ào quá. Người chen người. Nhà chen nhà. Nhìn khắp mọi xó xỉnh, chẳng thấy hở ra một chút đất nào. Thế thì trồng cây làm sao? Lão Chộp thấy chán quá. Chưa hết buổi sáng đã chả còn chỗ nào nữa mà đi. Mãi đến lúc ấy, lão Chộp mới chợt nhớ đến một người quen nữa là ngài đại sứ Mỹ, mà lão luôn coi ngài như một thằng em. Vì thực tình thì ngài kém lão đến ngót một con giáp. Hôm chia tay lão ở làng An Đoài, chính ngài cũng có nhã ý mời lão nếu có dịp nào về Hà Nội thì đến ngài chơi. ừ, thế thì lão đến chơi. Đến xem thằng em sống thế nào.

Lão Chộp nhờ cô cháu gái đèo đến cửa Đại sứ quán Mỹ. Rồi lão quay lại bảo cháu:

– Thôi, mày về mà đi chợ đi. Tao vào uống rượu với Bu Sơn. Lúc nào cần thì tao bảo nó đưa về. Cháu không phải đón đầu.

Thế rồi lão đến thẳng toà nhà mà cô cháu gái bảo đó là Đại sứ quán Mỹ. Lão rất ngạc nhiên khi đến toà nhà của Mỹ, lão lại gặp người Việt. Một anh gác cổng người Việt ngăn lão lại:

– Cụ già đi đâu mà vào đây?

– Tôi đến thăm ông Bu Sơn. Đây có phải là Đại sứ quán Mỹ không?

– Vâng. Đây là Đại sứ quán Mỹ!

– Thế thì đúng rồi! – Lão Chộp cười. – May quá, tôi lại cứ tưởng là mình nhầm nhà. Chú cho tôi gặp ông Bu Sơn!

– Ở đây không có ông Bu Sơn cụ ạ!

– Quái! Thế ra nó nói dối à? Mà làm sao lại có chuyện thế được...

Thấy lão Chộp có vẻ ngờ vực, anh gác cổng hỏi:

– Ông Bu Sơn là người Việt hay người Mỹ?

– Người Mỹ!

– Thế thì không có rồi. Ở đây chỉ có mỗi ông Pe-terson là đại sứ Mỹ, chứ không có ông Bu Sơn nào cả.

– Đúng rồi, ông ấy là đại sứ Mỹ, nhưng ở làng, chúng tôi vẫn gọi là Bu Sơn...

– Thế cụ có giấy tờ gì không?

– Tôi chẳng có giấy tờ gì cả. Mà làm sao lại cứ phải có giấy tờ. Tôi tưởng chỉ có xe máy, xích-lô mới phải có giấy đăng ký. Thế ra người cũng phải đăng ký à?

– Không phải giấy đăng ký mà là giấy thông hành. Cụ có chứng minh thư hay bất cứ một loại giấy tờ gì để đi đường không?

– Tôi chỉ là nông dân. Nông dân thì cần giấy tờ làm gì? Tôi chỉ có mỗi một cái giấy để ở đồng làng thì không thể mang theo được.

– Sao lại có giấy tờ nào để ở đồng làng? – Anh gác cổng bắt đầu ngờ vực. – Đầu óc cụ có làm

sao không đấy?

– Tôi chẳng có làm sao cả. Ông Bu Sơn mời tôi đến chơi thì tôi đến chơi thôi. Ông ấy có bảo tôi mang theo giấy tờ đâu. Mà tôi cũng chỉ có mỗi cái giấy dài một mét sáu, sâu đến tận mét ba ở cánh đồng làng thôi. Loại giấy ấy thì đến bố tôi cũng chẳng thể nào vác theo được.

Nói rồi, lão Chộp cười hô hố. Cái lưỡi đỏ nhờ nhờ của lão cứ đập đập vào lỗ răng thủng. Anh gác cổng cũng không còn giữ được vẻ nghiêm nghị:

– Thế cụ với ông Peterson là như thế nào?

– Nó là em tôi đấy!

– Là em cụ? - Anh gác cổng tròn mắt. – Xin cụ nhớ cho rằng ông Peterson là người Mỹ...

– Thì nó là người Mỹ chứ sao! Tôi nói thực, chú lại cứ không tin. Tôi là anh Bu Sơn thật mà. Chú tưởng tôi là gián điệp hử? Tôi là anh Bu Sơn. Chú cứ vào bảo Bu Sơn, có thằng anh, là lão Chộp ở làng An Đoàn đến chơi. Nếu Bu Sơn đi vắng thì tôi về...

Nghe đến tên lão Chộp, anh gác cổng dường như đã nhận ra người nông dân năm xưa đã bắt viên phi công Mỹ. Không ngờ ông lão vẫn còn rất tráng kiện, vẫn đùa nghịch tinh quái như một gã trai làng. Anh mời ông lão ngồi đợi, rồi đi vào gấp thư ký đại sứ Mỹ. Chỉ một loáng sau, anh đã quay ra:

– Ngài Peterson rất mừng khi cụ đến chơi. Chỉ tiếc cụ đến đột ngột quá, lại không báo trước, nên xin cụ vui lòng chờ. Hết giờ làm việc, ngài Peterson sẽ tiếp cơm cụ. Còn bây giờ con xin mời cụ vào phòng khách đặc biệt của đại sứ...

Một người Mỹ nói rất thạo tiếng Việt dẫn lão Chộp vào một căn phòng khách sang trọng. Trong phòng có xa-lông. Có máy điều hoà. Một dãy tủ kính bày la liệt những rượu đủ các loại hạng. Chưa bao giờ lão Chộp nhìn thấy nhiều chai rượu đẹp và sang trọng đến thế. ở quê, lão chuyên uống mỗi một loại rượu, là rượu nếp nút lá chuối khô. Lão bảo một anh nhân viên người Mỹ:

– Chú có chai rượu ngon nào cho ta mua một chai?

– Thưa cụ, cụ thích loại rượu nào?

Anh nhân viên Mỹ hỏi lại lão Chộp bằng một giọng lơ lớ. Và điều ấy lại làm cho lão Chộp rất đổi ngạc nhiên:

– Ô, thế ra quê gốc chú ở Hà Tĩnh à?

- Không, tôi không phải người Hà Tĩnh. Tôi là người Hoa Kỳ. – Anh nhân viên Mỹ phân bua. – Tôi cũng đã hai lần qua quê cụ rồi. Quê cụ có bài hát Quê ta từ đất dấy lên*. Tôi thấy ở đấy dấy lên rất nhiều lò gạch tự tạo. Cụ thích loại rượu nào?

– Loại nào ngon nhất, đắt nhất, khoảng một triệu ấy. – Lão Chộp nói với đầy vẻ hãnh diện. – Chả nói giấu gì chú, sáng nay đi vội quá, ta chỉ kịp giắt túi có hơn triệu bạc thôi. Chú cứ tìm cho ta chai rượu trên một triệu...

Lão Chộp nói vậy cho oai. Chứ thực tình, toàn bộ tài sản trong nhà lão, có đem bán hết thì cũng không thể kiếm nổi một triệu bạc. Lão Chộp bảo tôi:

– Thực ra, trong túi tôi lúc ấy chỉ có nhón một trăm ngàn đồng. Đó là tiền cô cháu gái đưa cho để ông về đi xe ô. Nhưng mình cứ phải nói cứng lên như thế, để cho bọn Mỹ nó sợ. Nó cần phải biết rằng, nông dân Việt Nam không có xoàng đâu nhé. Cũng ăn chơi trác táng lắm đấy. Mỹ chẳng là cái đĩnh gì gì!

– Thế khi cụ thanh toán thì sao?

– Làm sao mà phải thanh toán? – Ông Bu Sơn ông ấy trả cho hết. Tôi biết trước thế. Mà thế là phải. Mình là khách cơ mà. Chính ông ấy đã mời mình đến, chứ có phải kiến tha mình đến đâu. Có ai mời khách đến nhà ăn cỗ lại bắt khách trả tiền cỗ bao giờ.

Nói rồi lão Chộp lại cười:

– Tôi cứ tưởng rượu Mỹ ngon thế nào. Hoá ra chả ra cái quái gì. Chai rượu mấy trăm đô mà đắng ngắt như cắt bỏ let. Loại rượu ấy so với rượu ta sao được. Tôi đổ hết đi, chỉ giữ mỗi cái vỏ chai. Quả là thứ rượu ấy chỉ có mỗi cái vỏ là có giá trị.

– Tối hôm ấy, cụ gặp ông Peterson thế nào?

– Mãi tới tối mịt ông Bu Sơn mới đến. Còn suốt buổi chiều ấy, tôi ngủ một giấc đấy, bác ạ. Khi tỉnh dậy lại không mở được cửa. Chìa khoá chỉ trùng trục một cái cục sắt. Rõ thật khoá cũng chẳng ra khoá. Thế mà nó lại bảo là khoá từ. Khoá từ chỉ áp nhẹ là cửa tự mở. Nhưng tôi không biết, tôi ấn mạnh quá nên từ bị triệt. Thế là cánh cửa cứ ngậm tịt như tường nhà tù. Tôi nghĩ bụng, bỏ mẹ, không khéo nó diễn biến hoà bình mình rồi. Trước đây mình nhốt nó vào kho lúa. Bây giờ nó nhốt lại mình vào cái lô-cốt lạnh ngắt như l... ma. Tôi đâm cửa rầm rầm, bác ạ. Chỉ tí tẹo nữa, thì tôi đâm vỡ cái toà đại sứ Mỹ.

– Thế hôm ấy, cụ với ngài đại sứ Mỹ nói với nhau chuyện gì?

– Ông ấy lại hỏi thăm bà con An Đoài. Rồi tỏ ý rất tiếc là do bận công việc quá nên chưa trở lại thăm bà con được. Ông ấy tặng tôi nhiều ảnh lắm. Cả một quyển ảnh dày bịch in toàn hình ô-tô. Tôi ngờ không khéo bố này còn làm thêm nghề buôn ô-tô nữa bác ạ. Nhiều ô-tô lắm. Đủ các kiểu loại. Nhưng có lẽ biết tôi không có tiền mua ô-tô nên ông ấy lờ đi, chẳng nói gì đến ô-tô cả, vẫn chỉ muốn cùng tôi nhìn về tương lai. Tôi nghĩ bụng, cái bố này rõ thật buồn cười. Già khú cả một lũ với nhau rồi thì còn tương lai cái khỉ gió gì nữa. Tương lai của tôi với ông ấy là cái lỗ dài mét sáu, sâu mét ba ở đồng làng ấy. Xuống đấy rồi thì còn nhìn thấy cái khỉ gió gì nữa. Tương lai là chuyện của các bác. Mà xem ra bác cũng hết thời rồi. Có chăng là trông chờ ở lớp con cháu bác thôi. Cầu mong cho chúng nó cứ đi làm đại sứ, cứ đi buôn ô-tô, hay cứ dong trâu ra đồng cày. Mệt thì nằm lăn ra bãi cỏ mà ngủ, chứ đừng có săn nhau, quật nhau ở trên đồng, cũng đừng nhốt nhau vào kho lúa như tôi với ông Bu Sơn ngày xưa. Chơi cái trò ấy chán lắm. Mà cũng chẳng hay ho gì đâu, bác ạ!

LÃO CHỘP VÀ NGÀI PETER PETERSON

CUỘC CHIA TAY THÁNG BẢY

I

Ôi dào ôi! Tưởng gì, hoá ra lại chuyện lão Chộp. Cái thằng cha này đúng là gà què ăn quần cối xay. Quê hần hoá ra cũng nghèo nàn, xơ xác lắm. Chỉ có mỗi đặc sản là... lão Chộp, nên đi đâu cũng khoe ra rả. Biết rồi. Lão Chộp bắt phi công Mỹ. Lão Chộp kết nghĩa anh em với Đại sứ Mỹ. Lão Chộp làm thơ về cà dái dê. Bà con nông dân cứ theo thơ lão thì có tiền. Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!

Vâng, tôi biết có bạn đọc sẽ ngán ngẩm kêu lên thế. Thực tình, trong thâm tâm, tôi cũng không muốn bàn thêm về lão Chộp nữa. Bởi lẽ, tôi cũng đã kể khá nhiều về lão rồi, đã ngấm lão ở rất nhiều góc độ. Bây giờ, tôi cũng muốn để cho lão được yên. Chính lão cũng không muốn thiên hạ bàn tán quá nhiều về mình. Nhưng khổ nỗi, hình như cái số của lão vẫn chưa thể yên được. Một nhà biên kịch điện ảnh rất nổi tiếng của ta vừa điện cho tôi, thông báo rằng anh đang muốn làm một bộ phim về lão Chộp, không phải phim tài liệu, mà phim truyện hần hoi kia. Anh Ninh Bình hiện đang làm việc trong một Công ty của Nhật ở đường Thụy Khuê Hà Nội thì nói thẳng với tôi: “Xuống cơ sở, tôi cứ đọc thơ Dái dê của lão Chộp là bà con vỗ tay rôm rốp. Nhưng hỏi thơ anh thì chẳng ai nhớ câu nào. Nói thế, anh buồn không?” Sao lại buồn hả các ngài Thượng Đế khả kính? Mà buồn làm sao được kia chứ. Các ngài chán thơ tôi, nhưng lại thích thơ lão Chộp, làm theo thơ lão Chộp. Thế thì vui quá đi chứ. Thơ ca đã can dự được vào đời sống, đã góp phần bày cho bà con ta cách xoá đói giảm nghèo. Ai dám bảo thi sĩ là cái lũ ngán ngơ, chỉ biết nhung nhăng những chuyện mây gió?

Có lẽ lão Chộp cũng chẳng ngờ lão lại được bà con nông dân yêu mến đến thế. Bác Lê Xuân Hùng ở bản Nà Ho, xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang còn viết thư cho báo Nông nghiệp Việt Nam, đề nghị toà soạn kiến nghị với Nhà nước phong cho lão Chộp một chức vụ gì đó. Chỉ tiếc là lão Chộp đã già mất rồi. Chẳng ai lại đề bạt cất nhắc một ông lão đã bảy mươi ba tuổi. Còn nhà văn Dương Tất Từ, một dịch giả tiếng Tiệp nổi tiếng thì điện cho tôi: “Mình yêu lão Chộp lắm, Khoa ạ. Ông cụ đúng là một người nông dân Việt Nam điển hình đấy. Mình rất muốn đến thăm ông cụ. Khoa bố trí đi cùng với mình nhé. Ta sẽ thuê một cái tắc xi. Cố gắng đi càng nhanh càng tốt, vì ông cụ già rồi. Người già như trái chín cây. Chẳng biết sẽ rụng lúc nào...”. Rồi còn bao nhiêu là độc giả. Họ thư cho tôi, thư đến báo Nông nghiệp Việt Nam. Nhiều người muốn biết cụ thể hiện nay lão Chộp sống ra sao? Cuộc kết nghĩa anh em thắm thiết giữa lão và ngài đại sứ Mỹ Peter Peterson hư thực thế nào? Rồi cuộc chia tay của “anh em” lão vào dịp tháng Bảy vừa qua nữa. Bao nhiêu là chuyện. Mà toàn những chuyện chỉ có lão mới biết. Bởi thế, chẳng còn cách nào khác, tôi lại đành phải về làng, hóng chuyện lão thôi.

II

Đến thăm lão Chộp lần này, ngoài tôi và anh Chiến, lái xe của báo Nông nghiệp Việt Nam, còn có nhà văn Dương Tất Từ, người từng dịch hàng loạt cuốn sách nổi tiếng được bạn đọc mến mộ. Dương Tất Từ từng ở nước ngoài lâu năm, nhưng anh vẫn chu đáo, tỉ mỉ như một bà nội trợ nhà quê sành điệu. Anh chuẩn bị linh kính đồ ăn, thức uống cho cả đoàn ở dọc đường. Anh “thừa” riêng món quà tặng lão Chộp. Đó là hai cây giò, mấy cuốn lịch và bao nhiêu hoa quả, bánh kẹo.

Buổi sớm. Trời se lạnh. Mưa bụi bay phiêu diêu, phơ phất như sương khói. Không khí đã nhuốm hơi xuân. Nhưng với lão Chộp thì mùa xuân dường như đã đến từ rất lâu rồi. Mới cuối tháng Mười, tháng Mười Một, đã có bao nhiêu người đến “xông đất” lão. Chủ yếu là cánh phóng viên báo chí quốc tế. “Bố em dạo này đắt khách lắm – Cô con gái rượu của lão Chộp tiết lộ - Ông cụ đi suốt ngày. Mấy hôm vừa rồi, các phái đoàn Mỹ, Úc, Canada và cả Đài Loan, Trung Quốc nữa còn về mời bố em đóng phim”. “Thế thì năm nay, không khéo ông cụ giàu lắm nhỉ!”. “Giàu cái khỉ gì. Mệt hơn trâu kéo cày – Lão Chộp cười hô hố – Thà cứ để tôi đi cày còn thoải mái hơn là bắt tôi đi đóng phim. Khổ nhất là họ cứ bắt mình phải đi hiên ngang. Thỉnh thoảng lại nhe răng ra cười, trong khi trong bụng chẳng thấy có cái gì đáng phải cười cả. Không có điều để cười mà lại cứ nhe răng ra thì khác gì con đười ươi hả bác?

Lão Chộp cười lục khục:

– Thực ra, khi đi bắt phi công Mỹ, mình có “hiên ngang”, có nghĩ ngợi quái gì đâu. Chỉ cố làm sao nhanh chóng quật ngã nó. Không quật ngã nó thì nó giết mình. Đơn giản thế thôi. Nhà văn nhà báo bố là cứ hay lằng nhằng!...

– Thế họ trả thù lao cụ mỗi buổi đóng phim bao nhiêu?

– Có tiền nong gì đâu bác. Đến bữa ăn thì họ cho mình ăn thôi. Mà thế là phải. Cũng như đi cày thuê ở quê, làm sao có tiền nong gì. Chủ nhà cho ăn bữa sáng, bữa trưa, bữa tối thì có thêm chút rượu nữa. Cơm rượu xong thì phải đi ra về. Thế thôi mà. Chỉ có điều, thức ăn của họ chán lắm bác ạ. Toàn bánh mì với lằng nhằng những cái gì ấy. Ăn chán bỏ mẹ. Nhai cứ nhệu nhạo như bò nhai rơm. Thế mới biết làm ông Tây cũng chẳng sướng gì đâu! Còn xơi họ mới bằng được cánh thợ cày làng mình...

– Thế vừa rồi cụ chia tay ông P. Peterson thế nào?

– Nửa đêm, ông ấy cho người gọi tôi qua điện thoại. Mà khổ, nhà tôi có điện thoại đâu. Ông ấy phải gọi nhờ qua con cháu ở đầu xóm. Nhà nó buôn bán nên mới sắm điện thoại. Tôi bố xấp, bồ ngựa chạy đến. Tưởng gì, hoá ra ông Bu Sơn. Ông ấy mời tôi về Hà Nội chơi, chia tay với ông ấy. Thế là tôi với ông Sính lặn lội tàu xe lên Hà Nội. Ông Sính chắc bác biết rồi chứ? Ông ấy cùng bắt phi công Mỹ với tôi năm xưa ấy mà. Ông Bu Sơn bảo: “Lẽ ra thì em phải về làng An Đoài chào anh mới phải. Nhưng vì công việc bận quá. Anh thông cảm!”. Khổ, tôi có trách gì ông ấy đâu. Mà ông ấy tất bật, bận bịu thật. Chia tay hết đoàn này lại đến đoàn khác. Tuy thế ông ấy vẫn giành cho anh em chúng tôi suốt cả một buổi chiều. Cũng chẳng có chuyện gì mà nói. Vẫn luẩn quẩn cái chuyện ngày xưa. Ông ấy cứ hỏi tôi: “Sao hồi ấy, ông đã bắt tôi rồi, đã trói tôi rồi, sao vẫn cứ lăm lăm khẩu súng, lại còn lên đạn nữa?” Tôi bảo: “Tôi lên đạn để dọa dân làng. Họ định xé xác ông. Tôi phải đi trước, cản họ, rồi che đất đá họ ném vào ông. Tôi bảo: “Nó bây giờ là tù binh của mình rồi. Nó mà chết thì tôi chết trước rồi các ông các bà chết sau. Chính sách tù binh của Đảng ta là rất khoan hồng. Ai giết nó là tôi bắn đấy!”. Rồi tôi lên đạn roạt roạt. Lên đạn để dọa bà con, chứ súng làm quái gì có đạn. Ngay cả khẩu súng tôi mang đi bắt phi công cũng chẳng còn viên đạn nào”. Ông Bu Sơn ngạc nhiên lắm. Tôi bảo, bọn Mỹ các ông chỉ ầm ào phồng mang trợn mắt làm con ngoáo ộp ở trên gò thôi, chứ xuống dưới mặt đất thì trông thấy đàn bà con gái, các ông cũng hãi đến vãi dãi...

– Thế ông Peterson về thăm cụ mấy lần?

– Ba lần! Một lần đi có quy mô, đón rước theo cấp nhà nước. Còn hai lần sau ông ấy đi riêng, đi lặng lẽ bình thường thôi. Ông ấy kết nghĩa anh em với tôi mà. Tôi biết ông ấy sắp về nước. Mà về nước là về vườn, ở nước tư bản đế quốc không khéo đói nhăn răng ấy chứ. Tôi lo cho ông ấy lắm. Tôi nhắn ông ấy: Chú rồi thì bố trí về đây với tôi. Tốt nhất là đừng đi ô-tô. Vì đi ô-tô thì không thể ở lâu được. Chú cứ làm một cuộc xe ôm. Đi xe ôm rẻ chán. Nếu chú ngại thì tôi bảo

cháu nó lên nó đón. Thằng con rể tôi làm nghề xe ôm mà. Về đây lâu lâu, tôi sẽ bày cho chú cách nấu rượu. Có nghề nấu rượu là sống được đấy. Vì bọn Tây mắt xanh mũi lõ các chú, xem ra thằng nào cũng nghiện rượu cả. Mà rượu của các chú thì chán bỏ mẹ. Đến ma nó cũng chẳng thèm uống, làm sao sánh được rượu làng tôi...”

Nhà văn Dương Tất Từ tròn mắt nhìn lão Chộp. Đối với anh, ông lão dường như có một cái gì rất kỳ bí. Anh lại hỏi ông cụ chuyện bắt viên phi công Mỹ Peter Peterson. Và lão Chộp lại rủ rỉ kể lại câu chuyện mà tôi đã tường thuật khá kỹ cho bạn đọc nghe từ mấy năm trước. So với những lần gặp ấy, tôi thấy lão gầy hơn, xanh xao hơn. Căn nhà lão cũng tênh toàng, xơ xác. Tài sản duy nhất trong nhà lão có thể bán được chỉ có mỗi con lợn xề gầy nhằng chừng hơn sáu chục ký. Còn bao nhiêu gà vịt, ngan ngỗng, lão đã bán hết để đổ vào tiền thuốc. Cứ như lời lão thì lão vừa qua một trận ốm thập tử nhất sinh. Ngay sau khi chia tay với “thằng em” Đại sứ Mỹ, lão bị tụt huyết áp, phải vào nằm bệnh viện Bạch Mai. Lão đình ninh lần này thì lão đi hẳn. Bởi thế, lão cứ nằng nặc xin về quê để chết ở quê. Ai ngờ khi về đến làng, ngửi mùi đất làng, hít thở ngon gió đồng quê, lão lại tỉnh như sáo tắm. “Tôi không thể sống được ở thành phố bác ạ. Chật chội, ngột ngạt lắm. Nếu cứ ở phố, không khéo tôi chết từ lâu rồi!” Lão Chộp vui vẻ nói vậy khi thằng dẫn nhà văn Dương Tất Từ và tôi đi thăm cánh đồng Mả Giai. Cánh đồng năm xưa lão đã từng lũng suc suốt đêm để săn viên phi công Mỹ P. Peterson. Cây quéo xưa đã chết. Người ta đã xây ở đây một cái điểm canh đồng. Cả cánh đồng bát ngát nhìn đến ngút tầm mắt chỉ thấy xanh ngắt một màu tỏi non. Cứ theo lời lão thì quê lão đang chuyển đổi cây trồng. Gia đình lão cũng có một sào rươi tỏi. Cả nhà bây giờ chỉ còn biết trông vào hơn sào tỏi ấy và thằng con rể lái xe ôm. Mấy đứa con gái lão thì neho nhóc con mọn nên cũng chẳng làm lụng được gì. Thằng con trai cả lão kiếm ăn ở phương xa, nghe nói nó vào Sài Gòn làm cửu vạn. Chẳng biết nó có kiếm được đồng nào không, nhưng mấy năm trời chẳng thấy gửi xu nào về nhà. Còn thằng con út thì lão đang cho lên tỉnh học Tiếng Anh cấp tốc.

– Có phải cái cậu cụ xin vào làm ở Đại sứ quán Mỹ không?

– Ừ, chính nó đấy – Lão Chộp cười – Nó tên là Thắng. Nguyễn Viết Thắng. Tên là Thắng nhưng làm cái quái gì cũng bại. Thằng này vụng thối vụng dòi. Trong lũ con nhà tôi, nó là thằng đoảng nhất. Bác cứ trông nó đấy. Người thì loẻo khoẻo loẻo khoèo. Năm ngoái trầy trật mãi mới tốt nghiệp phổ thông. Thi đại học lại trượt. Tôi bảo ông Bu Sơn: “Thôi, tôi cứ gửi nó cho chú. Nó dốt lắm, chỉ đi làm cho Mỹ là hợp. Chú xem rồi giúp đỡ cháu, đào tạo cháu. Rồi sau này thao việc rồi, chú về vườn, thì để nó thay chú luôn, rồi chú làm cố vấn cho nó. Chú cháu thì dễ hiểu nhau”.

Lão Chộp ngất ngưỡng nói vậy. Ai ngờ ngài Đại sứ Mỹ lại đồng ý. Ngài mời bố con lão lên Đại sứ quán. Nhưng đến khi thử việc, mới hay “thằng cháu” lại chẳng làm được việc gì. Ngay cả cái việc đơn giản nhất là làm văn thư, nhận thư từ, chuyển cho các phòng ban trong đại sứ quán, cu cậu cũng không thể đảm đương được vì một chữ tiếng Anh bẻ đôi cũng không biết. “Tôi rất buồn vì không thể thực hiện được điều mong muốn của ông anh tôi. Cháu nó chẳng làm được việc gì ở đây cả – Đại sứ Peter Peterson tâm sự với chị Phan Thanh Hảo, phóng viên báo Giáo dục & thời đại – Bây giờ thì tôi phải trở về Mỹ rồi, mà ông anh tôi thì mỗi ngày một già yếu. Không biết vài năm nữa, khi tôi có dịp trở lại Việt Nam, ông cụ có còn sống được đến ngày đó không. Tôi thực sự lo lắng cho sức khỏe của ông ấy!”

“Ôi dào, lão ấy dãi bơi đấy! – Ông lão gác nghĩa địa ngay cổng đồng Mả Giai bình luận – Anh em cái cóc khô gì. Tôi chả bao giờ tin cái thứ tình cảm đầu lười. Chú có đồng ý với tôi không nào? Đã là anh em, nếu quý nhau thật thì phải đỡ dần nhau một cách cụ thể những khi khó khăn chứ. Nếu không giúp được cái cần cầu thì cũng phải cho nhau con cá. Đàng này, tôi chỉ thấy “anh em” lão nói chuyện suông bằng nước dãi...”

Đối với người dân quê, những tình cảm suông dù nồng nàn, thấm thiết đến mấy cũng vẫn chỉ là chuyện “dãi bơi”. Nhưng tôi nghĩ ngài Đại sứ Mỹ cũng chẳng có lỗi. Lỗi tại họ không hiểu

nhau thôi. Vâng, tôi nghĩ là chẳng bao giờ họ có thể hiểu nhau được. Cho dù trước đây họ là kẻ thù, hay bây giờ là anh em kết nghĩa thắm thiết thì họ cũng sẽ chẳng bao giờ có thể hoà nhập được với nhau. Nếu lão Chộp hiểu người Mỹ, thì chắc chẳng bao giờ lão lại xin cho thằng con trai vừa hết lớp 12 vào làm việc ở Đại sứ quán Mỹ. Và nếu ngài Thượng Nghị sĩ Mỹ Peter Peterson hiểu lão Chộp thì chắc ngài cũng sẽ chẳng bao giờ tặng lão Chộp những chai rượu Tây rất đắt tiền, để rồi sau đó lão lại đổ hết đi, chỉ mang về mỗi cái vỏ chai, trong khi chỉ cần số tiền mua rượu ấy cũng đã đủ giúp lão Chộp đổi đời rồi. Nhưng điều ấy thì ngài không thể biết được, cũng như lão Chộp, lão cũng sẽ chẳng bao giờ hiểu được thằng em kết nghĩa của lão. Bởi đó là sự khác biệt của hai nền văn minh.

– Ông Peterson bây giờ là Chủ tịch Hội Thương mại Mỹ Việt rồi đấy, cụ biết chưa?

Tôi thông báo cho lão Chộp một cái tin chẳng lấy gì làm mới mẻ. Không ngờ lão mừng rỡ:

– Thế tức là ông ấy không phải về vườn hử – Lão Chộp nhìn tôi đầy vẻ hồi hộp.

Và khi biết đấy là chức vụ mới của ngài Thượng nghị sĩ Mỹ Peter Peterson, thì lão không giấu được nỗi vui:

– Thôi thế thì tôi cũng mừng cho chú ấy. Tôi cứ tưởng chú ấy về hưu, mà lại về hưu ở nước đế quốc tư bản, không có nghề làm thêm thì đói đã hòng.

– Ông ấy làm sao mà đói được – Tôi nói cho lão Chộp yên tâm – Nước mình vừa mới ký hiệp định Thương mại với Mỹ. Cụ nghĩ như thế nào về chuyện này?

– Tôi biết rồi. Đài báo ta cũng đã nói cả, nên ở làng này, ai cũng biết chuyện ấy. Tôi mừng lắm chứ sao. Đây này, cả cánh đồng tỏi này chúng tôi giồng để xuất cho Mỹ đấy. Rồi còn nhiều giống cây quả khác nữa. Mặc dù thế, tôi biết nước mình nếu có giàu thì cũng giàu lên ở đâu đó thôi, chứ nông dân thì làm sao khá được nhờ mấy cây hành, cây tỏi, hay đậu đay, chiếu cói này. Nông dân thời nào cũng khổ bác ạ, không ngóc đầu lên được đâu, làm sao mà giàu được hử bác. Nghèo nhưng yên hàn là tốt rồi. Tôi chỉ mong mình ký hiệp định với Mỹ, với Trung Quốc, với cả Lào và Căm Pu Chia nữa. Như thế nghĩa là mình sẽ là bạn làm ăn với tất cả các nước, phải không bác. Làm ăn với ai cũng được, miễn là đừng để xảy ra chiến tranh. Tôi thì đã già rồi. Còn bọn trẻ thì để yên cho chúng làm ăn. Đừng bắt chúng phải chết trận. Thời buổi bây giờ, cứ được yên hàn làm ăn là sung sướng nhất! Có phải thế không bác?

Tết con ngựa 2002

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>